

NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ

GIEO VÂN THƠ VIỆT

TỰ ĐIỂN TÌM VÂN THƠ

Khảo luận về VÂN CHÍNH * VÂN THÔNG
Quy tắc Gieo Vân Thơ Việt

TÌM VÂN * TIẾNG MỘT * TIẾNG ĐÔI * THI LIỆU
Nhận xét chung về Thơ

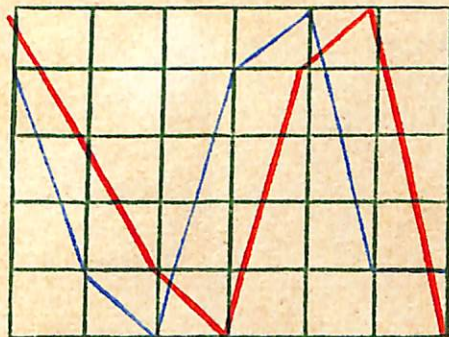
VÂN TIẾP * VÂN CHEO * VÂN ÔM
NGẮT HỜI * CHOÀNG * THÒNG

Thơ ĐƯỜNG LUẬT * LỤC BÁT * SONG THẤT
Thơ MỚI * Thơ TỰ DO * Thơ XUÔI * HAIKAI

Thơ CẦU KỲ * THUẬN NGHỊCH ĐỘC

VĨ TAM THANH * SONG ĐIỆP * MẶC THUYẾT
THẤT NHẤT * MÀU SẮC * NGŨ QUAN

Đồ Biểu các Thanh trong Bài Thơ



chỉ ngũ sắc

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN :

- *Lược Khảo về Mỹ-Thuật Việt-Nam*
Quốc-Học Thư-Xã xuất-bản năm 1942
- *Tân Hiếu Kinh*
Quốc-Học Thư-Xã xuất-bản năm 1943
- *Tổ Nam-Giao*
Nhà in Bùi-Huy-Tín xuất-bản năm 1939
- *Nhận xét về Chữ Hán*
Trung-Việt xuất-bản năm 1945

SẼ XUẤT BẢN :

TÂM SỰ NGÒI BÚT

Cộng tác với những cây viết trong nước và ở Hải-Ngoại
để nói lên những kỷ-niệm BUỒN, VUI, ĐÁNG GHI trong
đời mình (ĐỦ MỌI GIỚI).

Địa-Chỉ liên-lạc
Ô. NGUYỄN XUÂN NGHỊ
61 đường Đồng-Đa Đà-Nẵng
Miền-Nam Việt-Nam

NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ
NGUYÊN HỘI-TRƯỞNG HỘI KHUYẾN-HỌC ĐÀ-NẴNG

GIEO VẦN THƠ VIỆT



CHỈ NGŨ SẮC

BÌNH BÚT CỦA THI-SĨ THÁI-CAN

*N*HỮNG thi-gia lỗi-lạc trên thế-giới đều được nhân-gian coi như những bậc thánh-thơ. Danh-từ ấy có xác-thực không? Sách xưa nói : « Sinh nhi tri chi, vị chi thánh » (生而知之謂之聖) trời sinh ra không học, tự nhiên biết một cách hoàn-toàn gọi là « Thánh ». « Học nhi tri chi vị chi hiền » (學而知之謂之賢) Học-tập nghiên cứu rồi nhiên hậu mới biết sâu xa, siêu-việt gọi là « Hiền ». Vậy những « thánh-thơ » đều không học qua một tí nào, mà tự nhiên thành thi-hào lỗi-lạc ư ? Không có lẽ thế !

Đành rằng cầm, kỳ, thi, họa là bốn ngành mỹ-thuật đòi hỏi thiên tài. Không có thiên tài thì không thể nào thành thi-sĩ, họa-sĩ, nhạc-sĩ danh tiếng được, lẽ ấy tất nhiên. Nhưng thiên tài cần hòa với tình-cảm, kiến-văn, kỹ-thuật thì sáng tạo mới có giá-trị và tác-phẩm mới vĩnh-viễn. Bởi vậy bốn ngành mỹ-thuật nói trên cũng gọi là « nghệ-thuật ». « Nghệ » (藝) là nghề. Đã nói đến nghề là nói đến học-tập. Là đi từ chỗ non nớt, yếu-kém đến chỗ chắc-chắn vững-vàng. Là sưu-tầm, nghiên-cứu tỷ-mỷ từ gốc đến ngọn. Là trau dồi kỹ-thuật từ chỗ đầy khuyết-diểm đến chỗ hoàn-toàn.

Bởi vậy không những về phương diện khoa-học, số-học, lịch-sử học, địa-chất học công nghiên-cứu rất cần thiết, mà ngay đến các « nghệ-thuật » cầm, kỳ, thi, họa nói trên công nghiên-cứu không phải ít - ỏi. « Thiên địa anh khí鍾而為人 » (天地英氣鍾而為人) (cái khí anh-linh của trời đất đúc nên con người). Đó là thiên tài. Nhưng thiên tài siêu-việt là những viên ngọc hiếm có. Đại đa số chúng ta, nếu có thiên tài, thì cũng là những thiên tài « bực trung ».

Ngay trong lãnh vực « nghệ-thuật » cầm, kỳ, thi, họa « các thiên tài bậc trung ấy » cũng phải dày công học hỏi, nghiên cứu.

Trong rừng nho thuở trước, các thi-gia cũng quan niệm như trên :

« Thông-minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi-họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lâu bậc ngũ-âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một chương ! »
« Nàng rằng nghề mọn riêng tây,
Làm chi cho bận lòng này lắm thân !
So dần dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ kéo vắn cung thương. »

Nguyễn-Du cho chúng ta biết quan niệm về mỹ-thuật của nhà Nho trong sinh thời của Cụ. Thuở ấy chữ « mỹ-thuật » chưa xuất hiện. Trong các tác-phẩm văn nhân chúng ta để lại chúng ta không thấy một vết tích nào về hai chữ « mỹ-thuật ». Ngay đến trong những tác-phẩm Trung-Hoa cổ điển chúng ta cũng không thấy. Nhưng không phải vì không có hai chữ « mỹ-thuật », mà tiền-nhân chúng ta không làm mỹ-thuật.

Tiền-nhân chúng ta không quan niệm mỹ-thuật xác đáng như chúng ta, nhưng trái lại, làm mỹ-thuật hơn chúng ta nhiều !

Đối với tiền-nhân chúng ta trong nho lâm, cầm, kỳ, thi, họa đều là những « nghề », là những « nghề chơi ».

« Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi ta phải học cho đủ điều ! »

Hồ-xuân-Hương cũng quan niệm như trên. Theo ý nàng, thì các người làm thơ dở đều phải học làm thơ đã :

« Khéo khéo đi đâu lữ ngàn-ngơ,
Lại đây cho chị dạy làm thơ ! »

Vậy muốn làm thơ hay cần phải học hỏi nghiên cứu, sưu tầm, khảo sát. Phải có thầy dạy kỹ-thuật làm thơ, và phải có sách dạy làm thơ *GIEO VẦN THƠ VIỆT* tuy không có tham vọng dạy thiên hạ làm thơ nhưng cũng có thiện-chi sưu-tầm, khảo sát hộ cho những người thích làm thơ, hoặc bắt đầu làm thơ những điều-kiện kỹ-thuật cần thiết, nhất là về phương diện âm-vận.

Tiếng Việt-Nam thuộc về loại ngôn-ngữ « độc-vận » (*Monosyllabique*). Mỗi tiếng có năm âm-điệu, tức là năm vần, hình dung bằng năm dấu : huyền (`), sắc (´), nặng (˘), hỏi (?), ngã (ˆ). Mỗi tiếng có năm âm-hưởng, năm âm-điệu. Bởi vậy, tiếng Việt-nam âm-hưởng, âm-điệu rất dồi-dào. Nhạc điệu và âm-điệu trong thi ca Việt-Nam rất phong-phú :

Vịnh Bà PHAN-THỊ-THUẦN :

« Chàng trung cho thiệp mới nên trinh,
Nửa vị giang-san, nửa vị tình.
Má phấn môi son, dòng nước biếc,
Gan vàng dạ ngọc, đá bia xanh.
Sô gai thiên hạ âu thừa nhĩ.
Gió bụi nhân-gian chẳng bận mình.
Qua lại thuyền ai sông Thúy-Ái.
Còn chẳng sóng gợn với hương thanh !

Tản Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu

Cái nhạc tính của âm-thanh trong thơ Việt-Nam thể hiện ra trong bài thơ, không những ở vần cuối cùng của mỗi câu mà ngay trong tất cả các âm-thanh của bài thơ :

LỜI KỸ-NỮ (1)

Mới lọt lòng ra tiếng khóc đầu,
Khách tình thừa biết bề tình sâu ?
Bao phen tri-kỷ bao phen giận.
Mấy độ nghinh-xuân mấy độ sầu !
Mở cửa trông trăng, trăng khuất núi.
Buông thuyền ra bể, bể thành dâu !
Ai thương, ai nhớ, ai ân-hận,
Trần lệ... cho tan... quả địa cầu !

Vô-danh-Thị

THĂNG-LONG HOÀI-CỔ :

Cao ngất mây xanh một ngọn cờ,
Kinh-thành ngày trước, tỉnh bây giờ.
Tượng đồng Trấn-Võ hương còn ngát,
Bia đá Hoa-Văn nét chữa lờ.
Núi Dục-lum-xum chùm cỏ mới.
Doanh Tô-lai-láng bóng trắng xưa.
Gặp ai cổ-lão ta xin hỏi :
Thuở trước phồn hoa đã thế chưa ?

Vô-danh-Thị

Bởi lẽ tiếng Việt-Nam dồi-dào về âm-thanh âm-điệu như nói trên, cho nên người làm thơ phải có một kỹ-thuật chọn vần gieo vần chắc-chắn, nếu không thì người làm thơ sẽ như Lưu-Nguyên lạc vào Đào-Nguyên, bị chìm đắm trong một rừng âm-thanh âm-điệu không lối thoát. \ Tim được vần, gieo vần được đứng đắn chính xác là tìm ra lối thoát.

(1) Kỳ thực đây là lời của một nhà Cách-mạng lỡ thời cơ bị ngồi tù.

Như đã nói trên, GIEO VẦN là một kỹ-thuật. Đã là một kỹ thuật, thì bắt đầu bằng sự đơn giản để đi đến chỗ phức tạp khó khăn. Trong tiếng Việt-Nam chúng ta, có âm-vận nào còn đơn giản hơn chữ A ? Em bé mới bập-bẹ cũng đã A... B... C... Nhưng phải đến bậc « thánh-thơ » như Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ mới gieo vần A một cách tuyệt-diệu.

« Da mồi tóc bạc ta già nhĩ ?
Áo biếc đai vàng bác đó a ! »

Ta hãy chọn một vần khó, bất cứ vần nào, vần ueo chẳng hạn :

« Cây kia kén nước phải còng queo,
Người tớ hom-hoem chỉ vị nghèo ! »
Vô-danh-Thị

QUAN GIÁO Ở THƯỢNG-DU

« Bốn bề nhà giáo vắng teo teo.
Quan giáo ăn no lại ngủ khoèo.
Một mụ vú già đi lếch-thếch.
Ba thằng lính xác bước leo-khoeo !
Khách vào đãi rượu bầu hôi rích.
Quan tới pha trà ấm mốc meo !
Bà giáo xin về buôn bán đỡ,
Khi nào... phủ... huyện... lại... xin theo !
Vô-danh-Thị

Tuy trường hợp có khác, nhưng tâm trạng bài thơ trên cũng na ná như bài thơ sau :

« Bồng môn vị thức ý-la hương,
Nghĩ thác lương môi, diệp tự thương !

Thùy ái phong lưu cao-cách điệu,
Cộng lân thời thế tạm lưu trang.
Thả kham thập-chỉ khoa hàm xảo,
Bất bả song-mi dấu họa trường.
Chỉ hận thập niên áp kim tuyến,
Vị tha nhân tác giá y-thường !

Cô-Thi

Như đã nói trên, hai bài thơ, một tâm trạng : vì nghèo nàn nên không được quan cao chức trọng. Vì nghèo nàn nên không được chồng quyền quý cao sang. Chỉ khác nhau ở chỗ : Bài thơ Việt chọn văn khó mà hay hơn bài thơ Hán chọn văn dễ. Thực vậy, trong thơ cổ-diễn Trung-Hoa, chúng ta phải nhận xét rằng các thi gia Tàu ít chọn văn khó, văn trắc nhất là trong thể thơ Đường Luật thất-ngôn bát cú. Trái lại thi-gia Việt-Nam sinh dùng văn trắc, văn khó :

SƠN-TINH THỦY-TINH :

Nước lụt ngày xưa cũng có tích,
Chuyện Vua Hùng còn chép ở sách :
Chú rề tằm-thường cô chẳng thích.
Ông Sơn ông Thủy đều đến xin,
Ông Sơn tốt lễ vua gả quách.
Thủy kia ế vợ ù chạy về,
Nịnh hót Cự Nước (1), dục chú Bách (2),
Sông lớn sông nhỏ dâng nước to,
Đê lớn đê nhỏ vỡ òi oạch.
Nào gỗ nào tre kéo ngồn-ngang,
Nơi đất nơi đá đồ đi-đạch.

(1) Cự nước tức là Thủy-Long-Quân.

(2) Chú Bách tức là Thần Hà-Bá.

Quan dân đi hộ cả đêm ngày,
 Tổng lý bất lực bị quờ trách..
 Nhấn nhủ cha mẹ trên trần-gian,
 Cười hỏi con gái đừng nói thách.

Như thế mới biết vấn đề GIEO VẦN là một vấn đề lớn cho các thi-gia Việt-Nam. Sau đây là một bài « thơ tiên ».

« Thủy tiên trần ai, bán vị thường,
 Nhật lại danh lợi lưỡng tương vương.
 Tâm tùy lục động thần tiên khách,
 Khâu tụng tam tư bích ngọc chương
 Thập lý lâu đài yêm nhật nguyệt,
 Nhất đoản ngọc lộ quế hoè hương.
 Viết thiên cao viễn, nan tầm mịch,
 Kiến thuyết Đào-Nguyên hữu từ tương.

Vô-danh-Thị

Bài thơ này, ngoài cái tiên cách của nó, nghĩa là ngoài cái nhạc điệu, ngoài cái tính cách phóng-khoáng thanh cao của nó, còn có một lối GIEO VẦN rất đặc biệt. Vần « thường » (常) (là nểm) ở cuối câu đầu có chữ nhật (日), ở dưới cùng, cho nên câu thứ hai bắt đầu bằng chữ nhật* (日). Vần « vương » (忘) (là quên) ở cuối câu thứ hai có chữ tâm (心) ở dưới cùng cho nên câu thứ ba bắt đầu bằng chữ tâm (心). Vần « Khách » (客) có chữ « khâu » (口) ở dưới cùng, cho nên câu thứ tư bắt đầu bằng chữ « khâu » (口). Vần « chương » (章) (là sáng) cuối câu thứ tư, có chữ thập (十) dưới cùng, cho nên câu thứ năm bắt đầu bằng chữ « Thập » (十). Vần « Nguyệt » (月) (là mặt trăng) cuối câu thứ năm, có chữ (nhất) (一) dưới cùng, nên câu thứ sáu bắt đầu bằng chữ « nhất » (一). Vần « Hương » (香) (là thơm) cuối câu thứ sáu, có chữ « Viết »

dưới cùng, nên câu thứ bảy bắt đầu bằng chữ « Viế » (𠄎).
Văn « Mịch » (𠄎) (la tìm) cuối câu thứ bảy, có chữ « Kiến »
(見) ở dưới cùng, nên câu thứ tám bắt đầu bằng chữ « Kiến »
(見). Xem thế thì chúng ta thấy GIEO VĂN có khi rất dụng
công và rất kỳ-diệu.

Tôi còn nhớ, cách đây khoảng bốn chục năm, nghĩa là vào
khoảng năm 1932, một đêm hè nào đó, đêm dài không ngủ được,
tôi sức nhớ đến bài thơ bằng văn « om » của Hồ-xuân-Hương :

« Tiếng gà văng-vẳng gáy trên bom,
Oán hận xui nên khắp mọi chòm.
Mơ thâm không khua mà lốc-cốc,
Trống sâu ai đánh cũng lom-tom.
Trước nghe những tưởng rằng là thực,
Sau ngẫm mà xem... những tiếng bôm...
Quân-tử ví dầu không mó tới,
Thân này ắt hẳn chịu già tom.

Đêm dài hôm ấy, tôi khắc-khoái vì cái văn « om » ấy. Và
trong trạng thái nửa thức nửa ngủ, tôi lầm-nhầm hoài, cố tìm cho
được đủ một số văn « om » để họa lại bài thơ nói trên. Và sau khi
đã tìm được số văn « om » cần-thiết, tôi đã « họa » được bài thơ
ấy. Nói cho đúng, tôi đã phỏng theo bài thơ ấy làm một bài thơ
văn « om » khác. Sáng ngày thức dậy, tôi cố gắng nhớ lại bài thơ
đã làm trong đêm, thì đã quên lửng bốn câu trên, chỉ còn nhớ bốn
câu dưới :

« Bên màn muỗi đói la inh-ôi,
Dưới bếp gà tơ gáy om sòm.
Quái lạ... đêm hè không ngủ được,
Thôi đành... mở cửa... đề mà... nom ! »

« Tay hèn dẽ cũng nói điều » ! Chép lại mấy câu thơ trên, không ngoài mục đích để chứng minh rằng : ai đã sáng tác thơ Việt cũng đã qua một quá trình như vậy ! Bực bội khi chưa kiếm được vần thơ, khoan-khoái khi đã tìm được vần thơ ! **GIEO VẦN THƠ VIỆT** đến giải quyết cho chúng ta sự khó-khăn ấy. Với **GIEO VẦN THƠ VIỆT** chúng ta sẽ sáng-tác thơ dễ dàng hơn, và nhất là chúng ta không mất thì giờ tìm vần, không sợ thiếu hụt vần. **GIEO VẦN THƠ VIỆT** sẽ nhận được sự tiếp đón nồng-hậu của các bạn sáng-tác thơ Việt. **GIEO VẦN THƠ VIỆT** sẽ là **QUYỀN SÁCH ĐẦU GIƯỜNG** của các bạn bắt đầu nghiên cứu thơ VIỆT và bắt đầu sáng-tác thơ VIỆT.

Viết tại Đà-Nẵng ngày 14-11-1972

Bác-Sĩ THÁI-CAN

Dưới đây là những tỷ-dụ :

*Bước lần theo ngọn tiêu khe,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.*

Kim-vân-Kiều

CẢNH TẾT

*Năm ngoái năm kia đói miệng CHẾT,
Năm nay phong-lưu đã ra PHẾT.
Thóc mùa, thóc chiêm hầy còn nhiều,
Tiền nợ, tiền công chưa trả HẾT,
Trong nhà rộn-rịp gói bánh chưng,
Ngoài cửa bi-bỏ rủ chung thết.
Ta ước gì được mãi thế này,
Hết Tết rồi, thời lại Tết !*

Nguyễn-Khuyến

On assomma la pauvre bête,
Un manant lui coupa le pied droit et la tête
Le loup, la mère et l'enfant
La Fontaine

And the young lie long and dream in their bed
Of the matching of ribbons for bosom and head

The song of the old mother
William Butler Yeats

Văn thơ Việt có hai loại :

Văn Bổng là những tiếng viết có dấu huyền hoặc không dấu như Hằng-Nga.

Văn Trắc là những tiếng viết có một trong những dấu :

Ngã (˘) như ngưỡng
 Hỏi (?) như cửa
 Nặng (.) như đợi
 Sắc (ˊ) như bác

Mỗi vần lại chia ra hai chi :

Chi Vần Chính và Chi Vần Thông.

Trước khi luận về Vần Chính và Vần Thông hãy nói đến Nguyên-âm, Tiền-phụ-âm và Hậu-phụ-âm.



NGUYÊN-ÂM, TIỀN-PHỤ-ÂM, HẬU-PHỤ-ÂM

Chữ quốc ngữ có 23 chữ cái :

a b c d đ e g h i k l m n o p q r s t u v x y.

Trong đó có 6 Mẫ-âm : a e i o u y, còn 17 chữ khác là Phụ-âm.

Những âm : a ă â e ê i ô ơ u ư y, gọi là Nguyên-âm đơn.

Những âm : ai ao au ay âu ây eo êu ia iu oo oa oe oi ôi ôi ua uê uơ ui uy ưi iêu oeo oai oay oao ươi uay uây uya uôi ươi yêu, gọi là Nguyên-âm kép.

Những phụ-âm : b c d đ h k l m n r t v x đứng trước nguyên-âm đơn (hay kép) gọi là Tiền-phụ-âm đơn (1).
 Thí dụ : Ba, cà, dâu, đào v.v. b, c, d, đ là Tiền-phụ-âm đơn.

(1) Trong 13 phụ-âm kê trên không có p và q vì p bao giờ cũng hiệp với h thành ph và q hiệp u thành qu. Ph và qu sẽ liệt vào loại Tiền-phụ-âm kép nói ở dưới.

Những phụ-âm kép ch gi gh kh ng nh ngh ph qu th tr đứng trước nguyên-âm đơn (hay kép) gọi là Tiền-phụ âm kép. Thí dụ : CHA, GIỜ, GHI, KHEN, NGA, NHÀ, NGHE, PHU, QUANG, THƠ, TRÀ.

Những phụ-âm c m n t đứng sau nguyên-âm đơn (hay kép) gọi Hậu-phụ-âm đơn.

Thí dụ : AC, EM, IN, ƯỚT.

Những phụ âm kép ch, ng, nh đứng sau nguyên-âm, gọi là Hậu-phụ-âm kép.

Thí dụ : LÁCH CÁCH, CUNG HẰNG, THANH BÌNH.

Kết luận : lấy thí dụ 2 chữ can - trường.

Can	c	tiền-phụ-âm đơn
	a	nguyên âm đơn
	n	hậu-phụ-âm đơn
trường	tr	tiền-phụ-âm kép
	ườ	nguyên âm kép
	ng	hậu-phụ-âm kép

NGUYÊN TẮC CIEO VẦN THƠ VIỆT

VẦN CHÍNH

Những chữ cùng một khuôn âm đọc lên nghe giống nhau gọi là Vần Chính.

Bằng-Giang

NGUYÊN TẮC THỨ NHẤT :

Tiếng bằng một nguyên âm vần với tiếng bằng cùng một nguyên âm như ng phải khác nghĩa.

Tỷ dụ :

*Ngang đầu đã xế bóng ô
Không toi, không nón, không ô đội trời.*

Trong câu lục trên xế bóng ô có ghĩa là mặt trời đã xế vì chữ Hán Kim-ô là mặt trời, còn ô trong câu bát ở dưới ghĩa là cái ô cũng gọi là cái dù.

Như vậy hai chữ cùng âm ô nhưng mỗi chữ có một ghĩa khác.

Về vần Trắc cũng vậy tiếng trắc một nguyên âm vần với tiếng trắc cùng một nguyên âm nhưng phải khác ghĩa.

Tỷ dụ :

*Em hé môi kêu : á !
Chị nựng em : au cư !
Tình tình người châu Á
Đẹp như một bài thơ.*

NGUYÊN TẮC THỨ HAI :

Tiếng Bằng một nguyên âm vần với tiếng Bằng cùng một nguyên âm có dấu huyền (˘).

Tỷ dụ :

a	vần với	à
ô	vần với	ồ
ơ	vần với	ờ
u	vần với	ù
ư	vần với	ừ

*Cô em thật ỡm Ờ
Nấu cá chẳng dùng Ơ.*

(Ơ tiếng miền Trung) là đồ dùng bằng đất nung thường dùng để kho cá.

Về vần chính Trắc cũng vậy, tiếng Trắc một nguyên âm vần với tiếng Trắc một nguyên âm khác dấu.

Tỷ dụ :

ả vần với ạ hoặc á
(ã) ỉ vần với (lợn) ý hoặc (béo) y
ợ vần với ở
ụ vần với ú hoặc ủ
Đầu làng có một Ắ
Quen gọi là Cái Ắ

NGUYÊN TẮC THỨ BA :

Vần chính Bằng là những chữ viết giống nhau nhưng khác nghĩa.

*Công đeo đuổi thiệt thòi lắm RU
Lặng nghe lời nói nhu RU.*

(Kim Vân Kiều)

Ru ở câu trên là tiếng trợ từ, ru ở câu dưới có nghĩa là lời nói ngọt ngào êm tai.

Điền hình là bài thơ dưới đây của Tố-Nữ :

*Nắng vàng bên xóm TÀNG-THƠ
Có cô con gái NGÂY THƠ đang chờ
Tóc thề đội nón BÀI THƠ
Tay cầm cuốn sách TUỔI THƠ bìa hồng.*

Đặc biệt trong bài thơ DƯỚI BÓNG DỪA, thi-sĩ Kiều-Giang đã khéo dùng chữ đôi YÊU YÊU trong câu lục đề vắn với chữ YÊU trong câu bát :

*Về đây lòng thấy yêu yêu
Yêu người, yên xứ hay yêu bóng dừa
Tôi yêu sen nở bờ hồ
Hay yêu cô gái học trò tóc xanh.*



Về nguyên tắc thứ ba của văn chính thơ Việt, nhận thấy luật thơ Pháp cũng tương tự, không dùng hai chữ viết giống nhau và đồng nghĩa để gieo vần.

TỈ DỤ :

*Les accommodements ne font rien en ce point
Les affronts à l'honneur ne se réparent point*
Corneille

Chữ POINT câu trên nghĩa là ĐIỀM

Chữ POINT câu dưới nghĩa là KHÔNG.

*À tous ces beaux discours J'étais comme une pierre
Ou comme la Statue est au Festin de Pierre*

Boileau

Chữ Pierre câu trên nghĩa là đá

Chữ PIERRE câu dưới là tên người

Trừ trường hợp đặc biệt của những câu dưới đây :

Il s'écrie : Où sont ils ?

Et l'écho sépulcral répond seul : Où sont ils ?

Vì tiếng vang đã nhắc lại không thiếu sót một chữ nào và dưới đây là một thí dụ nữa :

Sa voix disait encore : Eurydice Eurydice

Et tout le fleuve au loin répétait Eurydice

Lebrun

Thi-sĩ đã gico vần Eurydice với Eurydice cố ý nhấn mạnh con sông Hèbre đã nhắc lại tiếng Eurydice trong câu truyện thần thoại về Orphée.

Nguyên tắc thứ ba về vần chính Trắc cũng vậy, những chữ viết giống nhau nhưng khác nghĩa.

Tỷ dụ :

Ông ta làm ký LỤC

Thông thạo nhiều chữ TÂY

Ưa vận áo màu LỤC

Thích đeo lăm mề ĐAY.

NGUYÊN TẮC THỨ TƯ :

Vần chính Bằng là những tiếng không dấu hoặc có dấu huyền cùng nguyên âm ở cuối nhưng khác tiền-phụ-âm.

Tỷ dụ :

Veo teo vèo bèo vắn với nhau

TRÊN AO THU

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo

*Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Yên Đỗ

Vần chính Trắc trong nguyên tắc thứ tư là những tiếng cùng âm ở cuối nhưng khác tiền-phụ-âm, có thể có dấu khác nhau.

Tỷ dụ :

Xác, đặc, lạc vần với nhau,

QUI TIÊU

*Rừng lau gió xao xác
Chim hôm bay lác-đắc.
Gánh củi lững-thững về,
Đường quen không sợ lạc.*

Ưu-Thiên

NGUYÊN TẮC THỨ NĂM

Vần chính Bằng là những tiếng không dấu hoặc có dấu huyền cùng nguyên-âm (đơn hay kép) ở giữa kèm theo cùng hậu-phụ-âm (đơn hay kép) nhưng khác tiền-phụ-âm (đơn hay kép).
Thí dụ thứ nhất :

Tràng, hàng, chàng, đang vần với nhau và phân tách như sau :

Tiền-phụ-âm khác nhau	Nguyên-âm giống nhau	Hậu-phụ-âm giống nhau
Tr	à	ng
H	à	ng
Ch	à	ng
Đ	à	ng

TỪ HẢI RA HÀNG

Sao bỗng đem thân bỏ chiến TRĂNG,
Bao quân xao xác ngọn cờ HÀNG.
Sớ chi bèo bọt tôi vì nước,
Thẹn với non sông thiếp phụ CHÀNG.
Cung oán nỉ non đàn bạc mệnh,
Duyên may dun dùi lười Tiền-ĐANG.
Mười lăm năm ấy người trong mộng,
Chẳng những là đây mới đoạn-TRĂNG.

Chu-Mạnh-Trinh

Thí dụ thứ hai :

ĐƯỜNG, DƯƠNG, HƯƠNG vẫn với nhau.
Hãy tự buông cho khúc nhạc HƯỜNG
Dẫn vào thế-giới của du-DƯƠNG :
Ngừng hơi thở lại xem trong ấy.
Hiện hiện hoa và phảng-phất HƯƠNG...

Hồng-Điệu

Văn chính Trắc trong nguyên-tắc thứ năm là những tiếng cùng nguyên-âm (đơn hay kép) ở giữa kèm theo cùng hậu-phụ-âm (đơn hay kép) nhưng khác tiền-phụ-âm (đơn hay kép) có thể có dấu khác nhau. Thí-dụ : KHÁCH, PHÁCH, RÁCH, VÁCH vẫn với nhau.

TẾT TẶNG CÔ ĐÀO

Mừng xuân mừng quý KHÁCH,
Khi vui lo đàn PHÁCH.
Truyện nở như gạo rang,
Truyền dai như cháo RÁCH.
Đồ cả bốn chân giường,
Siêu cả một bức VÁCH.

Trần-Kế-Xương

Văn Chính ít hơn văn Thông, vì vậy một bài thơ gieo toàn văn chính (độc vận) mà âm-diệu vẫn du-duơng thời tác-giả phải khéo lựa toàn văn độc đáo.

Trái lại một bài thơ dùng toàn văn chính mà gieo vần không xuất sắc, thì bài thơ dễ biến thành một bài về bình dân.

Trong tập « Mùa cò diên » tác giả Quách-Tấn đã góp vào làng thơ trên 60 bài thơ Đường luật trong đó Quách-Tấn đã dùng toàn văn chính trên 20 bài. Độc đáo ấy chứng tỏ Quách-Tấn một thi sĩ có tài gieo văn Chính và có tài sáng tác theo lối độc vận.

Dưới đây là hai bài thơ độc vận của Quách-Tấn :

TRƠ TRỢI

Tình cũng lơ mà bạn cũng LƠ !
Eao nhiều khăng khít bấy Ơ HỜ
Sầu mong theo lệ khôn theo lệ,
Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội THƠ !
Mưa gió canh dài ngăn lối mộng,
Bèo mây bến cũ quỵên lòng TỜ
Hỏi thăm tin tức bao giờ lại ?
Con thước qua song lại ỡm Ờ !

THƠ VỀ

Giấc mộng nghìn xưa đương mãi MÊ
Vùng nghe cảm hứng báo thơ VỀ
Sóng mài nghiêng biển ngời non chấm
Gió trải tờ mây chữ nhạn ĐỀ
Vồn vã tiếng đương ngâm lại đọc,
Rõ ràng sắc rờn diềm rồi PHÊ
Tứ tràn ra mũi trong cao rộng...
Thiên nữ bưng hoa rắc xuống TỀ.

Người làm thơ khi sáng tác muốn dùng toàn văn chính thường chia bài thơ ra nhiều đoạn (Thi-đoạn) và hết một thi đoạn lại đổi sang văn khác gọi là hoán vận.

Thí dụ :

CHÙA HƯƠNG

Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương,
Cùng thầy me em dậy,
Em vấn đầu soi gương.
Khăn nhỏ đúi gà cao
Em đeo dải yếm đào,
Quần lĩnh áo the mới,
Tay cầm nón quai thao
Me cười : «Thầy nó trông !»
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá !
Bao giờ cô lấy chồng ?
Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mỗi mai đưa tiếng
Khen tươi như trăng rằm
Nhưng em chưa lấy ai
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm
Ý đợi người tài trai.

.

Nguyễn-Nhược-Pháp

VẦN THÔNG

Những chữ cùng một khuôn âm tương tự đọc lên nghe hơi giống nhau gọi là Văn Thông.

Bồng Giang

Nếu chúng ta mượn trong Kiều câu :

Ngày xuân con én đưa thoi,

đề ghép với câu :

Trẻ già nhện nhip đi coi hát chèo.

Tức là chúng ta đã gieo vần THOI với COI, hai vần chính đã nói ở mục trên.

Thực ra Thi-hào Nguyễn-Du đã viết :

Tường đông ong bướm đi về mặc AI.

Ngày xuân con én đưa THOI,

Thiều-quang chín chục đã NGOÀI sáu mươi.

Theo luật thơ Lục-bát thì những chữ đứng ở vị thứ các chữ (ai, thoi, ngoài) phải vần với nhau.

(AI, THOI, NGOÀI) sở dĩ VẦN được với nhau vì ba nguyên-âm kép AI, OI, OAI khi đọc lên có một giọng gần tương tự hay nói một cách khác khi đọc môi và lưỡi đã chuyển vận gần như nhau. Đây cũng là những điều căn bản về âm-luật của những vần có thể « THÔNG » được với nhau mà thường gọi là « VẦN THÔNG ».

Soạn cuốn Gieo Vần Thơ Việt chúng tôi dựa theo những qui-tắc về âm-luật của các bậc tiền-bối như Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ và các thi-học gia khác, nhưng đã lựa lọc và bỏ bớt những qui-tắc nhận thấy không hợp với văn vận hiện tại.

Ngoài ra chúng tôi cũng sao-lục những câu thơ cò hoặc kim đề dùng làm thi-liệu (1). Chúng tôi cũng góp thêm vào tài liệu đó một vài xuy-luận riêng.

Ưu-Thiên Bùi-Kỷ viết về Văn Thông trong cuốn « Quốc-Văn Cụ-Thê » (xuất-bản năm 1950) như sau :

Cùng thanh-bằng hay thanh trắc, mà đọc theo một giọng tương-tự, cũng có thể cho nhập vào một vần như là :

Co to (văn chính) thông với Cô tô (văn thông)
Lành mình (văn chính) thông với linh mình (văn thông)
Lục-cục (văn chính) thông với lộc-cộc (văn thông)
Lã cả (văn chính) thông với lỗ-cở (văn thông).

Lê-Thần Trần-Trọng-Kim luận về Văn Thông trong cuốn Việt-Thi (xuất-bản năm 1956) như sau :

Văn Thông là những tiếng tuy không đồng một âm như các văn chính, nhưng cùng một giọng phát âm có thể hiệp vận với nhau được. Ta làm thơ thường hay lạc vận là vì không hiểu rõ cái luật của văn thông. Vậy nên phải định rõ luật ấy.

Khi một âm phát ra là do sự vận-động của môi và lưỡi. Hai âm theo một sự vận-động ấy gần như nhau, tất là hơi tương tự nhau, như A với Ơ đều cùng một sự vận-động của môi và lưỡi, thì A có thể thông với Ơ, Ơ với U cũng đồng một sự vận-động của môi và lưỡi, thì Ơ có thể thông với U.

Nhân cái luật ấy mà định những âm có thể hiệp thành vận như sau này :

(1) Chúng tôi xin thành-thực cáo lỗi cùng các thi-gia mà chúng tôi đã mạo phép chép toàn bài hay một vài thi đoạn những bài thi mà quý vị đã sáng-tác để làm tỷ-dụ mà không xin phép trước vì phần nhiều chúng tôi không rõ địa-chỉ.

à, ơ	thông được với nhau.
ơ, ư	nt
e, ê, i	nt
o, ô, u	nt

Dem thực hành luật ấy, thì thấy rất đúng với các vần thông của những thi-nhân đã dùng từ xưa. Sau này lấy những vần thông trong truyện Kiều, trong Cung-oán và các truyện khác, đem trích ra để làm mẫu.

1.— Vần thông của vần bằng.— a) Những vần thông có chữ nguyên-âm đứng ở cuối tiếng.

A thông với Ơ :

Thâm khuê vắng ngắt như TỜ
Cửa châu gió lọt, rèm NGÀ sương gieo (Cung-oán)
Mơ-hồ ngõ tiếng xe RA,
Đốt phong hương hả mà HƠ áo tàn. (Cung-oán)

Ơ thông với Ư :

Diện tiền trình với tiêu-THƯ,
Thoạt trông dường có ngà-NGƯ chút tình (Kiều)
Rành rành kẻ tóc chân TƠ,
Mấy lời nghe hết đã DƯ tỏ tường (Kiều)

E, Ê, I thông với nhau :

Thấy lời đoan chính dễ NGHE,
Chàng càng thêm nề thêm VÌ mười phân. (Kiều)
Tài sinh chưa dứt hương THỀ,
Làm thân trâu ngựa đền NGHỈ trúc mai. (Kiều)

O, Ô, U thông với nhau :

Lầm-dầm khăn vái nhỏ T(),
 Sup ngời đặt cổ trước MỒ bước ra. (Kiều)
 Nghĩ đi nghĩ lại quanh CO,
 Phạt tiền sẵn có mọi ĐỒ kim ngân. (Kiều)
 Nghề chơi cũng lắm công PHU,
 Làng chơi ta phải biết CHO đủ điều. (Kiều)

AI thông với AY :

Vi lô sần-sạt hơi MAY,
 Một trời thu đề riêng AI một mình. (Kiều)

AI, OI, ÔI, ƠI, ƯƠI, UI thông với nhau :

ai, oi Trường đông ong bướm đi về mặc AI.
 Ngày xuân con én đưa THOI.
 Thiều quang chín chục đã NGOÀI đôi mươi. (Kiều)

oai, ôi Lòng thơ lai-láng bởi HỒI,
 Gốc cây lại vạch một BÀI cò thi. (Kiều)

ai, ơi Cỏ non xanh tận chân TRỜI,
 Cành lê trắng điểm một VÀI bông hoa. (Kiều)

ai, ươi Hương trời sả động trần AI,
 Dầu vàng nghìn lạng để CƯỜI một khi. (Cung-oán)

ai, ui Thú quê thuần hức bén MÙI,
 Giếng vàng đã rụng một VÀI lá ngô. (Kiều)

oi, ôi Vầng trăng ai xẻ làm ĐÔI,
 Nửa in gối chiếc nửa SOI dặm trường. (Kiều)

oi, ơi Vội-vàng kẻ giữ người COI,
 Nhỏ to nằng lại tìm LỖI khuyên can. (Kiều)

ôi, ui Nỗi riêng lớp lớp sóng GIÒI,
 Nghĩ đòi cơn lại sứt SƯỜI đòi cơn. (Kiều)

- oi, ui Thông minh vốn sẵn tự TRỜI,
Pha nghề thi họa đủ MÙI ca ngâm. (Kiều)
- ươi, ui Nụ hoa chưa mím miệng CƯỜI,
Gấm nang Ban đã nhạt MÙI phù-dung. (Cung-oán)

AO thông với AU :

Người lên ngựa, kẻ chia BÀO,
Rừng phong thu đã nhuốm MÀU quan san. (Kiều)

AO, EO, ÊU, IÊU, IÙ, ƯU thông với nhau :

- ao, êu Nàng thì vội trở buồng THÊU,
Sinh thì đạo gót sân ĐÀO vội ra. (Kiều)
- ao, iêu Ngân vàng thân ấy dễ hồng bỏ SAO,
Dỗ dành khuyên giải trăm CHIÊU. (Kiều)
- ao, iu Trời thu xanh ngắt mấy tầng CAO,
Cần trúc lơ-phơ gió hắt-HIU.
(Nguyễn-Khuyến)

- Cái hoa đã trót gieo cành biết SAO ?
- ao, ưu Miếng cao lương phong-LƯU nhưng lợm
Mùi hoặc lê thanh đậm mà ngon. (Cung-oán)
- eo, iêu Dưới dòng nước chảy trong VEO,
Bên cầu tơ liễu bóng CHIÊU thướt-tha. (Kiều)
- êu, yêu Nước non cách mấy buồng THÊU,
Những là trộm nhớ thăm YÊU chúc mừng. (Kiều)
- iu, iêu Tựa ngồi bên triện một mình thiú THIU,
Thoắt trông thấy một tiều KIÊU. (Kiều)
- ưu, iêu Man dân ở chốn thượng LƯU,
Lấy nghề chài lưới làm ĐIỀU trị sinh.
(Quốc-sử ca)

b) Những vần thông có chữ phụ-âm đứng ở cuối tiếng :

AM thông với ƠM :

*Chày sương chưa nện cầu LAM,
Sợ lặn-khân quá ra SƠM-sơ chẳng. (Kiều)*

ĂM thông với ÂM :

*Lệ rơi thấm đá, tơ chia rủ TĂM,
Trời hôm mây kéo tối RĂM. (Kiền)*

ÊM thông với IM :

*Kề từ khi gặp chàng KIM,
Khi ngày quạt ước, khi ĐÊM chén thề. (Kiều)*

AN thông với ƠN :

*Suy trong tình trạng nguyên-ĐƠN,
Bề nào thì cũng chưa AN bề nào. (Kiều)*

ĂN thông với ÂN và UÂN :

*So lần dây vũ dây VĂN,
Bốn dây to nhỏ theo VẦN cung thương. (Kiều)
Vẫn nghe thơm nức hương LÂN,
Một nền Đồng-tước khóa XUÂN hai kiêu. (Kiều)*

EN, IN, IÊN, UYÊN thông với nhau :

*Phẩm tiên rơi đến tay HÈN,
Hoài công nắng giữ mưa GÌN với ai. (Kiều)
Sánh vai về chốn thư HIÊN,
Góp lời phong nguyệt nặng NGUYỄN non sông. (Kiều)
Mất người còn chút của TIN,
Phim đàn với mảnh hương NGUYỄN ngày xưa. (Kiều)*

ON, ÔN, UÔN thông với nhau :

Bóng tà như giục cơn BUỒN,
Khách đà lên ngựa, người CÒN ghé theo. (Kiều)
Bạc-hà học với Tú-bà đồng MÔN,
Thấy nàng mận phấn tươi SON,
Mừng thăm được buổi bán BUÔN có lời. (Kiều)

ON thông với UN :

Cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa PHUN.
Sương như lúa bờ MÒN gốc liễu,
Tuyết đường cửa xẻ héo cành ngô (Chinh-phụ)

ANG THÔNG VỚI ƯƠNG (KHÔNG THÔNG ĐƯỢC
VỚI UÔNG vì A không thông được với Ô) :

Khúc nhà tay lựa nên CHUÔNG,
Một thiên bạc mệnh lại CANG nào nhân. (Kiều)

ĂNG, ÂNG, ƯNG thông với nhau :

Hiên sau treo sẵn cầm TRĂNG,
Vội-vàng sinh đã tay NÂNG ngang mảy. (Kiều)
Chim hôm thoi-thót về RỪNG,
Đóa trà-my đã ngậm TRĂNG nửa vành. (Kiều)

ONG, ÔNG, UNG thông với nhau :

Qua chơi thấy tiếng nàng Kiều.
Tấm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-HÙNG.
Thiếp-danh đưa đến lầu HỒNG,
Hai bên cùng liếc, hai LÒNG cùng ứa. (Kiều)

UÔNG thông với ƯƠNG :

Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một VUÔNG.

Bạc mây đón bước ngọn TƯỜNG,
Phải người hôm nọ rõ-ràng chẳng nhe. (Kiều)

ANH, ÊNH, INH thông với nhau :

Nao-nao dòng nước uốn QUANH,
Dịp cầu nhỏ nhỏ cuối GHỀNH bắc ngang. (Kiều)

Rằng sao trong tiết thanh-MINH,
Mà đây hương khói vắng TANH thế mà. (Kiều)

Lênh-đênh đâu nữa cũng là lênh-ĐÊNH,
Chín e quê khách một MÌNH... (Kiều)

2— VẦN THÔNG CỦA VẦN TRẮC.— Những vần thông của vần trắc cũng theo một nguyên-tắc như những vần thông của vần bằng. Sau này trích mấy câu ở trong Cung-oán ra để làm mẫu :

a) Những vần thông có chữ nguyên-âm đứng ở cuối tiếng :

é, i Hoa xuân nọ còn phong nộn nhị,
 Nguyệt thu kia chưa hé hàn quang.

ô, ư Hình mộc-thạch vàng kim ở cở,
 Sắc cầm-ngư ử vũ ê phong.

ia, uê Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
 Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên.

ao, iêu Ngọn tâm-hỏa đốt rầu nét liễu,
 Giọt hồng băng thấm ráo làn son.

b) Những vần thông có chữ phụ-âm đứng ở cuối tiếng :

ác, ước Tài sắc đã vang-lừng trong NƯỚC,
 Bướm ong càng xao-XÁC ngoài hiên.

ắc, ực Trên chín bề, mặt trời gang TẮC,
 Chữ xuân riêng sớm CHỢC trưa chiều.

ận, ản	Chim đáy nước, cá lừ-đừ LẶN, Lừng da trời, nhận NGẪN-ngơ sa.
ật, ắt	Kìa điều thú là loài vượn VẶT, Dẫu vô tri cũng BẮT dào-bồng.
ật, út	Thà mượn thú tiêu-dao của PHẬT, Mỗi thất tình quyết DỪT cho xong.
út, uốt	Vẻ vưu-vật trăm chiều chải CHUỐT, Lòng quân-vương chỉ-CHÚT trên tay.

MẤY ĐIỀU NÊN NHỚ : Những điều hệ-trọng nên nhớ trong sự gieo vần quốc-ngữ, là bốn điều sau này :

1 — Trong sự gieo vần quốc-ngữ, có ba âm : a, ă, â ghép với một phụ-âm c, m, n, p, t thành một âm ghép, như : ac, ăc, âc — am, ăm, âm — an, ăn, ân — ap, ăp, áp — at, ăt, ât, những vần ghép ấy chỉ thông được với nhau khi có cùng một phụ-âm đứng trên. Thí-dụ như : Bác thông được với bắt hay bất, mà không thông được với cắt hay cắt, mắt hay mắt ; — lam thông được với lăm hay lâm, mà không thông được với bằm hay bằm, trăm hay trăm ; — quan thông được với quăn hay quăn, mà không thông được với chẵn hay chân, nhẵn hay nhân v.v.. Đó là cách hiệp vận do âm-điệu điều-hòa mà thành lệ.

2 — Khi có vần ghép bằng hai hay ba chữ nguyên-âm với một phụ-âm đứng cuối, như, iên, uyên, uân, uôn, thì người ta lấy hai chữ cuối cùng làm vận-căn mà gieo vần, cho nên en, in vần với yên hay uyên ; ân vần với uân ; ƠN vần với oan ; on vần với uôn.

Khi có vần ghép bằng hai chữ nguyên-âm với hai chữ phụ-âm, như ương, thì người ta lấy ba chữ cuối cùng làm vận-căn mà gieo vần, cho nên ang thông với ương. Song phải nhớ

rằng uông thông được với ương, mà không thông được với ang, vì a không thông được với ô.

3— Khi có vần ghép bằng hai hay ba nguyên-âm, thì người ta theo âm-điệu mà lấy một hay hai chữ nguyên-âm làm vận-căn, như : oa, oe, uê, uy, thì vận-căn ở chữ a, e, ê và y, cho nên oa vần với a, oe vần với e, uê vần với ê, uy vần với i. Uây thì vận-căn ở ây, cho nên uây vần với ây. Thí-dụ :

- a, oa Lại càng ủ-dột nét HOA,
Sầu tuôn đứt nỗi châu SA vẫn dài. (Kiều)
- e, oe Dưới trăng quỳnh đã gọi HÈ,
Đầu tường lửa lựu, lập-LÒE đắm bông. (Kiều)
- ê, uê Buồng không đề đó, người xa chửa VÈ,
Lấy điều du học hỏi THUÊ... (Kiều)
- uy, ì Cứ trong mộng-triệu mà SUY,
Phận con thôi có ra GÌ mai sau. (Kiều)
- ây, uây Dễ ai rắp thảm quạt sầu cho KHUÂY,
Gần miền nghe có một THẦY... (Kiều)

Những vần ia, uya, ua, thì vận-căn lại ở chữ i, y, u, và ư mà chữ a đứng ở cuối tiếng không có ảnh-hưởng gì cả. Thí-dụ :

- i, ia Tiếng Kiều nghe lọt bên KIA,
Ơn lòng quân-tử sá GÌ của rơi. (Kiều)
- ê, uya Có sao trần-ngọc canh KHUYA,
Màu hoa-lê hãy dầm-ĐỀ giọt mưa. (Kiều)
- ô, ua Chạnh niềm nhớ cảnh giang-HỒ,
Một niềm quan-tải mấy MÙA gió trắng. (Kiều)
- ư, ưa Nào người cũ gió tuôn MƯA,
Một ngày nặng gánh thương-TU một ngày. (Kiều)

Dưới đây là một bài thơ gieo toàn vần Thông của nhà
Cách-Mạng Phan-Bội-Châu tặng bạn đồng chí Ngô-dinh-Diệm :

*Ai biết trời Nam hãy có NGƯỜI
Sịch nghe gõ sét nồ bên TAI
Lông hồng coi nhẹ vàng muôn lượng
Ngôi quý xem nhường dếp nửa ĐÔI
Phơi tở cùng trời gan đỏ chói
Nhá nhen thấy kẻ mắt đen THUI
Vi chẳng kịp lúc làm vài vế
San ngựa Châu xin quất ngọn-ROI.*

Phan-bội-Châu

QUI-TẮC CĂN-BẢN GIEO VẦN

KHẢO về qui tắc gieo vần, chúng tôi nhận thấy theo
Lệ-Thần Trân-Trọng-Kim thời :

Muốn gieo vần cho khỏi LẠC VẬN (1) hay XUẤT VẬN (2)
phải theo đúng qui-tắc căn-bản dưới đây :

“ Những tiếng có chữ phụ-âm như c, ch, m, n, ng, nh,
p, t đứng ở cuối tiếng (3), thì nhất định phải vần với tiếng khác
cũng có chữ phụ-âm đồng loại đứng ở cuối tiếng „ (e)

Hay nói một cách khác rõ ràng hơn :

— Những vận-ngữ BẰNG vần được với nhau (vần
CHÍNH) hay THÔNG được với nhau (vần THÔNG) phải có
những điều-kiện sau đây :

1— Tiền phụ-âm (nếu có) có thể khác nhau.

2— Nguyên-âm (đơn hoặc kép) giống nhau hoặc thông
được với nhau.

(1) Lạc vận : gì o' vần hơi sai.

(2) Xuất vận : gieo vần, sai hẳn.

(3) Trong 8 hậu phụ âm trên thời 1 thuộc vần bằng (m, n, ng, nh)
và 4 thuộc vần trắc (c, ch, p, t) thí dụ : am, an, ang, ảnh và ác, ách,
ép, ết.

3— Hậu-phụ-âm (nếu có) nhất định phải giống nhau :
Thí-dụ :

Thí-dụ	Tiền-phụ-âm (có thể khác nhau)	Nguyên-âm (giống nhau hoặc thông được với nhau)	Hậu-phụ-âm (nhất định phải giống nhau)
Ca	c	a	
vần với			
ta	t	a	
Cam	c	a	m
vần với			
tam	t	a	m
Tan	t	a	n
vần với			
chan	ch	a	n
Tang	t	a	ng
vần với			
chang	ch	a	ng
Manh	m	a	nh
vần với			
chanh	ch	a	nh
Ca	c	a	
thông với			
thơ	th	ơ	
An		a	n
thông với			
ơn		ơ	n
Bình	b	i	nh
thông với			
chênh	ch	ê	nh
Bông	b	ô	ng
thông với			
chung	ch	u	ng

Xin lưu-ý cột Hậu-phụ-âm (hoặc khuyết hoặc giống nhau).

Qui-tắc căn-bản trên, nếu được chấp thuận thì đại để on không vần được với om, ôn không vần được với ôm, ên không

vần được với âm vì khác hậu-phụ-âm. (1) Còn nếu theo qui-tắc trên một cách chặt-chê hơn nữa thì một tiếng tận cùng bằng N không vần được với một tiếng tận cùng bằng NG thí-dụ : BUỒN không vần được với TUỒNG, TAN không vần được với VÀNG. Về điểm này Học giả Hư-Chu trong cuốn “ĐỀ TÌM HIỆU THƠ ĐƯỜNG LUẬT” (xuất-bản năm 1957) đã biện bạch như sau :

Nhân đây, tôi xin bàn đến một trường hợp lạc vận rất thường gặp ở một số bạn làm thơ. Đó là trường hợp của những vận-ngữ mà hậu-phụ-âm là N và NG.

Hậu-phụ-âm dù ở những vận-ngữ (bình) thuộc chi vần chính hay chi vần thông bao giờ cũng phải giống hệt nhau, không thể một tận cùng bằng NG, một bằng N. Thí-dụ như : THANG không thể ghép vần với KHAN, hoặc VƯỜN không thể ghép vần với CHƯƠNG.

Tại sao vậy ?

Tại vì do sự vận-động của môi và của hàm, những vận-ngữ mà hậu-phụ-âm là NG khi đọc lên hơi thì ngân dài hơn những vận-ngữ tận cùng bằng N, và ngược lại, hơi ngắn ở N bao giờ cũng thấy ngắn hơn ở NG.

Hãy ngâm hai câu của Tú-Quỳ :

*Nhỏ mà không học lớn làm NGANG
Trống đánh ba hồi đã thấy QUAN.*

(1) Nếu gieo vần Trắc thì hậu-phụ-âm thường không giống nhau :

*Cuộc thành bại hữu căn mãi TÓC
Lớp cùng thông như ĐỐT buồng gan (Cung oán)*

Đó, có phải vần trên ngân dài vần dưới ngân cụt ?
ấy, chính vì một dài một cụt cho nên tôi đã chủ-trương sự ghép
vần giữa hai vận-ngữ tận cùng một bằng NG một bằng N
không thể coi là một qui-điều của vận-luật.

Đọc đến đây, hẳn cũng có nhiều bạn đọc — nhất là những
ai quen phát âm sai các tiếng tận cùng bằng n — muốn bác ý
tôi bằng cách vin theo một số vận-ngữ của người xưa :

*Nào có ra chi lũ hát TUỒNG
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng BUỒN.*

Tú-Xương

*Chút tình một khối thiếp xin MANG
Không có nhưng mà có mới NGOAN.*

Hồ Xuân Hương

hoặc của mấy Thi sĩ hữu-danh :

*Trong làn nắng ửng khối mơ TÂN
Đôi mái nhà tranh lấm tấm VÀNG.*

Hàn-Mạc-Tử

*Em thấy tim em đập rộn ràng
Muốn ra lại ngại cháy tâm CAN.*

J. Leiba

Đối với những ai đó thì tôi xin cãi :

— Chúng ta vẫn biết các nhà thơ nhiều khi muốn cầu
một chữ thật đắt, thường đã chịu hạ một vần không chỉnh mấy,
cũng như thường đã phá luật phá niêm. Nhưng những chỗ niêm
luật bị phá kia, ta đâu có căn-cứ theo mà nói rằng niêm luật
của họ là như thế ! Vậy thì những vần không chỉnh mấy kia, lẽ
nào ta lại vin theo trong khi ta hợp vận ?

Nói cho đúng, những vận-ngữ không chính mấy đó, tuy có vắn làm cho ta khó chịu nếu nó hiện diện một cách cầu-thả, nhưng lại có vắn cũng xuôi tai ta được nếu nó nằm trong một bài thơ nhiều vắn, mà lại cũng có vắn được ta nâng-niêu nếu nó là một chữ dùng thật đặc-địa. Tuy nhiên nó phải là một số ít, rất ít; và người làm thơ nên luôn luôn nghĩ rằng : đem TUỒNG vắn với BUỒN chỉ là một việc bất-đắc-dĩ, dù hai vận-ngữ này có dùng khéo đến mấy thì nó cũng vẫn tỏ ra cái chỗ túng vắn của chúng ta rồi.

Kia, Đoạn-trường tân-thanh dài đến 3254 câu thơ mà Nguyễn-Du đâu có bao giờ chịu đem một chữ tận cùng N cho hợp với NG ?

Nêu ra những vận-ngữ lạc vận trên kia, tôi cũng đoán biết nhiều thi-hữu sẽ chê tôi là một kẻ chỉ hay chấp nệ cái điều nhỏ nhặt. Nhưng làm sao được, khi tôi vốn chủ-trương : thơ là vận-văn thì nó trước hết phải được chính-tề về vận-ngữ.



Sau đây là suy-luận của chúng tôi : MỨC ĐỘ ÂM-THANH CỦA MỘT TIẾNG CHUYỀN TÙY THEO SỰ THAY ĐỔI CỦA TIỀN-PHỤ-ÂM.

Đại-đề nếu cho rằng :

A đối với Ạ hay NGA đối với
NGÀ (cùng tiền-phụ-âm)

thì CHA đối với NGÀ
(khác tiền-phụ-âm)

và NGA NGÀ đối với NGƠ
NGỜ (cùng tiền-phụ-âm)

giọng đọc những VẦN
CHÍNH này tương-tự
độ 90%

giọng đọc những VẦN
CHÍNH này chỉ tương-
tự độ 80%

giọng đọc những VẦN
THÔNG này chỉ tương-
tự độ 50%

còn CHA CHÀ đối với NGỖ
NGỖ (khác tiền-phụ-âm)

giọng đọc những VĂN
THÔNG này chỉ tương-
tự độ 40%

Phải chăng vì những lý-do trên mà xưa kia thi-rhân không những cân-nhắc các Thanh của vận-ngữ (hay sự nặng nhẹ của những chữ dùng làm vần) mà còn cân-nhắc cả đến những chữ khác trong câu thơ ; vì vậy mới chia THANH BẰNG ra ĐOÀN-BÌNH-THANH (chữ không dấu) và TRƯỜNG-BÌNH-THANH (chữ có dấu huyền) tức tiếng THƯỢNG-BÌNH-THANH « BÔNG » hơn ĐOÀN-BÌNH-THANH. Còn Thanh Trắc lại chia ra đến bốn : THƯỢNG (chữ có dấu sắc), KHƯ (chữ có dấu ngã), NHẬP (chữ có dấu hỏi) và HẠ (chữ có dấu nặng) tức Thanh THƯỢNG « TRẦM » hơn Thanh KHƯ, thanh KHƯ « TRẦM » hơn thanh NHẬP, thanh NHẬP « TRẦM » hơn thanh HẠ. Về trăm bông của mỗi tiếng chúng tôi quảng diễn ở mục « ĐỒ BIỂU CÁC THANH TRONG BÀI THƠ ».

Ngoài ra xưa kia vì âm điệu có khi một chữ TRƯỜNG-BÌNH-THANH (có dấu huyền) đã biến thành một chữ ĐOÀN-BÌNH-THANH (chữ không dấu), chúng tôi muốn nói đến chữ NÀO đã được đổi thành chữ NAO trong những câu ca dao và thơ lục bát lấy làm tỷ dụ dưới đây :

Hết gạo vợ lại gánh đi,

Hỏi thăm chồng học ở thì nơi NAO ?

Ca dao

Hỏi thăm ri-trú nơi NAO ?

Trở đường chàng mới tìm vào tận nơi. (Kiều)

Tiên rằng : « gặp truyện chẳng may,

Chẳng hay chú hứa khoa này thế NAO ? »

Lục-Vân-Tiên

*Cách xa dù mấy quan hà
Tình ta vẫn thắm như là hôm NAO
Chim xưa rồi đậu bến nào
Bay về quê mẹ hay vào không gian.*

Tr. T. Nguyễn Chánh Thi

Ngoài ra nhận thấy cũng vì âm-điệu mà có khi một thanh BẢNG được đổi ra thành TRẮC, thí dụ như trong câu hát ru sau đây :

*A ơi ơi ? A ơi ơi !
Nam nhi đứng ở trên đời
Thông minh tai mắt là người trần gian,
Tang tình tít tít tình tang
Em thơ chị BỔNG em ngoan chị bằng !*

Nếu chữ bồng không được đổi thành BỔNG thì đều có êm tai, đâu có dễ cất tiếng lên bồng xuống trầm của điệu hát ru !

Trong văn vần, cũng vì lẽ tiếng NAO có khi đổi thành tiếng NAO và tiếng BÔNG có khi đổi thành tiếng BỔNG mà rồi về sau khi đã dùng quen, chữ nao đổi với chữ nào cũng như chữ bồng đổi với chữ bồng đã biến thành những chữ đồng nghĩa và được nói đến trong các tân tự-điền Việt-Nam.

Trở lại bảng kê mức độ thay đổi của âm-thanh kê trên, chúng ta nhận thấy : giọng đọc một vài âm-vận CHÍNH có thể biến-chuyển và tương-tự từ 80% đến 90%. Giọng đọc một vài âm-vận THÔNG có thể biến-chuyển và tương-tự từ 40% đến 50%.

Nay đem thay đổi cả tiền-phụ-âm lẫn hậu-phụ-âm thì âm thanh sẽ biến-chuyển nhiều quá.

Đại-đề : A thông với Ơ AN HAN thông với ƠN HƠN hay CHƠN.

Nay đem ép CHƠN cho THÔNG với THAM thì không thể thông được. Vì CHƠN đối với THAM, hai tiền-phụ-âm CH và TH khác nhau, hai hậu-phụ-âm M N khác nhau còn nguyên âm A và Ơ tuy THÔNG được với nhau nhưng thực-sự cũng đã khác nhau.

Nói tóm lại qui-tắc căn-bản gieo vần kê trên nên theo dù rằng có những câu ca-dao xưa đề lại không theo và một vài thi-gia tên tuổi cũng không theo.

Thí-dụ : gieo vần CÒN với HÒM.

*Bây giờ tiền hết gạo CÒN
Anh ơi trở lại mà trông lấy HÒM
Bao giờ tiền có gạo CÒN
Bấy giờ em lại trông HÒM cho anh.*

Ca-dao

Gieo vần ẪN với ANH

*Nằm meo cho tớ nghĩ ra VẪN
In bán ra đời cách kiếm ẪN
Vô sự ăn xong nằm lại nghĩ
Con tằm rút ruột lá dâu XANH.*

Tản-Đà

Gieo vần ẪN với ẨM

*Tiểu thay tài-nghệ có thừa
Đời không tri-kỷ lâu ngà bó CHÂN
Bao giờ gặp được tri-ẨM ?*

Bành-Bá-Lân

Thi-sĩ Thái Căn cũng gieo vần ẪN với ẨM :

*Em nhớ làm chi tiếng ái-ẪN,
Đàn xưa đã lỡ khúc dương-CẨM.*

*Dây loan chẳng đợn tình âu-yếm,
Em nhớ làm chi tiếng ái-ÂN.*

Thái-Can

Gieo vần ƠM với ƠN :

*Ao ước ngày mai sắc nắng THƠM
Chiều mai thôi ráng nhuộm cô ĐƠN.*

Phạm-Hầu

Huy-Thông gieo vần EM với EN :

*Hồn dê mê, Sở chúa vượt tua RÊM,
Say sưa nhìn cặp mắt long lanh ĐEN.*

Gieo vần ÊN với ÊM :

*Lần cuối cùng ta xin về thành phố,
Thân lạc loài còn ai biết tuổi TÊN ?
Thấy đèn đỏ xanh ngõ hỏa-châu ĐÊM
Mặt ngơ ngác trước người xa kẻ lạ.*

Ngô-văn-Tươi

Gieo vần EM với ÊN :

*Hôm qua anh đến nhà EM
Ra về mới biết là QUÊN cây đàn.*

Phạm-Duy

Còn như học-giả Hư-Chu nói rằng : gieo vần những tiếng tận cùng bằng N với những tiếng tận cùng bằng NG là sai qui-tắc âm-vận, thì ít thi-gia hưởng-ứng. Chính ngay học-giả Hư-Chu cũng đã nói rõ là nhiều thi-gia tên tuổi như : Hồ-Xuân-Hương, Tú-Xương, J. Leiba, Hàn-Mạc-Tử cũng không theo.

Dưới đây xin trích thêm những thi-liệu gieo những tiếng tận cùng bằng N vần với những tiếng tận cùng bằng NG.

Gieo vần UÔNG với UÔN :

*Hiên tây thấp thoáng trắng SUÔNG
Gió vàng hiu hắt như TUÓN mạch sầu.*

Bàn nữ Thôn

Gieo vần AN với ANG :

*Khi nào cha rảnh việc QUAN
Viết thơ sang đó mời CHÀNG sang đây,*
Lục-vân-Tiên

Gieo vần IÊNG với IÊN :

*Ôi Tự-do ! mi quý viết nhường nào !
Mi là cả Trăng, Sao, Trời, Thơ, Mộng !
Mi là những nụ cười đề sống !
Mi là dòng huyết thống của thiêng-LIÊNG !
Có Tự-do là cả Thần-TIÊN.*

Nguyễn-Vỹ

Gieo vần ƯƠNG với ƯƠN :

*Mãi mê vui thú ruộng VƯỜN
Ngược xuôi chán ngắt con ĐUỜNG lợi danh,*
Bành-Bá-Lân

Gieo vần ẪNG với ẪN :

*Nước chi mà phẳng lặng,
Không cười không nói NẪNG.
Tình ta đây vốn nặng,
Xin sóng hãy lẫn TẮN.*

Quách-Thoại

Gieo vần UÔN với ƯƠNG :

*Anh bảo đời là thế
Mà sao em vẫn BUỒN
Mà sao em vẫn cứ
Ấp ủ hoài sầu THƯƠNG.*

Phượng-Duyên

Qui-tắc căn-bản về gieo vần nêu lên ở đoạn trên đã có sự không chấp nhận của một số thi-gia tên tuổi thì qui-tắc xếp các tiếng thông được với nhau vào cùng một mục như cuốn THI VẬN TẬP-THÀNH của Trung Hoa hoặc cuốn Dictionnaire des Rimes Françaises của Pháp đề dễ tra cứu thật là cả một vấn-đề nan giải. Vì tránh làm sao cho khỏi sự chia rẽ về tư-tưởng thi-nhân khác hẳn với tư-tưởng dễ dung nạp những lý-luận có tính cách kỹ-thuật.

« GIEO VẦN THƠ VIỆT » có thể có lời phê-bình :

« Nó chỉ dùng cho những thợ thơ vì thợ thơ có tính đẽo, gọt, dũa từng chữ, tìm tòi một cách máy móc về kỹ-thuật làm thơ ».

Sự thực soạn cuốn GIEO VẦN THƠ VIỆT vì có ý nghĩ Đông, Tây khắp nơi đều có loại tự-điền đề tra vần khi làm thơ sao Việt-Nam lại không ?

Bước đầu lẽ tất-nhiên có nhiều lầm lẫn, thiếu sót vì vậy chúng tôi thành thực hoan-ngheh mọi chỉ-giáo của chư-vị độc-giả bốn phương đề nếu có dịp tái-bản, GIEO VẦN THƠ VIỆT sẽ được bổ-túc và sửa đổi.

Xưa kia các thi-gia làm thơ chữ nôm phần nhiều đều dựa theo vần thơ chữ Hán phiên âm ra tiếng Việt và thường dùng cuốn THI-VẬN TẬP-THÀNH làm khuôn vàng thước ngọc, vì vậy đã gieo nhiều vần lệch-lạc mà ngày nay chúng ta không thể chấp thuận được.

THI-VẬN TẬP-THÀNH có từ đời Đường (620 — 905) và đến đời Thanh cũng vẫn không thay đổi mấy chút. Từ đời Đường đến đời Thanh là cách ba đời Tống, Nguyên, Minh nghĩa là hơn 1.000 năm. Ngờ ròi Trung-Hoa đời Thanh không nói tiếng giống hẳn người Trung-Hoa đời Đường nhưng vẫn

dùng cuốn THI-VẬN TẬP-THÀNH đời Đường để tra cứu mà gieo vần. Phải chăng vì lẽ ấy mà nhiều vần lệch-lạc.

Nay chúng ta thử đem phiên-dịch ra âm Việt một vài bài cổ-thi chữ Hán để xem Thi-sĩ Trung-Hoa đã gieo vần như thế nào mà Thi sĩ Việt-Nam khi xưa đã nhất nhất theo đúng :

TRÌ THƯỢNG (1)

*Tiêu nhai sanh tiêu đỉnh
Thâu thái bạch liên HỒI
Bất giải tàng tung tích
Phù bình nhất đạo KHAI.*

BẠCH-CƯ DỊ

ẨM TỬU KHÁN MẪU ĐƠN (2)

*Kim nhật hoa tiền ẩm
Cam tâm túy sở BÔI
Đãn sầu hoa hữu ngữ
« Bất vị lão nhân KHAI ».*

LƯU-VŨ-TÍCH

(1) Bài « Trì Thượng » Tản-Đà đã dịch như sau :

TRÊN AO

*Người xinh bôi chiếc thúng xinh,
Bông sen trắng nõn trắng tinh hái về.
Hố hênh dầu vớt không che,
Trên ao đề một luồng chia mặt bèo.*

(2) Bài « Ẩm tửu khán mẫu đơn » Trần-Trọng-San đã dịch như sau :

UỐNG RƯỢU XEM HOA MẪU ĐƠN

*Hôm nay uống rượu trước hoa,
Say sưa mảy chén gọi là mà thôi.
Hoa kia mà biết hé môi.
Sẽ rằng : « Đâu nở vì người già nua ».*

Chúng ta nhận thấy cả hai bài thơ trên Thi-sĩ Trung-Hoa đều gieo vần ÔI với AI. Thi-sĩ Việt-Nam xưa và nay cũng đều thường gieo vần ÔI với AI :

*Lòng thơ lai láng bồi-HỒI,
Gốc cây lại vạch một BÀI cồ-thi. (Kiều)*

*Nhớ thương ra đứng ngã ba,
Buồn thương chia nẻo đồn xa dặm DÀI.
Con chim năm trước bay RỒI,
Cành cây lặng lẽ rơi đôi bóng chiều.*

XUÂN DIỆU

Lại bài cồ-thi chữ Hán dưới đây :

ĐỀ TÍCH SỞ KIẾN XỨ (3)

*Khứ niên kim nhật thử môn TRUNG,
Nhân diện đào hoa tương ánh HỒNG.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ ?
Đào hoa y cựu tiếu đông PHONG.*

THÔI HỘ

Thôi-Hộ đã gieo ba vần UNG ÔNG thông với ONG.

Thi-sĩ Lan-Sơn cũng gieo ba vần ONG UNG ÔNG trong bài thi dưới đây :

*Còn đây năm cũ vết thương LÒNG,
Ghi lấy tình em chẳng thủy CHUNG.
Một phút lòng em mơ bạn mới,
Yêu anh sau nữa cũng bằng KHÔNG.*

LAN SƠN

(3) Bài « Đề tích sở kiến xứ » Trần-Trọng-San đã dịch như sau :

*Cửa này, năm ngoái, hôm nay.
Hoa đào phản chiếu mặt ai ửng đào.
Mặt người giờ ở nơi nao ?
Hoa đào vẫn đó, cười chào gió đông.*

Trái lại dưới đây là ba bài cổ-thi chữ Hán phiên-âm ra tiếng Việt, đã gieo những vần mà ngày nay không một Thi-sĩ Việt-Nam nào chịu gieo những vần tương-tự.

Y CHÂU CA (4)

*Đã khởi hoàng - oanh nhi
Mạc giao chi thượng đề
Đề thì kinh thiếp mộng
Bất đắc đáo Liêu - Tây.*

(VÔ DANH-THI)

Nhận thấy trong bài thơ trên tác-giả đã gieo vần I, Ê và ÂY tức là đã cho I, Ê và ÂY có thể THÔNG được với nhau. Thơ Việt ngày nay không ai gieo vần I với ÂY (I thường gieo với AY, OAY, UÂY).

THẠCH - HÀO LẠI (5)

*Mộ đầu Thạch - Hào thôn
Hữu lại dạ tróc nhân
Lão ông du tường đầu
Lão phụ xuất môn nghênh.*

ĐỖ-PHÚ

(4) Bài Y-Châu-Ca Trần-Trọng-San dịch như sau :

BÀI CA Y-CHÂU

*Đuổi dùm hộ thiếp con oanh
Đừng cho nó hót trên cành treu aj,
Làm tan mộng thiếp đang say,
Thiếp không được tới Liêu-Tây với chàng.*

(5) Bài ca Thạch-Hào Lại Ngô-Tất-Tổ dịch như sau :

LÍNH-LỆ THẠCH-HÀO

*Chiều hôm tới xóm Thạch-Hào,
Đương đêm có lính lao sao bắt người.
Vượt tường, ông lão trốn rồi,
Cửa ngoài, mẹ vợ một hai mời chào.*

Đỗ-Phủ đã gieo vần ÔN, ÂN với ÊNH, ngày nay thơ Việt thường gieo ÔN với ON, UÔN UN ; ÂN thường gieo với UÂN, ƠN, còn ÊNH thì lại gieo với ANH, INH, OANH.

TÂN - HÔN BIỆT (6)

*Thở ty phụ bằng ma
Dẫn mạn cổ bất trường
Giá nữ dư chinh - phu
Bất như khí lộ bàng.*

ĐỖ-PHỦ

Bài trên Đỗ-Phủ đã gieo vần với u, ngày nay đối với Việt-thi gieo như thế là lạc vận vì a thông với ơ còn u thì thông với o hoặc ô.

Nhân đây xin nói qua về một câu hỏi đã được đặt ra :

« Tại sao theo chữ Hán 一 = 二 = 三 phiên âm ra tiếng Việt là Nhất (trắc) Nhị (trắc) Tam (bằng) mà tiếng Quảng-Đông thì đọc là Giất (trắc) Di (bằng) Xám (trắc). Như vậy chữ Hán phiên âm ra tiếng Việt đối với Tiếng Trung-Hoa thanh Bằng Trắc đâu có giống nhau ? »

Chúng tôi có nêu câu hỏi trên với một giáo sư Trung-Hoa thời được biết :

一 đọc theo Quan-Thoại là Í (trắc)
二 đọc theo Quan-Thoại là Ơ (trắc)
三 đọc theo Quan-Thoại là San (bằng)

(6) Bài « Tân hôn-biệt » Ngô-Tất-Tố đã dịch như sau :
Cuộc ly-biệt của cặp vợ chồng mới cưới.

*Tơ-hồng leo phải cây đay,
Quanh co quấn quýt cho dây khó dài.
Gả con cho mấy cậu才子,
Chàng thà bỏ quách ở nơi vệ đường.*

KẾT LUẬN : Không thể nhất nhất bắg vào thơ chữ Hán phiên-âm ra tiếng Việt hoặc thơ chữ nôm là văn vần chịu ảnh-hưởng quá nhiều về cách gieo vần của thơ chữ Hán phiên-âm ra tiếng Việt, mà xếp các tiếng thông được với nhau vào cùng một mục như cuốn THI-VẬN TẬP-THÀNH của Trung-Hoa hoặc cuốn DICTIONNAIRE DES RIMES FRANÇAISES của Pháp đề dễ tra cứu những vần thơ Việt.

Soạn cuốn GIEO VẦN THƠ VIỆT chúng tôi đành dựa theo những quy-tắc về âm-luật của các bậc tiền-bối như Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ. . . và các thi-học-gia khác nhưng đã lựa-lọc và bỏ bớt những quy-tắc nhận thấy không hợp với văn vần hiện tại của nước nhà.

Chúng tôi cố gắng xếp vào mỗi mục những vần thường thông được với nhau đề dễ tìm như tra tự-điền hay tự-vựng. Tất cả có 17 mục.

17 MỤC TÌM VẦN

- MỤC 1 thuộc vần :
a oa ơa ơ ư.
- MỤC 2 thuộc vần :
ai oai oi ôi uôi ơi ươi ui.
- MỤC 3 thuộc vần :
ay oay ây uây.
- MỤC 4 thuộc vần :
am oam ăm oãm âm ơm ươm.
- MỤC 5 thuộc vần :
an oan ăn oăn ân uân ơn ươn ưn.
- MỤC 6 thuộc vần :
ang oang ăng âng uâng ương ông ưng.
- MỤC 7 thuộc vần :
anh oanh ênh inh uyng.
- MỤC 8 thuộc vần :
ao oao au âu.
- MỤC 9 thuộc vần :
eo oeo êu iu ưu ươu iêu yêu.
- MỤC 10 thuộc vần :
e oe ê uê i y ia uy uya uyê (chỉ có ở vần Trắc).
- MỤC 11 thuộc vần :
en oen in ên iên uyên yên.
- MỤC 12 thuộc vần :
eng iêng.
- MỤC 13 thuộc vần :
em êm im iêm yêm.
- MỤC 14 thuộc vần :
o ô u ua uô (chỉ có ở vần Trắc)
- MỤC 15 thuộc vần :
om ôm uôm um.
- MỤC 16 thuộc vần :
on ôn uôn un
- MỤC 17 thuộc vần :
ong ông ung oong oang.

CÁCH TÌM VẦN

Muốn tìm những Vần Thông được với nhau chỉ tra ở BẢNG TÌM VẦN là thấy. Bảng này chia ra làm 12 tiết :

Tiết 1	:	a	Tiết 2	:	ă
Tiết 3	:	â	Tiết 4	:	e
Tiết 5	:	ê	Tiết 6	:	i
Tiết 7	:	o	Tiết 8	:	ô
Tiết 9	:	ơ	Tiết 10	:	u
Tiết 11	:	ư	Tiết 12	:	y

Tỷ dụ : Muốn tìm những vần THÔNG được với THƠ hoặc CHỢ thì tìm theo BẢNG TÌM VẦN ở tiết Ơ (Tiết 9) vì THƠ và CHỢ đều tận cùng bằng nguyên âm đơn Ơ.

Muốn tìm những vần THÔNG được với MAI hoặc THÁI thì tìm theo BẢNG TÌM VẦN ở tiết A (Tiết 1) vì MAI và THÁI đều tận cùng bằng AI (Có chữ A đứng đầu của nguyên âm kép AI).

Muốn tìm những vần THÔNG được với CUỖI hoặc LƯỖI thì tìm theo BẢNG TÌM VẦN ở tiết Ơ (tiết 2) vì CUỖI và LƯỖI đều tận cùng bằng Ơ (Có chữ Ơ đứng đầu của nguyên âm kép ƯƠI).

Trong BẢNG TÌM VẦN những con số ghi bên cạnh nguyên âm đơn hay nguyên âm kép chỉ vần ấy ở mục thứ mấy.

Tỷ-dụ : a (1) ăm (4) ây (3) tức là muốn tìm những chữ vần với A thì coi ở Mục 1, những chữ vần với ĂM thì coi ở Mục 4, những chữ vần với ÂY thì coi ở Mục 3.

Mục PHẦN TÌM VẦN chỉ ghi từng chữ một như BA CA CHA TRA DA GIA RA... nhưng xếp CHA gần TRA DA gần GIA. RA và ghi thêm CHA (mẹ) TRA (xét) DA (thịt) RA (vào)... để dễ nhận về chánh tả.

Muốn biết những tiếng đôi thuộc mỗi mục thì coi ở CHƯƠNG TIẾNG ĐÔI. Muốn biết những câu thơ đã gieo vần theo từng mục thì coi ở CHƯƠNG THI LIỆU.

BẢNG TÌM VẦN

12 TIẾT

TIẾT 1 : A

a (1) ai (2) ay (3) am (4) an (5) ang (6) anh (7) ao (8) au (9).

TIẾT 2 : Ă

ăn (5) ăng (6).

TIẾT 3 : Â

ây (3) âm (4) ân (5) âng (6) âu (8).

TIẾT 4 : E

e (10) eo (9) en (11) eng (12) em (13).

TIẾT 5 : Ê

ê (10) ênh (7) êu (9) ên (11) êm (13).

TIẾT 6 : I

i (10) inh (7) iu (9) iêu (9) ia (10) in (11) iên (11) iêng (12) im (13) iêm (13).

TIẾT 7 : O

o (14) oa (1) oai (2) oi (2) oay (3) oan (4) oăm (4) oan (5) oăn (5) oang (6) oanh (7) oao (8) oe (10) oeo (9) oen (11) oa (15) om (15) on (16) ong (17) oang (17).

TIẾT 8 : Ô

ô (14) ôi (2) ôm (15) ôn (16) ông (17).

TIẾT 9 : Ơ

ơ (1) ơn (2) ơm (4) ơn (5).

TIẾT 10 : U

u (14) uôi (2) ui (2) uây (3) uân (5) uâng (6) uôn (16) uông (6) uynh (7) uê (10) uy (10) uya (10) uyên (11) ua (14) uôm (15) um (15) un (16) ulg (17) uơ (1) uô và uyê (chỉ có ở văn Trắc).

TIẾT 11 : Ư

ư (1) ưa (1) uơ (2) ươn (4) ươn (5) urn (5) ương (6) ưng (6) ưu (9) uơu (9).

TIẾT 12 : Y

y (10) yêu (9) yên (11) yêm (13).

Gieo Vần Thơ Việt

PHẦN TÌM VẦN BẰNG



PHẦN TÌM VẦN BẰNG

Những thanh bằng trong Mục 1 thuộc vần :

A OA Ơ A

Thường A thông được với Ơ và Ơ thông được với U, nên A OA ƠA thông được với nhau và A U ƠA Ơ thông được với nhau.

A

ba	ca	cha (mẹ)	tra (xét)
da (thịt)	gia (đình)	ra (vào)	đa
ga	ha	la	ma
na	nga	nha	pha
qua	sa (sút)	xa (xôi)	ta
tha	va		

Â

bà	cà	chà (là)	trà (trộn)
vò (dà)	già (cả)	rà (rằm)	đa
gà	hà	khà	là
mà	nà	ngà	nhà
xà (nhà)	tà	thà	và

OA

hoa	khoa	loa	(điều) ngoa
xoa	toa	thoa	

OÀ

hòa	lòa	nhòa	xòa
tòa	thòa		

Ơ A

cư	chư (làm)	(buổi) trưa	dư (gang)
rư (rửa)	đư	lư (còn nữa)	mư
(củ) nư	sư (thư)	xư (nay)	tư

ƯA

bừa	chừa	dừa	lừa
ngừa	thừa	vừa	

Ơ

bơ	cơ	chơ (vơ)	trơ (mắt)
dơ	hơ	lơ	mơ
ngơ	nhơ	quơ	sơ (ý)
xơ (mít)	tơ	thơ	vơ

Ờ

bờ	cờ	chờ (đợi)	trờ trờ
giờ	rờ	đờ	gờ
hờ	khờ	lờ	mờ
ngờ	nhờ	phờ	quờ
sờ (mó)	xờ (xạc)	tờ	thờ

Ư

cư	chư (vị)	dur (thừa)	hư
khư khư	lư	ngư	như
sư	tư	thư	

Ừ

cừ	chừ (bây giờ) (tính) trừ	dừ	
đừ	(găm) gừ	hừ	khừ
lừ	(cá) ngư	nhừ	từ
thừ			

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 2 thuộc vần :

AI OAI OI ÔI UÔI OI ƯOI UI

Trong tiếng Việt những tiếng bằng ghép bởi các nguyên-âm kép trên chỉ có thể có tiền-phụ-âm chứ không có hậu-phụ-âm.

A!

bai	cai	chai (hến)	trai (gái)
dai (bền)	giai (nhân)	đai	gai
hai	khai	lai	mai
nai	ngai	nhai	phai
quai	sai	tai	thai
vai			

À!

bãi	cãi	chài (lưới)	trài (ngói)
dãi (ngắn)	rãi (nhỏ con)	đãi	gãi
hãi	lãi	mãi	nãi
ngãi	nhãi	quãi (đơm)	sãi (bệnh)
xãi (nền)	tãi	vãi	

OAI

choai	khoai	loai (nhoai)	ngoai
nhoai	thoai (thoải)		

OÀI

choài	đoài	hoài	loài
ngoài	nhoài	(nằm) xoài	

OI

coi	choi chôi (chim)	troi (rời)	doi (bề)
roi (vọt)	hoi	khôi	loi
moi	noi	ngoi	nhoi
soi (gương)	xoi (cống)	toi	thoi
voi			

ÒI

còi	chòi (canh)	tròi (tời ra)	giòi (bọ)
ròi (bọ)	đòi	lòi	mòi

nồi	ngồi	phòi	sòi (cây)
tôi	thời	vòi	

ÔI

bôi	trôi	đôi	hôi
khôi	lôi	môi	nôi
ngôi	phôi	(nước) sôi	xôi (nếp)
tôi	thôi	vôi	

ỒI

bồi	trôi	đồi (lợn)	giồi (phấn)
rồi (xong)	đồi	(lá) gồi	hồi
lồi	mồi	nồi	nhồi
sồi (vải)	tồi	thời	

UÔI

chuôi	đuôi	nuôi	ngươi
suôi (cây)	xuôi (gió)		

UỒI

chuồi	ruồi	muồi	tuồi
-------	------	------	------

ƠI

bơi	cơi	(đi) chơi	(ma) trôi
(con) dơi	roi (xuống)	hơi	khơi
lơi	mơi	nơi	ngơi
nhơi	phơi	xơi (ăn)	tơi
thơi	vơi		

ỜI

bời	cời	trời (đất)	dời (chân)
giời (tức trời)	rời rạc	dời	lời
mời	ngời	nhời	thời
vời	hời		

ƯƠI

bươi	rươi	mươi	ngươi
tươi			

ƯỜI

cười	durôi (dưỏi)	đurôi (ươi)	lười
mười	người	nhười (nhưỏi)	

UI

bui	chui (luồn)	giui (xĩa ra)	rui (nhà
đui	lui	mui	(ông) sui
xui (khiến)	tui	thui	vui

ÙI

bùi	cùi	chùi (lau)	trùi (trũi)
dùi (nhọn)	đùi	lùi	mùi
nùi	ngùi	sùi (bọt)	xùi (xù)
vùi			

* *

Những thanh bằng trong Mục 3 thuộc vần :

AY OAY ÂY UÂY

AY

bay	cay	chay	day
đay	gay	hay	khay
lay	may	nay	ngay
nhay	quay	say (rượu)	xay (lúa)
tay	thay	vay	

ÂY

bây	cây	chây (cối)	trây (trây)
đây (mỏng)	glây (dép)	ngây (rây)	đây (đọa)

mày	này	ngày	quày (cờ)
tày	vày		

OAY

loay hoay	ngoay ngoáy	nhoay nhoáy
-----------	-------------	-------------

ÂY

bây	cây	trây (nợ)	dây (lưng)
glây (phút)	rây (bột)	đây	gây
hây	lây	mây	nây
ngây	nhây	phây	quây
sây (sát)	xây (nhà)	tây	thây
vây			

ẦY

bầy	cầy	chầy (muộn)	trầy (da)
rầy (rà)	đầy	gầy	lầy
ngầy	nhầy	quầy	sầy (da)
thầy	vầy		

UÂY

khuây

*
* * *

Những thanh bằng trong Mục 4 thuộc vần :

AM OAM ẨM OẨM ẨM ƠM ƯƠM

cam	cham	dam (tiền)	giam (tù)
ram (thịt)	đam	ham	kham
lam	nam	nham	sam (rau)
xam (xưa)	tam	tham	

OAM

ngoam (ngoáp)

ĂM

(bà) bàm	(tháp) Chàm	tràm (cây)	dàm (trâu)
đàm	hàm	làm	ngàm
nhàm	phàm	sàm (nịnh)	(nói, xàm)
tàm (tằm)	thàm (cà) bậy)	vàm (cửa rạch)	

Ă M

băm	căm	chăm (chị)	trăm năm
đăm (ba)	răm (rau)	đăm đăm	găm
hăm	khăm	lăm	măm
năm	ngăm	nhăm	phăm
quăm	xăm	tăm	thăm

Ẫ M

căm	chăm (nón)	trăm (trò)	dăm (lím)
giăm (ót)	(ngày) rằm	đăm	găm (mặt)
hăm	năm	nhăm	quăm
tăm	văm		

OĂM

khoăm (hơi cong)

Ơ M

bơ m	cơ m	chơ m (chở m)	đơ m
lơ m chơ m	nom	ngơ m (ngó p)	nhơ m (nhở)
thơ m			

Ờ M

bờ m	chờ m (chở m)	trờ m (thừa)	rờ m tai
đờ m	gờ m	hờ m	lờ m
mờ m	nhờ m	sờ m	

Â M

câm	châm (ngôn)	trâm (anh)	dâm (dục)
dâm (cây)	(hoa) râm	đâm	hâm
khâm	lâm	mâm	ngâm

nhâm	sâm (nhung)	xâm (chiếm)	tâm
thâm	vâm (voi)		

ĂM

băm (gan)	căm	chăm văm (mập)	trăm (bồng)
dăm (mưa)	đăm	găm	hăm
lăm	măm	ngăm	nhăm
săm (uất)	xăm (xi)	tăm	thăm

ƠM

gươm	lươm (tươm)	lươn	tươm
------	-------------	------	------

UƠM

cườm	chườm	rườm	gườm
hườm	lườm	nườm (nượp)	

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 5 thuộc vần :
AN OAN ĂN OĂN ÂN UÂN ƠN ƯƠN ỠN

AN

ban	can	chan (canh)	tran (sách)
dan (tay)	gian (nhà)	(pháo) ran	đan
gan	han	khan	lan
man	nan	ngan	nhàn
phan	quan	san	tan
than	van		

ĂN

bàn	càn	tràn	dàn xếp
giàn (hoa)	ràn (bò)	đàn	gàn
hàn	khàn	làn	màn
nàn	ngàn	nhàn	phàn
sàn	tàn	vàn	

OAN

doan (duyên)	toan	hoan	khoan
loan	ngoan	xoan	toan

OÀN

đoàn	hoàn	loàn	xoàn
toàn	thoàn		

ĂN

băn	căn	chăn (mền)	(con) trăn
giăn (gleo)	răn (bảo)	khăn	lăn
năn	ngăn	nhăn	phăn
quăn	săn (bẩn)	xăn văn (bẩn khoăn)	tăn (tẩn)
thăn	văn		

ẪN

băn (bật)	căn	bà (chăn)	trăn (trọc)
dăn (xuống)	(bà) giăn	(ngựa) răn	đăn (xuống)
găn	hăn	lăn	măn
năn	ngăn (ngặt)	nhăn (hạt dưa)	quăn
tăn	thăn	văn	

OẪN

(bẩn) khoăn xoăn

OẪN

ngoăn (ngoèò)

ÂN

cân	chân (tay)	trân (trọng)	dân
rân (rát)	gân	hân	lân
mân	ngân	nhân	phân
quân	sân	tân	thân
vân			

ẪN

păn	căn	chăn (mì)	trăn (nhà)
-----	-----	-----------	------------

dẫn (dà)	giần (tấm)	đần	gần
lăn	măn	ngăn	nhần
phần	quần	sần	tần
thần	vần		

UÂN

truân	huân	luân	xuân
tuân			

UẦN

nhuần	tuần	thuần	
-------	------	-------	--

ƠN

bơn	cơn	chơn (chân)	trơn (tru)
(mừng) rơn	đơn	hơn	lơn
mơn	nhơn	phơn	sơn
thơn			

ỜN

chờn	dờn (dòn)	giờn (lên xuống)	xanh (ròn)
đờn	hờn	lờn	nhờn
sờn	thờn (bơn)	vờn	

UƠN

bươn (lật đặt)	lươn	vươn	
----------------	------	------	--

UỜN

trườn	rườn	đườn	hườn
lườn	sườn	thườn (thợt)	vườn

ƯN

chưn (như chữ chân)

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 6 thuộc vần :
ANG OANG ẪNG ẪNG UANG ƯƠNG UÔNG ỪNG
Lưu ý : ang không thông với uông.

ANG

bang	cang	nặng chang chang trang (giấy)	
dang (tay)	giang (hồ)	rang (gạo)	đang
gang	hang	khang	lang
mang	(cầm) nang	ngang	nhang
phang	quang	sang (trọng)	xang, (sẻ, cồng)
tang	thang	vang	

ÀNG

bàng	càng	chàng (và nạng)	tràng (pháo)
(dềnh) dàng	giàng (hỏa tiễn)	ràng (buộc)	(dề) dàng
gọng gàng	hàng	làng	màng
nàng	nhàng	quản	xàng xàng
tàng	vàng		

OANG

(sáng) choang	hoang	loang	xoang (điều nhạ.)
toang	thoang (thoảng)		

OÀNG

choàng (dậy)	hoàng	loàng quàng	xoàng
--------------	-------	-------------	-------

ĂNG

bằng	căng	chăng	trăng (tròn)
đăng (tay)	giăng (như trắng)	răng (cửa)	đăng
găng	hăng	khăng	lăng
măng	năng	nhăng	phăng
quăng	săng (quan tài)	(lăng) xăng	tăng
thăng	văng		

ẪNG

bằng	chằng (chặt)	dằng (dai)	giằng (nhau)
(nói) rằng	đằng	hằng	lằng nhằng
rằng (nặc)	lằng nhằng	sằng (sặc)	xằng (bảy bạ)
tằng	thằng		

ÂNG

bâng	dâng	lâng	mâng (mưng)
nâng	nhâng (ngưng)	(gò) sâng	tâng
vâng			

ĂNG

bằng	mằng (mưng)	ngằng (ngưng)	quằng
tằng	vằng		

ƯƠNG

bương	cương	(chết) chương	trương (giấy)
dương (lịch)	giương (ô)	rương (hòm)	đương
gương	hương	khương (gìng)	mương (nước)
nuơng	phương	(dâm) sương	xương (lộc đa)
tương	vương		

ƯỜI

cường	chường (chàng)	trường (ốc)	duường (như)
giường (ngủ)	rường (cột)	đường	hường
lường	mường (mán)	nuường	nhường
phường	sường (sượng)	tường	thường

UÔNG

buông	chuông (chùa)	truông (nhà Hồ)	khuông
luông (tuồng)	muông	nuông	(nói) suông
xuông (xông)	tuôn (xông vào)	thuông (đuôi)	vuông

UÔNG

buông	chuông (gà)	(trần) truông	ruông (cái phao)
guông	luông	(cây) muông	xuông (thuyền)
tuông	thuông luông		

ƯNG

bưng	cưng	chưng (cách thủy)	trưng (cầu)
đưng	hưng	lưng	mưng

nung	ngưng	nhưng	sưng (phồi)
xưng (danh)	tưng (bưng)	thưng (đồ đồng)	

ỪNG

bưng	chưng (mực)	trưng (phạt)	dưng
đưng	gưng	(lấy) lừng	mưng
ngưng	nhưng (cái nong)	sưng	tưng
thưng	vưng		

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 7 thuộc vần :

ANH OANH ÊNH INH UYNH

ANH

banh	canh	(quả) chanh	tranh (ảnh)
danh (dự)	ranh (mãnh)	đanh	ganh
hanh	khanh	lanh	manh
nanh	nhanh	phanh	quanh
(cái) sanh	xanh (xao)	tanh	thanh
vanh (vách)			

ÀNH

bành	cành	chành chành	trành (nghiêng)
dành (tiền)	giành (quyền)	rành (rỗi)	đành
hành	lành	mành	ngành
nhành	phành (phạch)	quành	(bát) sành
thành	vành		

OANH

doam	khoanh	loanh
------	--------	-------

OÀNH

doành (dòng nước)	đoành	hoành
-------------------	-------	-------

ÊNH

bênh	chênh vênh	kênh	ghênh
lênh đênh	mênh	ngheh	sênh (nhạc khí)
xênh (xang)	tênh	thênh	vênh

ỀNH

bềnh	ghềnh	kềnh	lềnh kềnh
phềnh	quềnh (quàng)	sềnh sềnh (trước mắt)	

INH

binh	chinh (chiến)	trinh (tiết)	dinh (trại)
rinh (bâng đi)	đinh	kinh	khinh
linh	minh	nginh	phinh
sinh (thành)	xinh (đẹp)	tinh	hinh (chữ Hán)
vinh			

ÌNH

bình	(con) chình	trình (độ)	rinh (mò)
đình	hình	kinh	(xiên) linh
minh	phình	sinh (bụng)	xình xoang
tình	thình		

UYNH

huynh	khuynh
-------	--------

UỠNH

huỳnh	khuỳnh	quỳnh
-------	--------	-------

*
* * *

Những thanh bằng trong Mục 8 thuộc vần :

AO OAO AU ÂU

AO

bao	cao	chao (đề ăn)	trao (quyền)
dao (găm)	giao (hoan)	rao (hàng)	đao

hao	khao	lao	mao
nao	ngao	nhao	phao
(ngôi) sao	xao (xuyến)	tao	thao

Ă O

bào	cào	chào (hỏi)	trào (phúng)
dào (dật)	rào (vườn)	đào	gào
hào	lào	mào	nào
ngào	nhào	phào	quào
sào (huyệt)	xào (thịt)	tào	thào
vào			

OAO

ngoao ngoao (mèo kêu)

AU

cau	chau (mày)	trau (chuốt)	rau (cỏ)
đau	gau (gấu)	hau hau	khau (tát nước)
lau	mau	nhau	phau
sau	tau (tao)	thau	

ĂU

bàu (cá)	càu	trầu	dầu dầu
giầu (sang)	đầu (đào)	gầu (sòng)	hầu (loài sò)
lầu	mầu	nhầu	xầu (héo)
tàu (bay)			

ÂU

bầu	cầu	châu (bầu)	trầu (cày)
đầu (nuôi tằm)	giầu (gia)	đâu	gâu
hầu	khầu	lầu	mâu
nầu	ngầu	nhầu nhầu	sầu (bọ)
xầu (sưu thuế)	tầu	thầu	

ÂU

bầu	cầu	chầu (hầu)	hầu
-----	-----	------------	-----

dầu dãi	rầu (rỉ)	đầu	gầu
hầu	lầu	mầu	ngầu
nhầu	sầu (nảo)	xầu (bọt mép)	thầu
(măng) vầu			

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 9 thuộc vần :

EO OEO ÊU IU ƯU ƯƠU IÊU YÊU

EO

beo	cheo (cưỡi)	treo (tranh)	gieo (mạ)
reo (mừng)	đeo	heo	keo
kheo	leo	meo	neo
nhéo	queo	seo (co lại)	xeo (gỗ)
teo	theo	veo	

ÈO

bèo	chèo (thuyền)	trèo (cây)	đèo
hèo	kèo	lèo	mèo
uèo	nhèo	nghèo	phèo
quèo	sèo sèo	xèo xèo	vèo
thèo lèo (mách lèo)			

OEO

ngoéo (tiếng mèo kêu)

ÊU

bêu	trêu	rêu	kêu
khêu	lêu	nêu	ngheêu
phêu	sêu	thêu	vêu

ỀU

bều	(củi) rêu	đều	kêu
khêu	lêu	phêu	quêu
thêu	vêu		

I U

riu riu	hiu (quạnh)	xiu (se lại)	tiu (nhạc khí)
thiu			

Ì U

biu	diu (dắt)	riu (búa)	điu (hiu)
(húng) liu	xiu		

Ư U

bưu	cưu	hưu	lưu
mưu	ngưu	sưu	vưu (chữ Hán)

Ừ U

cừu	trừu (tượng)
-----	--------------

ƯƠU

(ốc) bươu	hươu
-----------	------

ƯỜU

tườu

IÊU

chiêu (đãi)	triêu (mộ)	riêu	điêu
kiêu	khiêu	liêu	miêu
niêu	nhiêu	nghiêu	phiêu
siêu (thuốc)	xiêu (vẹo)	tiêu	thiếu

IỀU

điêu	chiều	triều	diêu
biều	kiều	liều	miều
nhiều	tiều	thiều	

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 10 thuộc vần :

E OE Ê UÊ I Y IA UY UYA

E

be	che (kín)	tre (là ngà)	gồ (gie)
----	-----------	--------------	----------

re (rẻ)	đe	ghe	he
khê	le	me	ne
nhe	nghe	phe	que
se (hơi khô)	xe đập	te	the
ve			

Ê

bê	chè	dê (dặt)	rẻ rẻ
đê	ghê	hê	kê
khê	lê	mê	nhê
nghe	phê	quê	sê
tê	thê	vê	

OE

choe (choé)	hoe	khoe	loe
ngoe	xoe (vê)	toe	

OÊ

hoê	loê	nhoe	xoe
toê			

Ê

bê	chê (bai)	(cá) trê	dê (con)
rê (chỗ khác)	đê	ghê	kê
khê	lê	mê	nhê
nghe	phê	quê	xê
tê	thê	vê	

Ê

bê	chê chê	trê (môi)	rẻ (rà)
đê	hê	kê	khê
lê	mê	nê	nghe
phê	(lợn) sê	xê (xệ)	tê
thê	vê		

UÊ

huê	khue	xue (xoa)	thuê
-----	------	-----------	------

UỀ

huề

xuề (xoà)

I

bi
(chim) ri
khi
nhì
si (tình)
vi

chì (tiêu)
đi
lì
nghì
(gần) xi

trì (âm)
ghì
mì
phì
tì

đì (cư)
hì
nì
quí
thì

ì

bì
(xanh) rì
hì
nì
quí
thì

(bút) chì
đì
khì
nhì
(đen) sì
vì

trì (hoãn)
(cái) gì
lì
nghì
xì (hơi)

đì (ghê)
ghì
mì
phì
tì

Y

ky (cóp)

Y

kỳ

IA

bia
kia
thia

chia
lia

ria
nia

hia
tia

ìa

bia
kla

chia
lla

ria
thia

(đằm) đia

UY

truy
nuy (nhược)
tuy

duy
nguy

huy
suy (nhược)

khuy
xuy (kền)

ÙY

chùy tùy thùy

UYA

khuya

*
* * *

Những thanh bằng trong Mục 11 thuộc vần :

EN OEN IN ÊN IÊN UYÊN YÊN

EN

ben (bì kíp)	chen	(đan) den	ren (rén)
đen	găn	hen	ken (ken kiệt)
khen	len	men	nen
phen	quen	sen (hoa)	xen (vào)
ten (đồng)	then	ven	

ÊN

bên	chên (chêm)	trên (trệt)	rên
đen	hên	kên	lên
phên	quên	thên (thẹn)	

OEN

hoen	ngoen (ngoئن)	nhoen (nhoئن)	xoen (xoئت)
toen (hoئن)			

OÊN

(nông) choئن	(mắt) nhoئن	xoئن (xoئت)	
--------------	-------------	-------------	--

IN

rin (rít)	hin (nhỏ hẹp)	khin (khít)	min (ta)
xin	tin	thin (thít)	vin

ÎN

kìn (kít)	mìn	nhìn	ngìn
thìn			

ÊN

bên	trên	rên	kên kên (chim)
lên	mên	nên	phên
quên	(ốc) sên	xên (đường)	tên
(gỗ) vên			

ỀN

bền	dền (đều đều)	(rau) giền	rền (rì)
đền	kền	mền	nền
sền (sắt)			

IÊN

biên	chiên	diên	điên
hiên	kiên	khiên	liên
miên	niên	nhiên	nghiên
phiên	xiên	tiên	thiên
viên			

IỀN

biền	chiền chiền	triền (miên)	điền
hiền	kiền	liền	miền
nghiền	phiền	tiền	thiền
viền			

UYÊN

chuyên	duyên	huyên	khuyên
nguyên	xuyên	tuyên	thuyên

UYỀN

chuyền (tay)	truyền (bá)	huyền	nguyên
tuyền	thuyền		

YÊN

quyên

YỀN

quyền

Những thanh bằng trong Mục 12 thuộc vần :

ENG IÊNG

ENG

beng (cò) cheng keng leng

ỀNG

mềng (tỏi tàn) phềng (lùng túng) sềng

IÊNG

chiêng (nhạc khí) triêng (đòn gánh) riêng
kiêng nghiêng siêng thiêng

IỀNG

chiềng (trình) triềng (tránh) riềng (củ)
kiềng niềng xiềng

*
* *

Những thanh bằng trong mục 13 thuộc vần :

EM ÊM IM IÊM YÊM

EM

đem kem khem lem
mem (cơm) nem nhem (nhuốc) xem
tem

ỀM

lèm bèm (lửa) trèm gièm pha rèm (sáo đàn)
hèm kềm lèm mèm
lèm nhèm tèm nhèm thềm

ÊM

chêm đêm nêm têm (trầu)
thêm

ỀM

chềm (chểm) mềm thềm

IM

chim	rim	ghim	him
kim	lìm	phim	sim tím

ÌM

bìm	chìm	kìm	tìm
-----	------	-----	-----

IÊM

chiêm (bao)	triêm nhu	diêm	kiêm
khiêm	liêm	niêm	nghiêm
xiêm	tiêm	thiêm (thiếp)	viêm

IỀM

diềm	điềm	hiềm	kiềm
liềm	niềm	nghiềm (tập thử)	tiềm
thiềm			

* *
*

Những thanh bằng trong Mục 14 thuộc vần :

○ Ô U UA

O

bo	co	cho (tiền)	tro (bếp)
do (thám)	gio (tro)	ro-ró	đo
go	ho	kho	lo
mo	no	ngo ngoe	nho
pho	so (le)	xo (vai)	to
tho (chịu thua)		vo	

Ò

bò	cò	gỗ (chò)	trò (cười)
dò (la)	giò (bò)	rò (thủy tiên)	đò
gò	hò	khò	lò
mò	nò (lò đơm cá)	ngò (rau)	phò
sò (huyết)	xò xè (phô ra)	tò	thò vò

Ô

bô	cô	nhìn (chỗ chò)	rô (cá)
đô	gô	hồ	khô
lô	mô	nô	ngô
nhô	phô	sô (gai)	xô bồ
tô	thô	vô	

Ồ

bồ	cồ-cồ (gỗ lên)	chồ (nhà xí)	giồ (xông ra)
đồ	gồ	hồ	lồ (lộ)
mồ	sồ	tồ	thồ
vồ			

U

bu	cu	chu (toàn)	tru (di)
du dương	ru (con)	đu	hu
khu	lu	mu	chơi nu na
ngu	nhu	phu	xu (tiền)
tu	thu	vu	

Ù

bù	cù	trù	dù (cái ô)
rù (rì)	đù	gù	khù
lù	mù	ngù	phù
xù xỉ	tù	thù	vù

ÙA

bua (quan)	cua	chua	(a) dua
rua (sao)	đua	hua	khua
mua	xua (đuổi)	tua	thua
vua			

ỪA

bùa	chùa	đùa (như lừa)	(con) (rùa)
đùa	hùa	lừa	mùa
tùa-lua (toe toét)		thùa	

Những thanh bằng trong Mục 15 thuộc vần :

OM ÔM UOM UM

OM

bom	(lời) dom	đom (đóm)	gom
hom	khom	lom	nom
nhom	xom (đề đâm cá)	tom	

ÒM

còm	chòm (râu)	tròm tròm	dòm (ngó)
ròm (gầy mòn)	đòm (tiếng súng)	hòm	(đỏ) lòm
mòm (chín mòm)	nhòm (nhóm lửa)	ngòm	nhòm
tòm (tem)	thòm (thèm)	vòm	

ÔM

côm (cốp)	chôm chôm	trôm (cây)	rôm (mụn nhỏ)
hôm	nhôm	nhôm nham(lem)	phôm (phốp)
xôm (xốp)	tôm		

ỒM

chồm	gồm	lồm (cồm)	mồm
nhồm	nhồm nhảm (thô)	phồm phàm (thô)	xồm xoàm
(bệnh) thồm lồm			

UOM

chôm (ao)	luôm-nhuôm	nhuôm (màu hơi xám)
-----------	------------	---------------------

UỒM

buồm	tuồm-luôm (bần thiêu)
------	-----------------------

UM

chum	rum (màu đỏ tím)	khum	lum khum
num (núm)	sum (sê)	tum (húp)	thum (thủm)

ÙM

bùm-tum (rậm)	cùm	chùm (nhỏ)	trùm (kẻ cắp)
---------------	-----	------------	---------------

giùm
sùm (sề)

đùm (bọc)
tùm (hum)

hùm

lùm

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 16 thuộc vần :

ON ÔN UÔN UN

ON

bon (lăn đi)	con	chon von	tron (đút vào)
don (héo)	gion (giòn)	ron (loài hến)	don (đá)
gon (vun lại)	(tí) hon	lon	mon
non	ngon	nhon (nhen)	son
xon xon	ton ton	thon	von (nhọn)

ÒN

bòn	còn	tròn (trình)	giòn
đòn	gòn (bông gạo)	hòn	lòn
mòn	(đỏ) ngòn	sòn sòn	tòn (ten)

ÔN

bôn	côn	chôn (đào đất)	(lò) tròn
đôn	hôn	khôn	môn
nôn	ngôn	xôn (xao)	tôn (trọng)
thôn			

ỒN

bồn chồn	cồn	đồn (dập)	đồn
hồn	ngồn (ngộn)	phồn (hoa)	sồn (sộn)
tồn (tại)	thồn (nhét)	vồn (vã)	

UÔN

buôn	khuôn	luôn	muôn
suôn (hoạt bát)	tuôn	thuôn	

UỒN

buồn	cuồn (cuộn)	chuồn	huồn (hoàn)
luồn	nguồn	tuồn (tuột)	thuồn (bỏ vào)

UN

cun (cút)	chun (như chui)	trun (co lại)	dun (sẽ đầy)
(con) giun	(rét) run	đun	hun
mun	ngun (ngút)	phun	sun (co lại)
xun (xoe)	tun (hút)	thun (co lại)	vun

ÙN

bùn	cùn	trùn (rút lại)	đùn
gùn ghè (ve vãn)		hùn	lùn
mùn	ngùn (ngụt)	phùn	vùn (vụt)

*
* *

Những thanh bằng trong Mục 17 thuộc vần :

ONG ÔNG UNG OONG OANG

ONG

bong (bóng)	cong	chong (đền)	trong (veo)
(lá) dong	giong (ruồi)	(bán) rong	đong (gạo)
hong	ìong	mong	nong
nhong	phong	song (lẻ)	xong (xuôi)
tong	thong	vong (linh)	

ÒNG

bòng (bong)	còng (queo)	chòng (thòng lọng)	
tròng (đỏ)	giòng (đôi)	(vàng) ròng	đòng đòng
hòng	lòng	mòng (loài chim)	
nòng (nọc)	(cao) nhòng	phòng	sòng (bạc)
tòng	thòng	vòng	

ÔNG

bông	công	chông (gai)	trông (coi)
giông (tổ)	giông (không may)		

rông (thủy triều lên)		đông	gông
hông	không	lông	mông
nông	nhông	sông (Hương)	xông (trăm)
tông	thông	vông (cây gỗ)	

ÔNG

bông	công (kênh)	(vợ) chồng	trông (cây)
rông	đồng	gông (gánh)	hông
lông	mông (gà)	nông	phông
sông (sộc)	tông (ngõng)	vông (khoai)	

UNG

bung	cung	chung (chạ)	trung (bình)
dung	rung (rinh)	hung	khung
lung	nung	nhung	phung
sung (túc)	xung (quanh)	tung (hoành)	thung (dung)
vung			

ÙNG

bùg	cùg	chùng (chính)	trùng (phùng)
dùg	rùg (minh)	đùng	hùng
khùng	lùng	mùng	nùng
phùng	sùng (tín)	xùng (xỉnh)	tùng (quần)
thùng (thỉnh)	vùng		

OONG

boong (tàu)	loong coong	(cái) soong
-------------	-------------	-------------

OANG

oang oang

Gieo Vần Thơ Việt

TIẾNG ĐÔI THUỘC VẦN BẰNG



TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 1

thuộc vần : A OA UA Ơ U

(Thường a thông được với ơ và ơ thông được ư nên a oa
ư ơ thông được với nhau và a ư ư ơ thông được với nhau)

A

ê a	bôn ba	thanh ba	thu ba
tỳ bà	cầm ca	dạ ca	danh ca
diễn ca	hợp ca	nhạc ca	quốc ca
thanh ca	thi ca	Thích ca	xướng ca
la cà	tam đa	đầy đà	là đà
quốc gia	tang gia	tề gia	tham gia
thân gia	thi gia	thông gia	tư gia
văn gia	dưỡng già	quáng gà	bạc hà
nề hà	Nhị hà	quan hà	thăng hà
khề khà	lân la	thanh la	Xiêm la
lơ là	thây ma	hăng nga	manh nha
ngâm nga	ngân nga	nguy nga	quan nha
ngà ngà	hỏa xa	bê tha	buông tha
thanh tra	thứt tha	vị tha	gian tà
tà tà	thiệt thà		

OA

anh hoa	khai hoa	mật hoa	nguyệt hoa
phồn hoa	tài hoa	tinh hoa	Trung hoa
văn hoa	vinh hoa	xe hoa	cầu hòa
cộng hòa	dung hòa	điều hòa	giảng hòa
hiếu hòa	ôn hòa	thuận hòa	bách khoa
chuyên khoa	đăng khoa	giáo khoa	tân khoa
văn khoa	chưa ngoa	điều ngoa	qua loa
lòa xòa	xì xào	xuề xòa	kim thoa
quần thoa			

Ư A

dây dừa	lừa thừa	giao thừa	lộc lừa
mây mưa	say sưa		

Ơ

thờ ơ	õm ờ	ù ờ	dinh cơ
thất cơ	thiên cơ	thời cơ	ngây đơ
thời giờ	hững hồ	ơ hồ	chai lơ
lững lơ	lơ mờ	lờ mờ	lu mờ
mập mờ	tờ mờ	ngần ngờ	nhờn nhờ
nghi ngờ	bạc phơ	phất phơ	bâng quơ
hồ sơ	thô sơ	xác xơ	đào tơ
trai tơ	họa thơ	lơ thơ	ngày thơ
trẻ thơ	vần thơ	thần thờ	bơ vơ
chơ vơ	vần vơ	vu vơ	

U

an cư	ần cư	di cư	hồi cư
tản cư	xà cừ	địa dư	kỳ dư
thặng dư	hầm hừ	khư khư	thảo lư
danh sư	giáo sư	kỹ sư	tô sư
tôn sư	võ sư	anh thư	bí thư
bình thư	chiến thư	chúc thư	kinh thư
tứ thư	ung thư	lao tư	tâm tư
thiên tư	tương tư	bài trừ	giã từ
giải trừ	hiền từ	huấn từ	khước từ
tạ từ	trừ trừ		

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 2

thuộc vần : AI OAI OI ÔI UOI OI ƯƠI UI

AI

trần ai	an bài	ghe chài	dằng dại
---------	--------	----------	----------

dẻo dai	gàu dai	cao đài	dạ đài
lâu dài	trang đài	võ đài	di hai
khôi hài	thi hài	ly khai	bồng lai
duyên lai	tái lai	tương lai	vãng lai
hoa mai	sao mai	trúc mai	dùi mài
sinh nhai	thiên nhai	sơ sài	bào thai
bùi tai	đầu thai	điền trai	êm tai
hạt trai	inh tai	khoan thai	phôi thai
quái thai	tam tai	thiên tai	thiên thai
thỉnh tai	thoát thai	thụ thai	thủng tai
vênh tai	tương lai	anh tài	bất tài
chân tài	độc tài	gia tài	hao tài
kỳ tài	tiền tài		

OAI

cảm hoài	lữ hoài	lạc loài	thị oai
----------	---------	----------	---------

OI

đua đòi	theo đòi	tôi đòi	hắn hoi
hiếm hoi	lẽ loi		

ÔI

đền bồi	quỳnh bồi	bồ coi	đẹp đôi
sánh đôi	vừa đôi	xứng đôi	tanh hoi
chiêu hồi	luân hồi	phục hồi	thải hồi
vãn hồi	cừ khôi	kỳ khôi	hoa khôi
địa lôi	thiên lôi	hở môi	mềm môi
da mồi	đôi mồi	eo ôi	than ôi
xà xôi	buông trôi	lôi thôi	vua tôi

UÔI

buông xuôi	ngược xuôi
------------	------------

ƠI

dong chơi	nghe chơi	cối đời	đã đời
đời đời	đáng đời	già đời	lạ đời
mùi đời	muôn đời	ngạo đời	rồi đời
dở hơi	đánh hơi	tắm hơi	lả lơi
ngheñ lời	sai lơi	sáng ngời	rụng rồi
xa vời	mòng toi	tả toi	thành thời
cập thời	đương thời	lâm thời	lỗi thời
sinh thời	thất thời	thích thời	thiếu thời
tứ thời	xu thời	bầu trời	Chúa Trời
tày trời	vẽ vời		

ƯƠI

bật cười	tức cười	tươi cười	đôi mươi
vàng mười	tốt tươi		

UI

thoát lui	bùi ngủi	ngậm ngủi
-----------	----------	-----------

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 3

thuộc vần : AY OAY ÂY UÂY

AY

giải bày	chua cay	ma chay	dạ dầy
hay hay	cầu may	mây may	ghê tay
sang tay			

OAY

loay hoay	văn xoay
-----------	----------

ÂY

điếu cày	hây hây	thang mây	văn mây
đồng tây	riêng tây		

UÂY

giải khuấy

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 4

thuộc vần : AM OAM ẨM OẨM ÂM ƠM ƯƠM

AM

thảo am	bút đàm	hội đàm	thời đàm
bao hàm	danh lam	tham lam	tạp nham
siêu phạm	gian tham	tái tam	

OAM

ngồm ngoàm xồm xoàm

ẨM

căm căm muôn năm thẽ xăm

OẨM

oái oẩm

ÂM

bá âm	bát âm	dur âm	độc âm
giai âm	hòa âm	hồi âm	mẫu âm
nguyên âm	quốc âm	thái âm	thanh âm
tri âm	vi âm	phương châm	dương cầm
giam cầm	hồ cầm	vĩ cầm	cường dâm
gian dâm	hiếp dâm	hoang dâm	mãi dâm
tà dâm	thông dâm	hầm hằm	sai lằm
sơn lâm	tiểu lâm	lâm râm	lằm rằm
rỉ rằm	sa sằm	an tâm	bình tâm
can tâm	cao thâm	chủ tâm	chuyên tâm
công tâm	dã tâm	dung tâm	duy tâm
điềm tâm	định tâm	đồng tâm	gia tâm
hằng tâm	hồi tâm	khô tâm	kiên tâm
lao tâm	lập tâm	lương tâm	manh tâm
minh tâm	nhân tâm	nhiệt tâm	quyết tâm
tà tâm	tận tâm	hâm tâm	thiện tâm

thuận tâm	tiêu tâm	tĩnh tâm	tổ tâm
trọng tâm	từ tâm	vấn tâm	vô tâm
bồng trầm	Phù trầm	thăng trầm	thâm trầm
sưu tầm	thì thăm		

ƠM

túi com	bờm xom	danh thơm
---------	---------	-----------

ƯƠM

vườn ươm	tuốt gươm	rách tươm
----------	-----------	-----------

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 5

thuộc vần : AN OAN ẪN OẢN ÂN UÂN ƠN ƯƠN

A N

bình an	cầu an	vạn an	vấn an
nát bàn	tài bàn	khuyến can	tâm can
cung đàn	diễn đàn	tao đàn	cả gan
ruột gan	dương gian	thông gian	thời gian
trần gian	bần hàn	khó khan	ngọc lan
Thái lan	đã man	gian nan	lượng nan
từ nan	dung nhan	hồng nhan	nồng nàn
phần nàn	an nhàn	thanh nhàn	băng ngàn
bể quan	bi quan	đường cái quan	chủ quan
giác quan	phái quan	kỳ quan	lạc quan
tam quan	thị quan	lầm than	vỡ tan
điều tàn	tham tàn	tồi tàn	muôn vãn

OAN

dây oan	giải oan	minh oan	tây oan
vu oan	cực đoan	dị đoan	đa đoan
tệ đoan	hiệp đoàn	nghiệp đoàn	tập đoàn
giao hoan	hân hoan	khải hoàn	kim hoàn

hồ khoan
chu toàn

nhật khoan
hoàn toàn

hồi loan
kiêm toàn

an toàn
thập toàn

ĂN

cọc cần
thi văn

nhọc nhằn
thiên văn

quốc văn
hán văn

khuyến răn
hành văn

OĂN

ngoăn ngoèo

khúc ngoăn

ÂN

ái ân
hàm ân
vong ân
đưa chân
chuyên cần
quốc dân
tứ dân
chúng nhân
cử nhân
hiền nhân
phế nhân
thân nhân
triết nhân
thủy ngân
khẩu phần
hải quân
tương quân
hoàng thân
thành thân
nữ thần
tinh thần
giáng trần
thanh vân

báo ân
hồng ân
vô ân
sa chân
giáo dân
thần dân
dần dân
cổ nhân
dị nhân
hôn nhân
siêu nhân
thiện nhân
tư nhân
tần ngần
muôn phần
hành quân
hoài xuân
lập thân
tương thân
tâm thần
vô thần
tuyệt trần
văn vân

bội ân
tạ ân
thanh bản
tả chân
muôn dân
thứ dân
đỡ đỡ
cồ nhân
giai nhân
mỹ nhân
tao nhân
tiểu nhân
văn nhân
qua phân
dân quân
hôn quân
bản thân
phụ thân
canh tân
thánh thần
châu trần
từ trần

gia ân
tri ân
đẻo chân
ân cần
nhân dân
thực dân
ân nhân
công nhân
hạnh nhân
nguyên nhân
thành nhân
tình nhân
vĩ nhân
bội phần
địch quân
lục quân
độc thân
song thân
bần thần
thiên thần
cối trần
đăng vân

UÂN

bại luân	loạn luân	phi luân	tuyệt luân
ba quân	hồng quân	hợp quân	nhân quân
chúa xuân	hồi xuân	lập xuân	nginh xuân
tầm xuân	thanh xuân	tứ tuần	

ƠN

đền ơn	đội ơn	ghi ơn	giã ơn
nguồn cơn	cô đơn	thực đơn	giang sơn
hòa sơn	quan sơn	thâm sơn	

ƯƠN

chạch lươn	cây vườn
------------	----------

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 6

thuộc vần : ANG OANG ẪNG ÂNG UÂNG
ƯƠNG UÔNG ƯƠNG

bê bàng	chang chang	dờ dang	dịu dàng
đảm đang	điểm dàng	thiên dàng	hương giang
gọn gàng	ngang hàng	bình khang	tao khang
hành lang	sải lạng	tân lang	lỡ làng
cuu mang	đa mang	hoang mang	hồ mang
hỗn mang	mơ màng	mùa màng	cầm nang
đò ngang	hiên ngang	ngheh ngang	ngồn ngang
ngỡ ngang	nhẹ nhàng	phủ phàng	dạ quang
hào quang	lân quang	thiếu quang	xạ quang
rộn ràng	sẵn sàng	phủ tang	thành thang
cải trang	điểm trang	điều tang	đoan trang
hóa trang	khang trang	thôn trang	thời trang
tư trang	võ trang	bảo tàng	ngang tàng
đã tràng	về vang	vội vàng	

OANG

huyền hoang	tan hoang	toang hoang	bàng hoàng
bảo hoàng	huy hoàng	ngọc hoàng	phượng hoàng
thành hoàng	thiên hoàng	trang hoàng	khoe khoe

ĂNG

thăng bằng	vi bằng	hoa đăng	khăng khăng
xâm lăng	búp măng	bản năng	hiệu năng
kỹ năng	lượng năng	siêng năng	tài năng
toàn năng	lãng nhăng	ghê răng	rỉ răng
lãng xằng	cung trắng	khuôn trắng	sáng trắng
vành trắng	trực thăng	tung tăng	xích thăng

ÂNG

hạ tầng

UÂNG

bâng khuâng

ƯƠNG

tal ương	trung ương	uyên ương	biên cương
đại cương	kim cương	kỷ cương	tam cương
thiên cương	cửu chương	hiển chương	huy chương
từ chương	văn chương	cao cường	hào cường
khang cường	tự cường	chán chường	biểu dương
du dương	đại dương	Đông dương	son dương
tà dương	thái dương	thủy dương	trùng dương
tương dương	yêu dương	bạn đường	cùng đường
dưỡng đường	đưa đường	giảng đường	giáo đường
hối đường	hoang đường	huyện đường	nghiêm đường
thánh đường	thiên đường	tỉnh đường	từ đường
xuân đường	đài gương	cổ hương	hành hương
hoài hương	hồi hương	ly hương	minh hương

nhũ hương	nén tâm hương	tha hương	thanh hương
thiên hương	trầm hương	xạ hương	cải lương
hoàng lương	thanh lương	thê lương	thiên lương
công nương	bình phương	địa phương	đối phương
lập phương	tây phương	tha phương	thập phương
tứ phương	dạn sương	dầm sương	phong sương
tinh sương	hỗ tương	công thương	cứu thương
doanh thương	đao thương	hội thương	tang thương
tồn thương	yêu thương	khai trương	khăn trương
khuyếch trương	phô trương	am tường	cát tường
chiến trường	công trường	cương trường	đấu trường
đoạn trường	đường trường	hội trường	kịch trường
lập trường	sa trường	sở trường	tầm thường
tình tường	tình trường	bá vương	diêm vương
để vương	hải vương		

UÔNG

gác chuông	thỉnh chuông	cuống cuống	diên cuống
ngông cuống	thường luồng	thèm thường	

ƯNG

đoán chừng	dừng dưng	chấn hưng	phục hưng
dài lưng	nai lưng	vang lừng	ngập ngừng
rưng rưng	danh xưng		

TIẾNG ĐÒI TRONG MỤC 7

thuộc vần : ANH OANH ÊNH INH

ANH

bảo anh	dục anh	hoàng anh	tinh anh
trâm anh	tam bành	niên canh	tàn canh
chòng chành	bí danh	dịch danh	giả danh
hiếu danh	lưu danh	mai danh	nức danh

ô danh	pháp danh	phương danh	tài danh
thanh danh	trá danh	tục danh	uy danh
vấn danh	vô danh	thanh danh	thành danh
đành hành	ấn hành	bộ hành	dạ hành
du hành	hiện hành	hoành hành	lộ hành
ngũ hành	thi hành	thịnh hành	thông hành
thực hành	tốc hành	ái khanh	sở khanh
long lanh	hiền lành	mong manh	mảnh mảnh
phong phanh	loanh quanh	cao xanh	lầu xanh
tuổi xanh	xanh xanh	xuân xanh	vắng tanh
đạp thanh	đồng thanh	thất thanh	thiên thanh
thu thanh	truyền thanh	cạnh tranh	chiến tranh
lều tranh	tương tranh	bất thành	cánh thành
chân thành	công thành	hình thành	hoàn thành
hoàn thành	khánh thành	kinh thành	khuyh thành
nhật thành	sinh thành	tác thành	tan tành
tán thành	tĩnh thành		

OANH

hoàng oanh	kinh doanh
------------	------------

ÊNH

bập bênh	lênh dênh	hớ hênh	cồng kênh
hoan ghênh	thênh thênh	chênh vênh	

INH

bãi binh	hành binh	tài binh	tàn binh
hòa bình	phê bình	quân bình	thái bình
thanh bình	hành dinh	tòng chinh	chùng chinh
hành dinh	cùng đình	thiên đình	hậu đình
linh đình	lôi đình	gia đình	thiên đình
thân hình	dị hình	địa hình	hành hình
khô hình	mô hình	hiện hình	thân hình

trá hình	truyền hình	trượng hình	vô hình
điền kinh	thánh kinh	anh linh	Bá linh
lung linh	sinh linh	tâm linh	điều linh
hiền linh	thần linh	uy linh	vong linh
thình linh	biện minh	bình minh	cao minh
gieo mình	hạ mình	an ninh	đỉnh ninh
rung rinh	ba sinh	bình sinh	dưỡng sinh
hậu sinh	học sinh	hộ sinh	hồi sinh
hy sinh	khai sinh	nữ sinh	phù sinh
phục sinh	quyên sinh	sát sinh	tái sinh
giáng sinh	hiện sinh	thân sinh	thứ sinh
tiên sinh	trường sinh	vệ sinh	phù sinh
phục sinh	bội tình	hành tình	hỏa tình
kết tình	kim tình	lân tình	lĩnh tình
minh tình	mộc tình	vệ tình	yêu tình
tiết trinh	trung trinh	ái tình	ân tình
ần tình	bạc tình	biểu tình	chung tình
dân tình	diễm tình	hữu tình	khối tình
nặng tình	ngoại tình	nhân tình	phong tình
phụ tình	quả tình	si tình	tài tình
tả tình	thân tình	thần tình	thất tình
thịh tình	thùng tình	tính tình	tư tình
vô tình	công trình	hành trình	lịch trình
lục trình	quá trình	tường trình	quang vinh
hiền vinh			

UYNH

bào uynh tả khuynh chén quynh

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 8

thuộc vần : AO OAO AU ÂU

ào ào ồn ào chiêm bao hầu bao

cầm bào	đồng bào	long bào	tế bào
thai bào	đề cao	tự cao	ca dao
phiêu dao	quỳnh dao	tiêu dao	đôi dào
bình đao	lao đao	anh đào	ba đào
bồ đào	nhị đào	tại đào	gắt gao
bang giao	ngoại giao	quảng giao	tân giao
tri giao	tuyệt giao	xã giao	tồn hao
cường hào	hồ hào	hỗn hào	phú hào
thân hào	thi hào	văn hào	Ai lao
cần lao	cổng lao	đề lao	gian lao
phi lao	thù lao	nao nao	nghêu ngao
phiêu phào	rì rào	lao xao	xanh xao
lào xào	thanh tao	thiên tạo	thao thao
thê thao	thì thảo	cao trào	cựu trào

OAO

nghêu ngao chó ngao

AU

hoa màu đồng thau vàng thau

ÂU

Tây âu	Á âu	Âu châu	bóng cầu
giọt châu	Minh châu	Mỹ châu	nhao cầu
trân châu	trung châu	Úc châu	cung cầu
địa cầu	hoàn cầu	khăn cầu	nguyệt cầu
thỉnh cầu	trưng cầu	yêu cầu	bề dàu
phù dàu	thầu dàu	đầu dàu	bạc đầu
dần dàu	đỡ đầu	giáo đầu	khẩu đầu
cao lâu	hồng lâu	lâu lâu	xà mâu
đục nẫu	rầu rầu	âu sâu	bi sâu
u sâu	ve sâu		

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 9

thuộc vần : EO OEO ÊU IU ƯU ƯƠU IÊU YÊU

EO

mái chèo	khăng kheo	cheo leo	tầm phèo
quanh queo	văng teo	văn vèo	

OEO

ngòong ngoèo

ÊU

đều đều trở trêu

IU

điu hiu	hiu hui	quạnh hiu	nâng niu
---------	---------	-----------	----------

ƯU

cơ mưu	hồi hưu	nữ lưu	phong lưu
trung lưu			

ƯƠU

sừng hươu khi trêu

IÊU

đặt điều	giáo điều	tín điều	Hoa kiều
Mỹ kiều	ngoại kiều	phù kiều	yêu kiều
quan liêu	mỹ miều	cao siêu	hoa tiêu
hồ tiêu	mục tiêu	hải triều	hoàng triều

YÊU

tình yêu

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 10

thuộc vần : E OE Ê UÊ I Y IA UY

E

e dè	găm ghè	hăm he	hăm hè
ho he	vào hè	vàng khè	éo le

lím le
khè nhè
vuốt ve

thè lè
sè sè

rui mè
te te

cả nghe
tè tè

OE

xum xoe

Ê

Ba lê
cập kê
đam mê
tê mê
phủ phê
vụng về

vấn dề
hoạt kê
đê mê
no nê
rề rề

gớm ghê
sơn Khê
ham mê
ngô nghê
hiền thê

hả hê
pha lê
say mê
châu phê
thảm thê

UÊ

đề huề

I

từ bi
tứ chi
hồ li
ca nhi
lễ nghi
gian phi
hiệu qui
rì rì
cồ thi
lương tri
dậy thì
hàn vi

bì bì
man di
họa mi
hài nhi
thích nghi
phì phì
trường qui
rù rì
diễm thi
tiên tri
đương thì
hành vi

lì bì
tru di
tăng ni
nam nhi
triều nghi
chính qui
vu qui
cuồng si
cáo tri
trí tri
thành trì
tinh vi

sá chi
gan lì
ấu nhi
thiếu nhi
cung phi
chung qui
xanh rì
lì ti ,
cố tri
vô tri
chu vi
tường vi

Y

cầm y
thanh y
cầu kỳ

đông y
thú y
chu kỳ

giải y
cao kỳ
hạ kỳ

lương y
cầm kỳ
hiếu kỳ

Hoa kỳ
biệt ly
mê ly

lạ kỳ
hồ ly
thoát ly

ly kỳ
lâm ly

quốc kỳ
lưu ly

IA

đằm đìa

thìa lia

UY

phát huy

cứu nguy

thịnh suy

biên thù

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 11

thuộc vần : EN OEN IN ÊU IÊN UYÊN YÊN

EN

dua chen
sang hèn
rối ren

dân đen
yếu hèn
gót sen

hoa đèn
hơi men
trà sen

đê hèn
mon men

OEN

ố hoen

IN

bồ nhìn

ngước nhìn

đức tin

truyền tin

IÊN

tả biên
dại liên
thời miên
hoa niên
trắng niên
điềm nhiên
ngang nhiên
tuyệt nhiên
động tiên
huyền thiên

truân chiến
tiêu liên
triền miên
tân niên
trung niên
hồn nhiên
ngẫu nhiên
bút nghiên
thần tiên
khai thiên

đảo điên
trung liên
ấu niên
thanh niên
công nhiên
mặc nhiên
thản nhiên
quảng xiên
thủy tiên
thanh thiên

trung kiên
liên miên
cao niên
thâm niên
dĩ nhiên
ngạc nhiên
thiên nhiên
bất tiên
triều tiên
thăng thiên

công viên	điền viên	đoàn viên	giáo viên
hoa viên	hội viên	huê viên	lạc viên
ủy viên			

UYÊN

chính chuyên	đẹp duyên	ép duyên	hữu duyên
kết duyên	lương duyên	nhân duyên	sánh duyên
tình duyên	tơ duyên	trần duyên	vô duyên
hàn huyền	căn nguyên	khôi nguyên	tài nguyên
trung nguyên	từ nguyên	y nguyên	lạc quyền
thiên quyền			

YÊN

bình yên

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 12

thuộc vần : ENG IÊNG

ENG

rùm beng leng keng

IÊNG

sầu riêng khuôn thiêng

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 13

thuộc vần : EM ÊM IM IÊM

EM

hom hem	lem nhem	nhá nhem	kèm nhèm
say mềm	tòm tem	thòm thềm	

ÊM

êm êm	êm êm	êm êm	say mềm
-------	-------	-------	---------

IM

lìm đim	bạch kim	cận kim	cồ kim
---------	----------	---------	--------

mỹ kim
im lìm

thiên kim

gọng kim

xà lim

IÊM

cung chiêm
tôn nghiêm

tỵ hiêm
trang nghiêm

thanh liêm
uy nghiêm

giới nghiêm

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 14

thuộc vần :: O Ô U UA

O

đôi co
nguyên do
âu lo
tò mò
túc nhỏ

giăng co
tự do
liu lo
tối mò
thập thò

quanh co
giả đồ
thò lò
danh nho
vo vo

duyên do
gay go
rình mò
hàn nho
tò vò

Ô

dâm ô
xô bồ
đế đồ
hoạn đồ
địa đồ
tri hô
cản khôn
ngây ngô
trầm trò

kim ô
ni cô
cơ đồ
hồ đồ
hoan hô
giang hồ
hồ lô
nhấp nhô

ngoại ô
tiên cô
địa đồ
tín đồ
san hô
hàm hồ
lõa lồ
xì xồ

tham ô
cổ đồ
gian đồ
tội đồ
tô hô
mơ hồ
khôi ngô
Da tô

U

ù ù
hạ du
chiến khu
giao phu
trơn tru

thâm u
ngao du
tật mù
phàm phu
trung thu

chu du
tây du
chính phu
võ phu
hoang vu

giao du
xích đu
công phu
thiên thu
vi 'vu

UA

đền chùa	a đua	ganh đua	thi đua
bông đùa	vui đùa	được mùa	trái mùa
được thua	hơn thua	thêu thùa	

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 15

thuộc vần : OM ÔM UOM UM

OM

lom khom om sòm

ÔM

đêm hôm

UOM

xuôi buồn

UM

lum khum tùm lum bùm tum um tùm

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 16

thuộc vần : ON ÔN UON UN

ON

bồ hòn	gầy mòn	hao mòn	nỉ non
lòng son	thon thon	véo von	ví von

ÔN

lâm bồn	du côn	bồn chồn	cầu hôn
chủ hôn	đính hôn	giao hôn	hứa hôn
ly hôn	tảo hôn	tân hôn	thành hôn
thần hôn	thoái hôn	trá hôn	từ hôn
âm hôn	gọi hôn	hương hôn	linh hôn
quốc hôn	tâm hôn	vong hôn	chuyên môn
hồi môn	huyền môn	sa môn	thiền môn

châm ngôn	đanh ngôn	di ngôn	dụ ngôn
đa ngôn	lộng ngôn	thất ngôn	thiện ngôn
trực ngôn	hương thôn	xã thôn	tăng tôn
ôn tồn	sinh tồn		

UỒN

giải buồn	chuồn chuồn	mưa nguồn
-----------	-------------	-----------

UN

ùn ùn	rét run	run run
-------	---------	---------

TIẾNG ĐÔI TRONG MỤC 17

thuộc vần : ONG ÔNG UNG OANG

ONG

bướm ong	thong dong	long đong	cửu long
bận lòng	cam lòng	dốc lòng	đánh lòng
đau lòng	đồng lòng	được lòng	hài lòng
múi lòng	não lòng	sẵn lòng	tắc lòng
thỏa lòng	nhong nhong	binh phong	cồ phong
cuồng phong	gia phong	quốc phong	tác phong
tấn phong	truy phong	cô phòng	đề phòng
động phòng	khê phòng	thư phòng	song song
gầu sòng	lộn sòng	tay trong	tam tông
diệt vong	hưng vong	tồn vong	trận vong
vô song			

ÔNG

lông bông	bệnh bông	đèo bông	tang bông
gia công	hóa công	lao công	tài công
thành công	thần công	thiên công	thư công
á đồng	cận đồng	tàn đồng	viễn đồng
cọng đồng	dị đồng	dại đồng	hòa đồng
bội đồng	mục đồng	thần đồng	thông đồng

tiêu đồng	tương đồng	bóng hồng	khoan hồng
lầu hồng	hàng không	tay không	thu không
bông lông	mênh mông	canh nông	bồ nông
giắc nồng	phập phồng	bệ rồng	rồng rồng
non sông	sang sông	giao thông	phồ thông
thần thông	tinh thông	tư thông	viên vòng

UNG

lòng bùng	bạch cung	cấm cung	đông cung
hậu cung	khâu cung	kiếm cung	thâm cung
thiên cung	cáo chung	lâm chung	thọ chung
bần cùng	cổ cùng	kỳ cùng	vô cùng
bao dung	chân dung	hình dung	khoan dung
phù dung	thung dung	trung dung	ung dung
xuân dung	đi đùng	cát hung	hành hung
anh hùng	gian hùng	hải hùng	thư hùng
tranh hùng	trăm hùng	mông lung	lạ lung
cầm nhung	nhớ nhung	ngại ngừng	ngượng ngừng
tao phùng	trùng phùng	tương phùng	bung xung
sượng sùng	tôn sùng	lung tung	bất trung
hiếu trung	không trung	thẹn thùng	vi trùng
vấy vùng			

OANG

oang oang

Gieo Vần Thơ Việt

THI LIỆU VẦN BẰNG



THI LIỆU VĂN BẰNG

MỤC I

thuộc vần : A OA O Ơ ƯA Ư

- oa Từ nghe vườn mới thêm hoa
a Miệng người đã lắm, tin nhà thì không (Kiều)
- oa Lại càng ủ dột nét hoa
a Sầu tuôn đứt nỗi châu sa vẫn dài (Kiều)
- ơ Thiếp từ ngộ biển đến giờ
ưa Ông qua, bước lại đã thừa xấu xa (Kiều)
- ưa Nỗi riêng tâm tã tuôn mưa
ơ Phần cảm nỗi khách, phần dơ nỗi mình (Kiến)
- ưa Cười rằng : Cá nước duyên ưa !
ơ Nhớ nhời nói những bao giờ hay không ? (Kiều)
- oa Cải chửa ra cây, cà chưa nụ
a Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách, trầu không có
Bác đến chơi đây ta với ta
NGUYỄN-KHUYẾN
- oa Khéo xếp liềm một chiếc thoa
a Đón khách mượn màu son phấn mụ
Bán mình chuộc lấy tội tình cha
YÊN-BỒ
- a Bước tới đèo ngang bóng xế tà
oa Cỏ cây chen đá lá chen hoa
THANH-QUANG

ura Ngồi buồn nhớ truyện ngày xưa
ơ Nhớ ông Gia-Cát bây giờ nơi nao ?
NGUYỄN-VĂN-HIỆU

a Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua
ơ Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngằn-ngờ
THẾ-LỮ

ura Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa
ơ Nơi ta không còn được thấy bao giờ
THẾ-LỮ

ơ Chờ anh ! cho muôn đời sau ghen tức
Tình giai nhân kiều hiện khách văn thơ
Vì duyên thăm muôn thu còn sức nước
ura Như hương yêu bất diệt của người xưa
HUY-THÔNG

ura Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
ơ Hồn ở đâu bây giờ
VŨ-ĐÌNH-LIÊN

ơ Trôi đi thuyền ! Cứ trôi đi xa nữa !
Vỗ trắng khuya bơi mãi ! Cách chèo mơ !
Lòng ta là những hàng thành quách cũ,
ura Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa
VŨ-ĐÌNH-LIÊN

ơ Ta đứng bên hiên kiểm ý thơ
a Mỹ nhân vô ý bước đi qua
Cánh hồng quyến luyến trên châu ngọc
ura Như muốn cùng ai sống phút thừa
THÁI-CAN

ư Dáng tròn vành vạnh dáng không hư

ơ Che chở bao la khắp bốn bờ
Khi đề tường nên dù với tăn
ura Nêu ra thì nhặt nắng cùng mưa
THÁI-DUY-THANH

ura Nhâm dần tới, mở đầu xuân chiến đấu
Quốc dân theo dấu vết người xưa
ơ Gương trần, Lê chói vẫn chưa mờ
Dòng Anh kiệt gặp thời cơ càng phấn chí
TRẦN-THỊ-LAN

a Mẹ con đàn sói vẫn chưa già
oa Ôi nét kiêu hùng tượng đá hoa
Xét nổi phế vương lòng nguội lạnh
a Đường bay còn dẫn tới Rô-ma
VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

ư Đất buồn hoa cỏ mùa đông
ơ Đồn xa dấu kín mấy giòng tâm tư
Mưa rơi ướt thấm thân cò
Mưa xua gió đuổi lời thơ thanh bình
QUỐC-DÂN

a Con đường cũ trong hồn nghe cỏ mọc
ơ Chuông cũ giờ đây bặt trên da
Tuổi hồng sa chân chết đuối bao giờ
Ngày tháng cũ cầm bằng như nước lủ
TRẦN-THY-NHA-CA

ư Cơm áo dạy mồm ăn lơ nói láo
ơ Cửa từ bi xưa mất dấu đứa con hư
Tháp cò, chuông xưa, sông nhỏ bây giờ
Giòng nước cũ trong mắt mình âm đục
TRẦN-THY-NHA-CA

THI LIỆU MỤC 2

thuộc vần : IA OAI OI ỐC OI ƯƠI UI UÔI

oi Đố ai lượm đá quăng trời
ươi Đem gầu tát biển ghẹo người cung trăng
CA-DAO

ươi Thầy khoe thầy cứu được người
ai Đến khi thầy ốm chẳng ai cứu thầy.
CA-DAO

ai Thân em như củ ấu gai
oai Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen.
CA-DAO

uôi Nhện kia dăng lưới bắt ruồi
ươi Thấy tằm kéo kén vừa cười vừa chê.
NGŨ-NGÔN-XƯA

oi Bắc Nam đôi ngả chịu sầu đôi ba nơi
ôi Con chim khôn nó chết mệt vì mồi
ươi Nó kêu réo rắt gọi người tình nhân.
SÂM-CÔ-ĐẦU

ai Tường đông ong bướm đi về mặc ai
oi Ngày xuân con én đưa thoi.
oai Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi,
Cỏ non xanh rợn chân trời. (Kiều)

ai Hương trời sá động trần ai
ươi Dầu vàng nghìn lạng để cười một khi.
CUNG-OÁN

ui Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui
ôi Nghìn năm giao ước kết đôi.
TÀN-ĐA

ại Bì cực rồi thì đến thái lai
 ươi Nửa mừng, nửa khóc, nửa vui cười.
 muôn vắn cảm đội công ơn Chúa.
 ôi Bao xét cao rao phước tận tôi.
 Mấy độ gian nan còn đề dạ,
 ơ Ba năm cầu nguyện đã như lời.
 Thôi thôi đừng bận cùng ta nữa,
 ôi Ôi sự công danh phú quý ôi !
 SÀN-ĐÌNH LINH-MỤC J.M.T.

ui Nền lui đã có dịp thời lui,
 ơ Sẵn có đây phong nguyệt kho trời.
 UNG-BÌNH

 Ngày nào được gần gũi
 ại Hoa lòng nở cả hai
 Trời dành duyên tụ hội
 ơ Non nước chứa chan lời.
 BÚT-TRÀ

ơ Sáng chủ nhật đầy ấp mọi người
 Con nói đi mặt trời đang mọc
 ôi Mặt trời mọc, mọc rồi, mọc rồi
 Mặt trời mọc mà sao mẹ khóc
 TRẦN-THI-NHÚ-CA

THI LIỆU MỤC 3

thuộc vần : AY OAY ÂY UÂY

ây Ai ơi đừng chóng chó chầy,
 ay Có công mài sắt có ngày nên kim.
 CA-DAO

ây Kịp toan kiểm chốn xe giây
 ay Không dừng chưa dễ mà bay đẳng trời ! (Kiều)

ây Vẻ kêu, vượn hót nào tầy,
ay Lọt tai, Hồ cũng chau mày rơi châu ! (Kiều)
ây Cang nghe càng đắm càng say,
ây Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình ! (Kiều)

 Phật tiền ngày bạc lân la
uây Đăm đăm, nằng cũng nhớ nhà không khuây !
ay Nghe tin mờ mặt mờ mày, (Kiều)

ây Tàng tàng chén cúc giờ say
ây Đứng lên Vân mới giải bày một hai. (Kiều)

oay Việc nhà bà già lay hoay,
ay Đề con, đề cháu cả ngày dong chơi.
 KHUYẾT-DANH

ây Thóc lúa kho trời vẫn sẵn đầy
ay Tạc thành cái cối đề mà xay
 Thu tàng châu ngọc tứ mùa đủ
oay Chuyển vận âm dương một máy xoay.
 LÊ-THÁNH-TÔN

ây Năm canh to nhỏ tình ma chuột
 Sáu khắc mơ-màng chuyện nước mây.
 Êm ái cung đàn chen tiếng hát,
ay Là-đà kẻ tỉnh giắt người say.
 TRẦN-KẾ-XƯƠNG

ĐỒNG HỒ NÁO

ay Vì sợ người ta ngủ quá say,
 Liều công đánh thức cả đêm ngày.
 Giờ trời ghi nhớ mười hai tiếng,
ây Máy tháng thiêng liêng một sợi dây,
 Chuông có hồi kêu người phải tỉnh,
oay Phút không khi nghỉ đất hằng xoay

Khen cho tài ngử người mình nhĩ
Reo đã bao lâu cũng kệt thây.

PHAN-BỘI-CHÂU

ay Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày
ây Xương mai một năm hao gầy

TÀN-ĐÀ

ây Trời nặng mây mù, mấy khóm cây
ay Đứng kia, không biết tỉnh hay say

THẾ-LỮ

ây Mai trắng bên sông chờ bóng nước,
Cỏ xanh trước gió vẫn màu mây.
Nhà ai sườn núi cơn mưa gội,
ay Bãi phẳng chiều tà chiếc nhạn bay ...

VÂN-ĐÀI

THI LIỆU MỤC 4

thuộc vần : AM OAM ẨM OẨM ÂM AM ƠM ƯƠM

ẩm Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm

âm Trời hôm mây kéo tối rằm (Kiều)

am Chầy sương chưa nện cầu lam

ơm Sợ làn khăn quá ra sờn sờ chẳng. (Kiều)

oẩm Cô em số phận oái oăm

âm Chị ngoài chồng giữa, nó nằm bên kia

KHUYẾT-DANH

am Khen thay con tạo khéo khôn phàm

oam Một đố giương ra biết mấy ngòam

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

ẩm Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước,

Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trăng rằm

âm Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu.
HÀN-MẠC-TỬ

ơ m Bụi hồng tung... vó ngựa chồm...
uơ m Máu xanh chẳng múa đường gươm nữa rồi ?
VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

THI LIỆU MỤC 5

thuộc vần : AN OAN ẨM OẨM ÂN UÂN ƠN ƯƠN UN

ơn Suy trong tình trạng nguyên đơn
an Bề nào thì cũng chưa an bề nào (Kiều)

ăn So lần dây vũ dây văn
ân Bốn dây to nhỏ theo văn cung thương (Kiều)

oan Đêm khuya khêu ngọn đèn loan
an Nhớ chàng quân-tử thờ than mấy lời
KHUYẾT-DANH

oan Thái-Bình chưa dứt tiếng kêu oan
an Lại tiếng kêu trời ở Nghệ An
TÂN-ĐÀ

CHÚ THÍCH : Nguyễn-bình-Khiêm gieo vần an với en :

*Thị phi chẳng quản, mặc chê khen
Ngu đại chan chan, tính đã quen
Cảnh cũ điển viên tìm chốn cũ
Khách nhân sơn dã dưỡng thân nhân.*

Thái-Can cũng gieo vần an với en :

*Cười đời bạc bẽo, khinh thế gian
Cho biết rằng ta chẳng phải hèn,
Ta sống vì chưng ta quá quyết
Đạo bằng muốn vạn nỗi gian nan.*

ân Đêm qua không ở nơi trần gian
 Một chàng hào hoa như Tòng-Ngọc
 uân Một chàng yếu điệu như Văn-Quân
 an Nói chuyện ái-ân, mượn tiếng đàn
PHẠM-HẦU

THI LIỆU MỤC 6

thuộc vần : ANG OANG ẪNG ÂNG UÂNG
 ƯƠNG UÔNG ƯNG

(Theo thông lệ ANG và UÔNG thông với ƯƠNG
 ANG thông với UÔNG.)

ang Liều với non sông hai má phấn
 Giành nhau nòi giống một da vàng.
 Cột đồng Đông-Hán tìm đâu thấy
 ương Chỉ thấy Tây-Hồ bóng nước gương
HOÀNG.CAO-KHAI

uâng Tôi thở than cùng thiếu-nữ băng khuâng,
 ưng Tôi véo von theo tiếng sáo lưng chừng
THẾ-LƯ

ang Chẳng được như hoa vương gót nàng
 ương Cõi lòng man mác giá như sương
THÁI-CAN

HOA LÀI

ang Thương xuân được xếp hồng trang
 Giếng cúc chờ thu ngậm ý vàng
 Hồn ngọc riêng đông tình viễn khách
 ương Tràng-an nắng tắt mộng triu hương
QUÁCH-TẤN

ân Anh đem thơ ấy xây thành nhạc,
 Mà khóc thương dùm câu ái ân !

Dù cánh thiệp hồng chưa viết gửi...
 uâng Sao lòng em cũng thấy băng khuâng
 HOÀI-NGUYỄN-HƯƠNG

Hàn-Mặc-Tử, chết giữa đời bi lụy
 oang Xác thân người khô héo, bước đi hoang
 ang Tay run run ôm khí phách ngang tàng
 Rồi gục xuống bên niềm tin Thượng-đế.
 HOÀI-GIANG

THI LIỆU MỤC 7

thuộc vần : ANH OANH ÊNH INH UYNH

ênh Lơ thơ cò miếu xóm đầu ghềnh,
 inh Tới đây thương nàng nổi cách sinh.
 Bát ngát hồn hoa khi nhạt phấn.
 oanh Băng khuâng phách quế thuở giao đoàn
 Dở dang thêm tủi oan lòng thắm !
 anh Tất tả nào khuây trách bóng xanh.
 CỎ-VĂN

uynh Ngâm vịnh mấy chén quỳnh
 inh Say sưa cùng mình
 CỎ-VĂN

anh Ngồi buồn trách lẫn ông xanh
 ênh Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.
 CA-DAO

Ngày xưa anh búng anh beo,
 Tay mang chén thuốc lại đèo múi chanh.
 anh Bây giờ anh tốt anh lành
 inh Anh âu duyên mới, anh tình phụ tôi.
 CA-DAO

inh Hôm qua tát nước đầu đình
 anh Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
 CA-DAO

ênh Đôi ta lên thác xuống ghềnh
anh Em ra đứng mũi cho anh chịu sào.

CA DAO

ang Nách tường bông liễu bay ngang trước mảnh
iêng Hiên tà gác bóng nghiêng nghiêng. (Kiều)

anh Hải văn lần bước dặm xanh
uỳnh Một vùng như thềm cây quỳnh cành giao (Kiều)

anh Nao nao dòng nước uốn quanh
ênh Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang (Kiều)

uỳnh Bên tường thấp thoáng bóng huỳnh
anh Vách sương nghi ngút, đèn xanh lơ mờ

CUNG-OÁN

NGẨU CẢM

inh Ngừng tim bật óc lặng dòng tình
Tai mắt như không phải của mình.
anh Thấy dưới ánh trăng muôn khúc nhạc,
Nghe trong tiếng ếch một màu xanh
Suối tiên đắm đuối bao cho chán,
Khởi mộng vờn mơn mãi chẳng thành.
ênh Thú ấy từ lâu không có nữa,
Ngủ say thức tỉnh, dậy buồn tênh.

PHAN-KHÔI

anh Khi gần, vắt vẻo bên bờ cây xanh
inh Em như lọt tiếng tơ tình

THẾ-LỮ

anh Người đời có lắm hạng nhãi ranh,
Đạo mạo làm ra mặt lão thành !
Trước mắt long lanh đôi kính trắng,
Dưới cằm lún phún sợi râu xanh
Đứng ngồi khệ nệ oai nghiêm giả

uênh Ăn nói màu mè đạo đức tuênh ;
Động hé môi ra là thở hắt
inh Than cho thể thái với nhân tình

TÚ-MỠ

anh Mênh mông đồi núi
Dưới trời xanh
ênh Nẻo trúc chênh vênh
inh Một mái đình

PHẠM-MẠNH-VIỆN

anh Giỏi thay Trần-bình-Trọng
Dòng dõi Lê-đại-Hành
Đánh giặc như tai mạnh
inh Đền vua một tiết trinh

PHẠM-MẠNH-VIỆN

KIỀU ĐI THANH-MINH

anh Màu xanh ai khéo vẽ nên tranh,
Nô nức đua nhau hội Đạp-thanh,
Phận bạc ngậm-ngùi người chín tuổi,
inh Duyên may dun dủi khách ba sinh.
Dưới hoa nép mặt gương lồng bóng,
Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình.
Mạn mác vì đâu thêm ngán nỗi !
ênh Đường về chiêm đã gác chênh chênh.

CHU-MẠNH-TRINH

inh Ngút ánh trăng rằm trong mắt trinh
uynh Nửa đêm, e lệ nở bông huỳnh

PHẠM-MẠNH-VIỆN

ênh Thờ ơ hương phấn, sót lênh đênh,
oanh Thân thể buồn như lá mặt doanh.
Cũng bởi trời già trao phận bạc,
anh Cho nên tuổi trẻ ngán ngày xanh.

NGÂN-GIANG

BÚT-TRÀ

ao Mèo mẹ kêu ngoao ngoao
ao Thấy con rớt từ trên cao

TẬP ĐỌC VÀN

Đám mây xa cuối trời mây hiu hắt
 Trên nước mơ vương vấn nổi diu hiu
 Bên hồ yên, từng hồi chim réo rắt
 Và, ngang trời gió quện gió lam theo

HUY-THÔNG

Gió trời dậy, chập chờn hai chiếc bóng
 Trôi bênh bồng trên đợt sóng cheo leo
 Nàng với ta bơi đua vào bến mộng
 Ta đuổi nàng trên bãi cát hoang liêu
 Hàng từng rủ rỉ trên cồn diu hiu
 Mây hồng ngừng lại sau đèo
 Minh cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi

THẾ-LỮ

Lòng ta tha thiết đượm tình yêu
 Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
 Mất lệ đầm trông miền cách biệt
 Phút giây chừng mỗi gối phiêu lưu

THẾ-LỮ

Mang gỏi giã từ thôn Vỹ-dạ
 Sang sông ở trọ xóm Giang-Triều
 Trăng lồng, gió lọt, đêm thê thảm
 Rèm nát, phen sưa, sảnh quanh hiu
 Nhưng rứa không lo mà khỏi sợ
 Hơn nơi nệm gấm lẫn màn thêu

UNG-BÌNH

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng
 Bà hàng thừa khách ngủ thiu thiu,
 Nghe mờ hơi chảy đầm như tắm ...
 Đứng lặng trong mây một cánh diều.

BÀNG-BÁ-LÂN

iu Hôm nay về trại gió hiu hi .
 iêu Nhìn lớp mây qua nhuộm máu chiều
 BÀNG-BÁ-LÂN

iêu Gió hiu bắt gieo vàng muôn cánh lá
 Trời âm u mây xám bóng sương chiều
 Làng xóm ngập nhà nhà trong khói tỏa
 iu Vẳng đưa lời khóc rửa lạnh hiu hiu.
 ANH-THƠ

êu Buồn không phải vì thất vọng tình yêu
 iêu Tuy rằng đôi lúc cũng nhớ nhưng nhiều
 ÁI-ĐÌNH

iu Sông vẳng diu hiu
 Đêm dài heo hút
 êu Tiếng chim thăm kêu
 Ơi !... dò côی cút
 SA-SƯƠNG-TRINH

oeo Ngoeo ngoeo ngoeo
 Em bé tý teo
 eo Thích đùa với mèo
 TẬP-ĐỌC-VĂN

THI LIỆU MỤC 10

thuộc vần : E OE Ê UÊ I Y IA UY UYA

ia Làm ruộng thì phải đắp đìa
 i Vừa đề giữ nước vừa đi đi về
 CA.DA.O

ê Vụng khéo nào ai chẳng có nghề,
 i Khó khăn phải lụy đến thê nhi.
 NGUYỄN.BÌNH-KHIÊM

CHÚ THÍCH : Trong Kiều có vần ao thông với iêu :

*Ngân vàng thân ấy dễ hồng bỏ sao
 Đỗ dành khuyên giải trăm chiều*

y Đoạn trường thay, lúc phân kỳ !
 e Vó câu khắp khênh bánh xe gặp ghềnh. (Kiều)
 uya Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
 ia Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng. (Kiều)
 ia Đùng điều nguyệt nọ hoa kia
 i Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai. (Kiều)
 Đoạn trường là số thế nào ?
 ia Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia
 uy Cứ trong mộng triệu mà suy
 i Phận con thôi có ra gì mai sau. (Kiều)
 Thoa mày bắt được hư không
 ê Biết đâu hiệp phở mà mong châu về
 ia Tiếng Kiều nghe lọt bên kia
 i ơn lòng quân-tử sá gì của rơi. (Kiều)
 uya Có sao giã giọc canh khuya ?
 ia Mầu hoa lê hầy đầm đĩa giọt mưa. (Kiều)
 e Nàng từ chiếc bóng song the
 ia Đường kia nổi nọ như chia nổi sầu. (Kiều)
 ê Phong trần đến cả sơn khê
 ia Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.
 CUNG-OÁN
 y Sao bằng vui thú viên kỳ
 i Rút không tứ chương, sá gì nhị khiên.
 THỊ-KÍNH
 e Năm gian nhà cỏ thấp le te,
 oe Ngò tới đêm sâu dóm lập lè.
 NGUYỄN KHUYẾN
 e Hớ hênh dấu vết không che
 ia Trên ao đề một luồng chia mặt bèo.
 TẢN-ĐÀ

ê Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê
i Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bi.
THẾ.LỮ

ê Thân nhân tỉnh trước mê
 Năm hồ trời đất rộng
ia Sẵn có bến câu kia.
KHUYẾT-DANH

 Đây phương trời cách trở
oe Chiều trông nắng vàng hoe
 Tìm em trong bờ-ngõ
e Trong tiếng cười chị nghe
PHƯƠNG-DUYÊN

 Song, tuy vẫn câu xưa duyên cương củ,
uya Bao nhiêu đêm ước mãi dưới đèn khuya !
 Đã nhiều phen, nhiều phen, anh tự nhủ
ia Chớ gieo sầu trên trán ngây thơ kia.
 Đã hẹn lòng mai kia về chốn cũ
ê Dù đường dài có cách trở, nhiều khê
 Ôi, ngày tháng cứ rụng đầy trước ngõ
ia Mà phương người vẫn núi cách sông chia.
HOÀI-TUYẾT-TRANG

ê Thần cùng lòng ai nào nề
uê Riêng chốn phòng khuê . . .
UNG-LANG

uy Nặng hờn căm đi gìn giữ biên thù
i Miền hậu phương vạn trai trẻ đua thi.
QUỐC-DÂN

THI LIỆU MỤC 11

thuộc vần : EN OEN IN ÊN IÊN UYÊN YÊN

in Sự thức đêm khuya mở cửa nhìn
 Thềm khuya vắng vặc bóng trắng in

- en Vắng tanh hàng phố năm canh mộng
Xanh ngắt ruộng văn một ngọn đèn.
- iên Một nén hương thơm thấu cửa thiên,
in Máy lồng năm thức nguyệt lồng in. CỎ VĂN
- en Cỏ thơm lần dở trước đèn
uyên Phong tình cỏ lục còn truyền sử xanh. (Kiều)
- iên Nhưng sao đương độ thiếu niên
ên Nhìn xem phong thê cũng nên con người. QUAN-ÂM
- en Ngó lại hàng rào hương cúc lộn
Trông ra cửa sồ bóng trắng chen
oen Vào vòng cương tỏa chân không vướng
Tới cuộc trần ai, áo chẳng hoe
Cứ những ai hay tình thú ấy
iên Có chẳng Bành-trạch với Thanh-liên. NGUYỄN-CÔNG-TRỨ
- iên Để hương phút trở xe hiền
uyên Đại vương Bồ Cái tiếng truyền nghìn thu
QUỐC SỬ DIỄN CA
- uyên Thiên hạ xôn xao cuộc đảo huyền
iên Đau lòng ngồi viết « Lục-vân-Tiên ». PHAN-QUỐC-QUANG
- ien Lấy chi làm thú giải phiền
en Cái xe cái lọ bàn đèn cái tiem KHUYẾT-DANH
- iên Vừa có đêm nay một bạn hiền
uyên Sông hương lại lảng một con thuyền
Gió trắng khéo léo trời đưa khách
Non nước tình cờ đất gán duyên

THI LIỆU MỤC 12

thuộc vần : ENG IÊNG

eng Chập chập thôi lại cheng cheng
iêng Con gà sống nhón đề riêng cho thầy
CA DAO

eng Tan trường kiềng gõ leng keng
iêng Khoan thai chiếc nón nghiêng nghiêng, em về
KHUYẾT DANH

eng Ngoài đường bán thuốc cao, hoàn, tán,
Múa võ Sơn-Đông nhịp tiếng phèng
eng Trong xóm đèn thờ ngài chúa Nhất
Bà đồng nhầy nhót ... chập cheng cheng !
KHUYẾT DANH

THI LIỆU MỤC 13

thuộc vần : EM ÊM IM IÊM

em Vây đem duyên chị buộc vào cho em
im Cũng là phận cải duyên kim (Kiều)

em Đã lòng hiền hiện cho xem
êm Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời (Kiều)

em Trên hai đường, dưới nữa là hai em
iêm Tung bùng sấm sủa áo xiêm (Kiều)

im Kể từ khi gặp chàng Kim
êm Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề (Kiều)

em Trăm bay nhặt khói, gió đưa lay rèm
êm Đường như trên nóc bên thềm
iêm Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng (Kiều)

im Là ta đây đang ở kiếp muôn chim
êm Trờ lại trời tu luyện với muôn đêm
HÀN-MẶC-TỬ

êm Vô tình đề gió hôn trên má
Bến lễn làm sao lúc nửa đêm
Em sợ lang quân em biết được
em Nghi ngờ tới cái tiết trinh em
HÀN-MẶC-TỬ

im Sao mãi ưu phiền tận đáy tim
êm Khắp vườn ân ái tuổi xanh êm
Sao đương nồng mặn mà ly biệt
em Sao đề anh buồn khóc hờ em ?
PHAN-THANH-PHƯỚC

êm Ai sừng sốt bước ra thềm
iêm Đưa tay bủn rủn đón niềm tái tê !
PHAN-THANH-PHƯỚC

êm Rồi bỗng dừng chân đứng trước thềm
em Kề trăng lấp lánh lá buông rèm
Mẹ già chợt thấy rưng rưng lệ
im Quêm cả ngoài song mấy tiếng chim
MÔNG-SƠN

êm Thì người đẹp hơi phút êm đêm
em Anh ngã vào em tựa vào em
ĐỒ-HUY-NHIỆM

CHÚ THÍCH : Kiều Giang gieo vần ÊM với UYÊN :

*Em là hoa nở về ĐÊM
Anh là bướm mộng tìm DUYÊN tao dân*

THI LIỆU MỤC 14

thuộc vần : O Ô U UA

u Nào người thay, bấy chiều thu
ô Ngàn lau khóm bạc, giếng ngô đồng vàng.
VĂN TẾ CHÚNG SINH

ô Thoắt chốc tại nghe một tiếng ồ
Dần dần ngoài cửa mới đưa vô
Tưởng rằng gió cuốn màn mây lại
o Ai ngờ trời tuôn lộc nước cho.
NGUYỄN.CÔNG.TRÚ

ô Đã chắc bữa trưa, chừa bữa tối,
Mà tham con diếc, tiếc con rô,
Trăm điều đồ tội cho nhà oản,
ua Lắm sãi không ai đóng cửa chùa.
NGUYỄN.CÔNG.TRÚ

u Những tiểu phu mục tử chốn hoang vu
ơ Những đêm buồn theo rồi ánh trăng lơ.
ANH-THƠ

CHÚ THÍCH : Huy Thông gieo vần ơ với ô :

ơ Nhưng chẳng dám... vì than ôi ! Em sợ
Chàng nhìn em bằng cặp mắt thờ ơ...
Chàng ngoảnh lại... mà dào dạt ừng đo
ô Em vờ trông gió lướt trên mặt hồ.

Đình-Hùng gieo vần ơ với o :

ơ Em là chim nhỏ gây thơ
Dưới ánh trăng rằm hội ngộ.
o Cất lên tiếng hát tự do
Gửi những chùm sao mới mờ.

Trong cò vãn cũng thấy ơ vãn với o :

Còn hàn vi biết ai hay DỠ
Trái phong trần mới RỠ khá khen.

Vì anh thấy đời anh khe khát quá
 uôn Mà lòng em chưa gợn vết mây buồn
 Nếu nghệ-sĩ si tình không dám họa
 ôn Tiếng thiêng liêng của vẻ đẹp rung hồn.
 HUY-THÔNG
 Múa hát tươi cười với bầy lùn
 uôn Hồn nhiên Bạch-Tuyết chẳng u buồn.
 NGUYỄN-THỊ-HIỀN

THI LIỆU MỤC 17

thuộc vần : ONG ÔNG UNG OONG

ông Làm trai quyết chí tang bồng
 ung Sao cho tỏ mặt anh hùng mới cam
 CA-DAO
 ung Một đời được mấy anh hùng
 ông Một nước được mấy đức ông trị vì
 CA-DAO

CHÚ THÍCH : Bàng bá Lân gieo vần ƠN với ÔN và UÔN :

Truyện đời trăm giận ngàn thương
 uôn Bất bình nhan nhân mà gương mặt BUỒN
 ôn Nghiến răng nén cái căm HỒN
 ôn Sầu dâng ngàn ngút cho HỒN thương đau.

Ca-dao dưới đây cũng gieo vần ƠN với UÔN :

ƠN Công cha như núi Thái-SƠN
 uôn Nghĩa mẹ như nước trong NGUỒN chảy ra.

Huy-Thông cũng gieo vần ƠN với ÔN :

Vương sẽ lại tôi bờ vang kiếm thép
 ƠN Và, đưa tay, giành lại tấc giang SƠN,
 Vương sẽ lại ...
 Ôn Nhưng bóng đêm đã xóa cảnh hoàng HỒN.

ùng Ngựa trông ơn sông trùng trùng
ong Hai bên khẩu xạ sân phong ra về
HCA-TIÊN

ung Xanh xanh chẳng giúp anh hùng
ong Thì chi lũ kiến đàn ong tôi bời
PHAN-TRẦN

ông Hữu tình thay ngọn gió đông
ung Cành mai nở nhụy, lá tung reo vang
NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

ông Chiều hôm đàn quạ lượn bên sông
ung Chi chít cành cao tiếng nào nùng
NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

ông Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng
Nín đi kéo thẹn với non sông
Ai về nhẩn nhủ đàn em bé
uug Xấu máu thời khem miệng đình chung
HỒ XUÂN-HƯƠNG

ông Hộ đối môn đăng : khó !
Kén chồng đến chồng mong !
Vì chê mà ế,
oong Phận liễu thật cu-soong !
KHUYẾT-DANH

ông Mây móc hằng năm thấy mặt chồng
ung Hằng năm trăng biên giới soi cùng
TRƯƠNG-MINH-KY
(Dịch Chữ: Cầm Hối Văn của TÔ-HUỆ)

ong Một trận đuổi Tô-Định,
Quân Tàu đuổi chạy cong.
Lĩnh-Nam bày mười quận,
ung Mặc sức ta vẫy vùng.
DUYNG-BÁ-TRẠC

ưng Gió tạo cảnh thu chim ngái tồ,
 ưng Trăng soi cửa cấm nhện giăng mùng.
 Có ai về Nội cho mình hỏi,
 ông Thần tử còn lưu lại mấy ông ?
 ỨNG.BÌNH

ông Tiếng đưa hiu hắt bên lòng
 ông Buồn ơi ! xa vắng, mênh mông là buồn.
 THẾ.LỮ

ưng Gái phải trinh mà trai phải trung
 ông Văn tiên họ Lục chỉ tang bồng.
 BÀNG.BÁ-LÂN

ông Còn đây năm cũ vết thương lòng
 ưng Ghi lấy tình em chẳng thủy chung
 Một phút lòng em mơ bạn mới
 ông Yêu anh sau nữa cũng bằng không.
 LAN.SƠN

CHÚ THÍCH : Vương-Tân gieo vần UNG với ẮNG :

Ắng Trống trong thời gian trắng
 Ắng Bão táp nước biển dâng
 Chiếc thuyền nan nát mục
 ưng Những sợi tóc rơi rụng.

Gieo Vần Thơ Việt

PHẦN TÌM VẦN TRẮC



PHẦN TÌM VẦN TRẮC

Những thanh Trắc trong Mục I thuộc vần : A U ỪA
OA Ơ. Thường a thông được với ơ và ơ không thông được
với ư nên a oa ưa ơ thông được với nhau và a ư ưa ơ
thông được với nhau.

A

ả	á	ạ	bả
bã	bá	bạ	cả
cá	cạ	chả (cá)	(lã) chã
(chung) chạ	trả (tiền)	trá (hàng)	dã rượu)
dạ (dày)	giả (dối)	giã (gạo)	giá (trị)
(áo) gĩa	rã (rời)	rá (vo gạo)	rạ (lúa)
đả	đã	đá	đạ
gả	gã	gá	gạ
hả	há	hạ	khả
khá	lả	(nước) lã	lá
lạ	mả	mã	má
mạ	nã	ná	(mặt) nạ
ngả	ngã	nhã	nhã
nhá (cơm)	phả	phá	quả
quả	qua	lá sả	(suồng) sã
(đường) sả	lúa	xả (hoi)	xã (tắc)
(học) xá	(thiện) xạ	tả	tã
tả	tạ	thả	vả
(ăn) vã	vả	vạ	

U

ứ	ự	bự	cử
cử	cứ	cự	chữ (viết)
chứ (chó)	trữ (gạo)	trứ (danh)	giữ (gìn)

hử (hỉ)
(mặt) lử
nhử (dữ)
sự
tử
(công) thự

hứ !
(lữ) thứ
(nói) như
(xử) sự
tự

(trừ) khứ
(ngôn) ngữ
sử (ký)
xử (sở)
thử

(quá) khứ
ngự
(đồ) sứ
tử
thứ

ƯA

ưa (nước mắt)
bưa
cựa
(quá) dứa
(nhị) rứa
lừa
mửa
nửa
nhựa
sứa
vựa

ưa (com)
bựa
chứa
dựa (dẫm)
(dao) rựa
lừa
mửa
ngựa
phựa
tựa

bừa
cừa
chứa
giữa
đừa
lừa
nửa
ngựa
sừa
thừa

bừa
cừa
chứa
rửa (mặt)
hứa
lựa
nữa
ngựa
sữa
vừa

OA

đọa
hỏa
khóa
noa
tỏa

đóa
hóa
lỏa (tỏa)
ngọa
thỏa

đọa
họa
lỏa
sọa
thỏa

góa
khỏa
lóa
xóa

Ơ

(ú) ơ
bơ
chơ (đò)
trơ (trêu)
dơ (dẫn)
(cắt) rơ

bờ
cờ
chờ (đừng)
trợ (cấp)
nói gỡ (cản)
(mọi) rợ

bờ (ngỡ)
cờ
chợ
dờ (đang)
(ăn) rờ
đờ (dần)

bờ
cợ
trở (mặt)
dờ
(rực) rờ
đờ (họng)

đợ ruộng (cầm)	(càn) giờ	hở	hớ
lờ	lỡ	lớ	lợ
mở	mỡ	mớ	mợ
nở	nỡ	nớ	nợ
ngỡ	ngớ (ngần)	ngợ	nhỡ
(nham) nhờ	nhớ	nhợ (lợ)	phờ
quờ	sờ	sợ	xờ đấ. (sửa)
xớ lợ (lầm)	tớ	thờ	thợ
vờ	vỡ	vớ	vợ

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 2 thuộc vần :

AI OAI OI ÔI ƠI ƯƠI UI UÔI

AI

ài	ái	bãi (hoài)	bãi
bái	bại	cãi	cãi
cái	chải (chuốt)	chái (nhà)	(từng) trái
(tay) trái	trại	đãi (áo)	(nước) dãi
dãi (tai)	(khờ) đại	giải (nguyên)	giải (giới)
rãi (rác)	rãi	rái (cá)	đãi (đậu)
dãi	đại	gãi	gãi
hãi	hãi	hái	hại
khải	khái	lãi (nhãi)	lãi
lái	lại	mãi	mãi
mái	mại	nãi	nãi
nái	nại	ngãi	ngãi
ngái	ngại	nhãi (nhãi)	nhãi
nhái	nhại	phải	phái
quái	quái	sãi (tay)	sãi (chùa)
sai (gân)	xải (mật)	xải (thuốc)	(vận) tải

tãi (thóc)
(thừa) thãi
vãi

tái
thái
vái

tại
vải

thải
vãi

OAI

(uề) oải
hoại
ngoại
toái

choải
khoải
nhoải (nhoái)
toại

choại (chân)
loại
soái
thoải (mái)

đoái
ngoái
xoái (xoải)
(đằm) thoại

OI

ói
côi
trói (buộc)
giới
đới
gội
khói
môi
ngói
(chó) sói
thối

bôi
cói
(trơ) trội
giới (ngói)
đới (can)
hội
lỗi
mọi
nhối
(nước) xói
thối

bói
chói (mắt)
(nối) dôi
(cậy) rồi
gỏi
hói
lỗi
nổi
sỏi
tỏi
gỏi (vói)

(kém) cỏi
chọi (gà)
đọi (đánh)
(chiếu) rọi
gỏi
khỏi
lợi
nói
sỏi
(lời) tói
vội (vọi)

ÔI

ôi
bội
cội
trời (chúng)
(tiếng) dội
giới (nước)
đối
(nóng) hời
lỗi

ối
cồi
(sao) chồi
trối (trăng)
(cây) giồi
rối (việc)
đội
hối
lối

bồi
cối
chối (dậy)
(tính) trội
(hòn) giồi
đồi
gối
hội
lội

bối
cối
chối (cãi)
(nói) dối
giối (trối)
đối (đường)
gội
khối
mối

mối	nồi	nối	nối
nội	phồi	phối	suối
tối	tội	thời	thối
vối	vội		

Ơ

ói	bời	bối	cời
cời (cười)	giời	rời (rợi)	đợi
gời	gợi	hời	hợi
khời	lợi	mới	nới
ngời	(phời) phới	(bệnh) sỏi	sỏi
xời (cơm)	xời (đất)	tới	với
vội			

ƯƠ

bười	cười	cười	dười
đười (đượi)	rười	rười (rượi)	lười
lười	nhười (nhượi)	sười	tười

UI

úi	úi	búi	búi
cúi	cúi	cúi	chúi
chúi	trúi (trúi)	trúi	đúi
dúi	(ma) giúi	giúi	(may) rúi
đúi	lúi (thúi)	(lúi) cúi	múi
múi	núi	quí	quí
quí	quí	súi (bọt)	xúi (mả)
xúi	xúi	túi	túi
thúi	thúi		

UÔI

cuối	cuội	chuối	chuối
đuối	(cây) đuối	ruối	đuối
đuối	muối	muội	suối
tuối	vuối (vối)		

Những thanh Trắc trong Mục 3 thuộc vần :

AY OAY ÂY UÂY

AY

bảy	cây	cáy	cạy
(nước) chảy	cháy	chạy (đi)	trảy (hái)
trảy (đen)	dây (đần)	dây (núi)	dây (tai)
dạy (học)	giầy giụa	rây (nước)	rây (bò)
(choai) ráy	đay (đầy)	dây (hàng)	đáy
gáy (đàn)	gáy	hảy (tay)	hãy
(nói) kháy	láy	lạy	máy
nảy	nãy	nạy	ngáy
nhảy	nhảy	nhạy	quảy
sảy (mụn)	sảy (chột)	xảy (chột)	xáy (bối)
táy máy	thảy	vảy	váy

OAY

khoáy	ngoay (ngoảy)	ngoáy	nehoáy
xoáy			

ÂY

ấy	bầy	bầy	bấy
bậy	cấy	cậy	chấy
chậy (chệch)	trầy (hội)	đầy (vợ)	đấy (loạn)
dịy (thì)	giấy (cổ)	giấy (viết)	(làm) rầy
đầy	đầy	đấy	đậy
(gây) gấy	gậy	(xôi) hấy	lầy
lầy	lấy	mầy	mấy
nầy	nấy	ngấy	(béo) ngậy
nhậy	phầy	quầy	quẩy
quấy	quảy	sầy	sẩy
sậy	tầy	tẩy	thấy
vầy	vẩy	vấy	vậy

UÂY

uây	khuấy	quây	quây
quây	quây		

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 4 thuộc vần :

AM OAM ẨM OẨM ÂM OM ƯƠM

AM

âm	ám	bãm (tợn)	bám
câm	cám	cạm	chạm (trò)
tâm	trám	(phu) trạm	(không) dám
dạ:n (mực)	giảm	giám (mực)	giạm (vợ)
rám (má)	(cua) rạm	đám	đám
đạm	hãm	hám	hạm
khám	lảm nhảm	lãm	lạm
nạm	ngám	nhảm	nhám
phạm	sám (hối)	sạm (mặt)	xảm (thuyền)
(mau) xám	tám	tạm	thảm
thảm	vạm (vỡ)		

OAM

ngoạm

ẨM

ẩm	bặm (miệng)	cắm	cặm (cui)
(chăm) chăm	chặm (thăm)	(cá) trắm	(hát) dặm
giảm	(vá) giảm	rặm (mắt)	đảm (đuổi)
gắm (ghé)	gặm	khảm	lảm lảm
lảm	mắm	nắm	ngắm
nhắm	nhặm lệ)	(dao) guắm	sắm (sửa)
(đen) sặm	xắm nắm	tắm	(thăm) thăm
(duyên) thăm	(đò) thăm		

OĂM

sâu hoắm

ÂM

ăm	ăm	băm	băm
căm	căm	cậm (cụi)	chằm (gối)
(chim) chằm	chấm (mực)	chậm	trằm (tiền coi g)
trằm (minh)	trấm (dèm pha)	dằm	dậm (dật)
giấm (chua)	đánh (giặm)	rấm (bếp)	(bụi) rặm
đấm	đậm	gấm (như ngấm)	gấm
gặm	hằm	hặm (hực)	lằm bằm
lằm cằm	mằm (dạ)	mằm (béo)	nấm
nặm (rượu)	ngấm (nghi)	ngấm	ngậm
nhằm	nhấm	phằm	(đò) sằm
ấm	(hát) xằm	tằm	tằm
tằm	(đò) thằm	thấm	thặm (cấp)

ƠM

ơm (ờ)	bơm	(cây) côm	chơm (chờm)
chóm (nở)	rơm	(nơi) rơm	đơm
góm	hơm	khóm (răng)	(nói) lờm
lơm (giọng)	móm	nơm	ngơm
nhóm	(buổi) sớm	tòm	

UƠM

ướm	bướm	đượm	gướm
hướm	lướm		

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 5 thuộc vần :
AN OAN ẪU ÂN UÂN ƠN ƯƠN

AN

án	bản	bán	bạn
----	-----	-----	-----

càn	cán	cạn	chán (nản)
chạn (bát)	(ngọc) trần	(hói) trần	dán (giấy)
(mặt, dạn)	giản (tiện)	(co) giản	(con) giản
(cá) rạn	(nứt) rạn	(ngày) dãn	(nguyên) đàn
(viên) dạn	gán	gạn	hân (hữu)
hán	hạn	khản (cờ)	khán (giã)
(đại) lãn	mãn (nguyện)	mán	mạn (ngược)
nản (lòng)	(ngồi) nản (lại)	nạn (lụt)	(quá) ngán
ngạn (ngư)	(nhân) nhản	nhãn (tiền)	(chim) nhạn
phản	phản	phạn	quản
quan	sản	(con) sản	sạn
xán lạn	tản (mát)	tán (tụng)	thản (nhiên)
thán (khí)	vãn	ván	vạn

OAN

oản	oán	(Phủ) doãn	đoản
đoán	đoạn	hoãn	hoán
hoạn	khoản	khoán	loạn
noãn	(ngoan) ngoãn	ngoạn	soạn
toản (tu)	toán	thoán (vị)	

ĂN

băn	căn	cặn	chăn
chăn (gió)	chặn	trăn (triu)	dăn (dòi)
dăn (bào)	(con) răn	răn (đẻ)	đăn (tre)
đăn (đo)	găn (bó)	hăn	hăn
(thời) khăn	khăn khăn	lăn	măn (con)
măn	năn	nặn	ngăn
nhăn	nhăn	quăn	quăn
(thăng) thăn	văn	vặn	

ÂN

ăn	ấn	băn	băn (túng)
----	----	-----	------------

oản	cản	cản	cản
chản (bản)	chản (chỉnh)	chản (ngăn)	trản (kinh)
trản (trộn)	trản (phong)	trản (tuyển)	dản (đương)
dản (cò)	giản (nước)	giản (dối)	rản (duốc)
(con) rản	đản (củi)	lản đản	(gây) hản
hản	khản	khản	lản
lản	lản	(biên) lản	mản
nản	mản (vấy)	mản	(ugô) ngản
nuản	nhản	phản	phản
phản	phản	quản	quản
quản	quản	xuản	tản mản
tản	tản	thản	(thờ) thản
thản	vản	vản	vản
vản			

UẢN

uản	chuản	huản	vi khuẩn
uản	nhuản	tuản	thuản
Vua Thuản	thuản		

Ơ N

ơn	bơn	bơn	cơn
cơn	cơn	(bản) chơn	(lấy) trớn
trơn (mắt)	đơn (sóng)	giơn	(giòn) giơn
rơn (tóc)	rơn	đơn (mặt)	gơn (sóng)
hơn (hờ)	lơn vơn	lơn	lơn
(mơn) mơn	nhơn (nhơ)	nhơn	nhơn (họng)
phơn (phở)	sơn (sắc)	sơn (sơ)	xơn (tóc)
tơn (đồn)	tơn (tác)	tơn	

ƯƠN

uơn	lươn	mươn	mươn
puươn	phươn	thường	thường (tiền)
tuợng	vươn		

Những thanh Trắc trong Mục 6 thuộc vần :

ANG OANG ĂNG ÂNG ƯƠNG UÔNG UNG

ANG

àng	áng	bàng	báng
bạng	càng	càng	cạng cạng
chàng bạng	chạng vạng	(cường) trắng	trạng (nguyên)
dàng (diệu)	(già) dạng	giảng	giảng (sinh)
ràng (vàng)	đảng	đảng	đảng
hăng	háng	hạng	kháng (khái)
(khệnh) khạng	kháng (cự)	lảng	lãng
mạng (nhện)	nạng	ngảng	nhãng (tai)
bóng (nháng)	phảng (phất)	quảng	quãng
quảng	sảng	sảng	tảng
tảng	tạng	thảng (thốt)	thảng
vãng	vảng		

OANG

choàng	choảng (mắt)	choạng vạng	đoàng
hoàng	khoảng	khoảng	loảng xoảng
loàng	loảng thoảng	loạng choạng	xoảng xoảng
thoảng	thoảng		

ĂNG

âng ăng	bằng	cảng	chảng
chặng (đường)	trảng	trảng (bầu)	(dặng) hảng
rặng (núi)	đảng	(đảng) đảng	đảng
đặng	gảng	(hỏi) gảng	khảng (khiu)
lảng (lơ)	lảng nhảng	lảng	lặng (lẻ)
mảng	nảng	nặng	ngảng
ngảng	nhảng	phảng	quảng
quảng	(cây) sảng	xảng	tảng
thảng	thảng (dư)	(vảng) vảng	vảng

ÂNG

đăng	năng	nặng (con)	ngàng
quăng (mở)			

ƯƠNG

bương	cưỡng	chường (lý)	trường (già)
trường	trượng	dưỡng	(cây) đường
rượng (kén)	guộng	hường	hường
lưỡng	lượng	nường	ngường
ngượng	nhượng	phượng	sượng (tai)
sượng	xượng (danh)	xường	tường
tượng	tượng	thường	thường
thượng	vượng	vượng	

UÔNG

uông	uống	cuống	chuống
ruông	ruống	huống	luống
muống	muống	xuống	thuống

ƯNG

ưng	ưng	bưng	cưng
(nuốt) chững	chững (chạc)	chứng (có)	trứng (gà)
đưng (phên)	đưng	đưng	hững
hưng	lững	nững	nững
ngưng	những	phững	vững

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 7 thuộc vần :

ANH OANH ÊNH INH UYNH

ANH

ảnh	ảnh	bảnh	bảnh
-----	-----	------	------

bạnh	cảnh	cảnh	cạnh
chành hoành	chánh (án)	chạch (lòng)	tránh (nạn)
(con) trạnh	(con) dẫu	giảnh (vềnh tai)	rảnh (tay)
rãnh (nước)	(đồng) đánh	đãnh	đánh
gĩnh	hãnh (diện)	hánh (nặng)	hạch
khảnh (ấn)	khánh	lãnh	lãnh
lĩnh	lạnh	mãnh	mãnh
mãnh (khỏe)	mạnh	nãnh	nãnh
ngảnh	ngánh	ngạch	nhảnh
quĩnh	quạnh	sảnh (đường)	sảnh
(xanh) xảnh	tảnh	tạch	thảnh (thời)
uhạnh	vảnh	(vành) vạnh	

OANH

(ráo) hoành	hoạnh (tà)	khoảnh (khắc)	ngoảnh
-------------	------------	---------------	--------

ÊNH

bệnh	chẽnh (choáng)	chềnh (mảng)	đềnh (đoảng)
(ông) hềnh (1)	(nã.n) khềnh	khềnh (khạng)	lệnh
mệnh	ngễnh (ngãng)	vềnh	

INH

bính (bút)	(bầu) bính	bính	chính (đốn)
chính (tương)	chính (chuyên)	trính (trọng)	đính (ngộ)
dính (liú)	đính	đính (vàng)	đính (hôn)
định (kỳ)	(khinh) khinh	thịnh (vượng)	lĩnh (khinh)
(lĩnh) hội	lĩnh	lĩnh	nĩnh
ngình	phĩnh (gạt)	má (phính)	sĩnh

(1) kệnh : quái vật đặt ra để dọa con nít.

*Bảo con con chẳng nghe lời,
Con nghe Ông hềnh đi đòi nhà con.*

CA DAO

sính (lễ)	xính vính	tính	tính
tính	tính	thính	thính
thính	vính	vính	

UYNH

(mừng) quýnh

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 8 thuộc vần :

AO AU Ậ

AO

áo	áo	báo	báo
báo	báo	cáo	cáo
cáo	cuáo (gang)	cháo	cháo (tôm)
cháo	tráo (nha)	tráo (trở)	dạo (phổ)
giáo (quyết)	giáo	ráo (bước)	ráo (riết)
ráo (rực)	đáo	đáo	đáo
gáo	gáo	háo	háo
háo	háo	kháo	kháo
lào đảo	lão	lạo xạo	mão
mạo	não	náo	nạo
(cá) ngáo	ngáo	nháo	nháo
nhạo	pháo	sáo	sáo
sạo (sục)	xảo (ngôn)	(nói) xạo	tảo
tảo	tạo	thảo	thảo
thạo			

AU

bầu	cầu nhầu	cầu	chầu (mỏ)
chầu	(chim) trầu trầu	rau rầu	(gau) gầu
(hau) hấu	khấu (khỉnh)	lầu	lầu

máu	(ần) náu	nhau nhẫu	sáu
(gồ) tấu	(viết) thấu		

ÂU

ầu	ẫu	bầu	cầu
cấu	cẫu	chầu (chuộc)	chẫu
(dầu) trầu	đầu	đấu (vết)	(giờ) dẫu
giầu (giếm)	giẫu (cây)	đầu	đấu
đậu	gẫu (chuyện)	gấu	hầu
(dưa) hẫu	hẫu	khầu (hiệu)	khẩu
lầu nhẫu	lẫu	mẫu (bánh)	mẫu
mẫu	mẫu	nẫu	nẫu
đầu nậu	ngẫu (nhiên)	ngẫu (nghiễn)	(gắt) ngẫu
nhậu	(giải) phẫu	(con) sẫu	xẫu (tốt)
tầu	tẫu	tẫu	thẫu
thầu	vẫu	vẫu	

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 9 thuộc vần :

EO ÊU IU ƯU ƯƠU IÊU YÊU

EO

èo (lả)	ẽo (ệt)	éo (le)	bẻo lẽo
béo	bẹo	chẻo lẽo	chéo véo
trẹo	tréo (khoec)	(mềm) dẻo	giéo (giắt)
giẹo (giọt)	rẻo (vải)	rẻo	đẻo
đẻo	gheo	hẻo (lánh)	héo
khéo	(lec) lẻo	lẻo dẻo	lẹo
mẻo (thịt)	mẻo	mẻo	mẹo
neỏ	neỏ	nhẻo	(nhec) nhẻo
nhéo	quẹo	(cái) sẹo	xẹo (xọ)

(tí) tẹo
véo

thèo
vẹo

thẹo

vẹo

ÊU

bệu

đều

mếu

(trắng) phiếu

trếu (tráo)

(trắng) hếu

nếu

trệu (trạo)

lều đều

nghều (nghện)

(chín) rệu

lếu (láo)

phếu

IU

ỉu

bịu

dịu

địu

niủ

tủu

ĩu

chịu (chít)

giũ

kịu (kịt)

nhịu (nhó)

(tảng) tịu

bịu

chịu

giú

khịu (áo)

nhịu (mồm)

vịu

bịu

địu (áo)

(chỉ) rịu

lịu

phịu

UU

bửu

cửu

lửu

tửu

cửu

hửu

Nữu-ước

cửu

hựu

sửu

cửu

khửu (giác)

tửu

ƯƠU

rửu

khướu

(hát) mướu

(nói) phướu

IÊU

biêu

điêu (cọt)

điêu

kiêu

liêu

niêu

tiêu

thiêu

chiêu

điêu (kế)

hiêu

kiêu

liêu

nhieu

tiêu

chiếu

điều

hiếu

kiệu

miếu

phiếu

thiều

triệu

điều

hiệu

khiếu

miếu

tiếu

thiếu

YÊU

yêu (điệu)

yếu

Những thanh Trắc trong Mục 10 thuộc vần :

E OE Ê UÊ I Y IA UY

E

é	ẹ	bẻ	bẻ
bé	bẹ	chẻ (củi)	chẻ (cau)
(tuổi) trẻ	trẻ (rẽ)	(hạt) dẻ	dẻ
(đứng) dẻ	giẻ (rách)	(gạo) giẻ	(của) rẻ
rẻ (duyên)	(voi) rẻ	đẻ	ghẻ
(chia) ghẻ	(gà mái) ghẻ	hẻ	(lá) hẻ
kẻ	kẻ	kẻ	kẻ
khẻ	khẻ (cờ)	lẻ	lẻ
lẻ	mẻ	mẻ	mẻ
mẻ	nẻ	nẻ	(nhỏ) nhẻ
nhẻ	nhẻ	nhẻ	nghe
phẻ	quẻ	(mách) quẻ	(chim) sẻ
sẻ	xẻ (gỗ)	xẻ (áo)	(cơm) tẻ
tẻ (bắp)	thẻ	(thẻ) thẻ	vẻ
vẻ	vẻ		

OE

oẻ	oẻ	oẻ	choẻ
khoẻ	khoẻ	loẻ	ngoẻ
nhoe	(cá) ngheỏ	toẻ	

Ê

ế	bề	bẻ	bẻ
bẻ	(cảnh) chẻ	chẻ	(chạm) trẻ
(khinh) dẻ	khỏ dẻ	(con) dẻ	(kén) rẻ
rẻ (cây)	đẻ	đẻ	đẻ
đẻ	ghẻ	hẻ (hả)	hẻ
hẻ	khẻ	khẻ	khẻ nẻ
lẻ	lẻ	mẻ	mẻ

mệ	nề	nệ	(rau) nghề
(củ) nghệ	phế	phệ	sế nế
sề	xề	(bóng) xể	tề
tề	tế	tệ	thề
thế	(tuyên) thệ	về	về
vệ			

UÊ

uề	uế	huế	huệ
nhuệ (khí)	quế	quệ	tuế
tuệ (tinh)	thuế		

I

bì	bī	bí	bị
chỉ	chí khí	chị (em)	trī
trí (thức)	(cai) trị	đỉ (tai)	đī (nhiên)
dị (đoan)	gí (vào)	rỉ (rả)	rí rí
đī	hỉ	khỉ	khí
lí	(bệnh) lị	mī	mí
mị	nị	nị	nghi
nghi	ngị	phỉ	phí
quỉ	quī	quí	quị
sỉ (nhục)	(văn) sĩ	(bạch) xỉ	(cờ) xí
xị (mặt)	tỉ	tỉ	tí
tị	thỉ	thỉ	thị
vỉ	vỉ	ví	vị

Y

(lợn) ý	ý	ỵ	mỹ
---------	---	---	----

IA

ỉả	bĩa	chĩa	(trồng) trĩa
đĩa	giả (dối)	giã (gạo)	giã (lạnh)
(áo) giả	(cá) rĩa (mồi)	rĩa (nứt)	đĩa
đĩa	đĩa	đĩa	khĩa (cạnh)

(cà) khía	lĩa	mĩa (mai)	nĩa
nĩa	ngĩa	phĩa	sĩa (chấn)
xĩa (xói)	xĩa (vào)	tĩa	tĩa
vĩa (hè)	vĩa		

UY

ủy	úy	trụy (lạc)	hủy
húy	lũy	lụy	ngụy
quỷ	quỷ	quí	quy
(nguyên) súy	xúy (xóa)	túy	(quốc) túy
(tận) tụy	thúy	thúy	thụy

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục II thuộc vần:

EN OEN IN ÊN IÊN UYÊN YÊN

EN

én	bẽn	bén	bẹn
chẽn hoàn	(áo) chẽn	chén	chẹn (lúa)
(trơ) trẽn	(gió:) giẽn	(bệnh) đẹn	hẹn
(cơm) khẽn	lẽn	lén	(chi) mẹn
nén	nghẽn	ngهن	ngهن
quén (áo)	quهن (má) (1)	(tính) sهن	xهن lهن
xén	tهن	thهن	vهن (vẹn)

OEN

ngoهن ngoهن nhoهن (cười)

IN

(hắc) ín	chín (e)	chín	(nước) rịn
ghín (cần thận)	kín	mịn	nín

(1) quén : hoen, rám. Hoa quهن-quهن má, liễu tan tác mây.

nhìn (tấn tiện)	nhịn	xỉn	tín (nước mắt)
tín	vịn		

ÊN

bến	bện (thừng)	đến	hến
lện	mến	nến	nện
ngghền	quến	vện	

ÎEN

biền	biển	biện (bạch)	chiến (tranh)
triền	triển (tức liễn)	triện	diễn
diện	(cắt) riễn (2)	diền (trai)	điến (quân) (3)
điện	hiền (hách)	hiễn	hiện
(quẻ) kiền	kiến	kiện	khiền
khiển	liễn	liễn	miễn
miễn	(mũ) miện	nhiền	nghiễn
nghiện	phiễn	(phát) xiễn	(hỏa) tiễn
tiễn	tiễn	tiện	thiễn
thiến	thiện	viễn (vông)	viễn
viện			

UYÊN

uyên	chuyên	chuyển	chuyện (trò)
(kè) truyện	duyễn (tuyệt)	huyễn (hoặc) (4)	huyễn
khuyên	khuyển	luyển	luyện
(họ) Nguyễn	nguyên	nhuyển	quyễn
quyễn	quyện	(bệnh) suyễn	(ác) xuyễn
tuyền	tuyển		

YÊN

yễn

(2) cắt riễn : bằng như tiện.

(3) diến quân : quân đi cuối cùng.

(4) huyễn hoặc : thường đọc lầm là huyền hoặc.

Những thanh Trắc trong Mục 12 thuộc vần :

ENG IÊNG

ENG

sêng

IÊNG

iêng	biêng	chiêng (1)	triêng (ghé vào)
g'êng	(đau) điêng	(mắt) hiêng	kiêng
kiêng	(khập) khiêng	liêng	miêng
miêng	niêng (2)	(niềng) niêng	siêng
liêng xiêng	tiêng	viêng	

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 13 thuộc vần :

EM ÊM IM IÊM YÊM

EM

bêm	chêm bêm (3)	chêm (4)	chém
(nói) trém (lém)	(rau) ghé m	(ngõ) hêm	kêm
kém	lém	lẹm (cầm)	ném
(nặng) sém	(tem) rêm (5)	tém (vun)	vém (ốc lớn)

ÊM

chêm (chệ)	đêm	đẹm	nêm
------------	-----	-----	-----

-
- (1) chiêng : nảy búp đâm bóng
Sen tàn mai lại chiêng hoa
- (2) niềng : nghiêng về một bên
niềng mặt
- (3) chêm bêm : râu thưa và vênh lên.
- (4) chêm : rãnh ở bờ ruộng khơi để cho nước chảy.
- (5) tem tem : ăn ngon lành.

IM

im	bim (im)	bím	(chum) chím
(con) díim	hím	lím	mím
mím	phím (đàn)	tím	thím

IÊM YÊM

yêm (bùa)	yếm	chiếm	điểm (lệ)
(dấu) điểm	điêm	điểm	hiêm
hiếm	khiêm	khiếm	liêm
liêm	liệm	niệm	nhiêm
(màu) nhiệm	nghiêm (nhiên)	nghiệm	phiếm
siêm (nịnh)	tiêm (đoạt)	tiệm	thiêm (độc)
(sung) thiêm			

* * *

Những thanh Trắc trong Mục 14 thuộc vần :

O Ô U UA

O

(1a) ó	ọ ọẹ (1)	bỏ	bồ
bó	bọ	cỏ	có
(cãi) cọ	(nồi) chõ	chó	(chỉ) trỏ
(ò) trọ	(vỏ) dó	dọ (dẫm)	(đan) giỏ
gió	rõ (ràng)	(ro) ró (2)	(bỏ) rọ (3)
đỏ	đó	đọ	gỗ
họ	khó	lỗ	ló
lọ	mỗ	mó	nỗ
nỗ (điếu)	nó	nọ	ngỗ

-
- (1) ọ-ọẹ : mới bập bẹ biết nói
 (2) ngời ro ró : ngời không một chỗ
 (3) trỏi voi bỏ rọ : (tục ngữ)

ngõ	ngó	ngọ	nhỏ
nhọ	phó	sỏ (lợn) (4)	sọ
xỏ (lá)	xỏ (5)	xọ (6)	tỏ
(biú) tó	thỏ	(đất) thỏ	thọ
vỏ	vỏ	vỏ	vọ

Ô

ồ	ố	bồ	bồ bã (7)
bố	bộ	cồ	cồ
cổ	(xe) cộ	chồ	trồ (tài)
trổ (mắt)	đổ (dành)	giồ (tồ)	rồ (cá)
(mặt) rỗ	(chó cắn) rộ	đồ	đồ
đổ	độ	gồ	hồ
hỗ	hổ	hộ	khồ
khổ	lò đồ (8)	lồ	lộ
mồ	mỗ	mộ	nồ
nỗ (cái nỏ)	(hỉ) nộ	(rau) ngồ	ngỗ (nghịch)
(thăng) ngổ	ngộ (gió)	nhồ	phồ
phổ	sồ (sách)	sổ (sàng)	sổ (mực)
(sò) sộ	xồ (sổ)	tồ	tổ (nữ)
thồ (dân)	(thi) thố	vồ (9)	vổ (10)

U

ủ (rũ)	ú (ớ)	ụ (đất)	bú
bụ (sữa)	củ	củ	củ

-
- (4) sỏ lợn : (đầu lợn)
 (5) xỏ : xúc vật gây xỏ
 (6) đương chuyện nọ xọ chuyện kia
 (7) bồ bã : thừa mứa ăn cho bồ bã
 (8) lò-cồ : lốm đốm
 (9) vồ ăn vồ nói : thô tục hỗn hào
 (10) vổ : bữa của quân tượng dùng đánh voi

èù	chù	(cô) chú	trù (11)
trú (ngụ)	(cột) trụ	dũ (dân) (12)	(dự) dũ
giũ (chiếu)	(giu) giú	(rừng) rú	rủ (rỉ)
đủ	đú (đón)	(gỗ) gụ	hủ (bại)
hũ (rượu)	hú (hí)	(đưa) khú	(già) khu
lú (ruột)	lũ	lự (khụ)	mũ
mũ	(cá) mú	mụ	nụ
ngũ	ngũ	ngú (ngó)	ngụ
(khuyên) nhủ	nhũ (hoa)	nhú	nhụ tử (13)
phủ	phũ (phàng)	phú	phụ
(cá) sủ	sủ (bột)	xủ (rèm)	(lò) xủ
xự (lãng)	tủ	tú	tụ
thủ	thủ	thụ	vủ vụ

UA

úa	úa	ụa	bủa (lười)
búa	(góa) bụa	của	chúa
rúa (mát)	đũa	lũa	lúa
lụa	múa	(nhỏp) nhúa	quả
quá	quạ	(chó) sủa	(tua) tủa

*
* *

Những thanh Trắc trong Mục 15 thuộc vần :

OM ÔM UOM UM

OM

(la) om	bôm (bêm)	bôm	còm ròm (14)
---------	-----------	-----	--------------

-
- (11) trú : hàng dẹt bằng tơ gổc
 (12) dũ dân : mở mang dân trí
 (13) nhụ tử : cơn nít
 (14) còm ròm : già yếu

chỗn	chỗm chạc (2)	tróm trém (3)	tròm tròm (4)
đem (lũa)	(sâu) róm	(làm) đóm	(châm) đóm
(sâu) hóm	hóm (hình)	khóm (trúc)	(già) khóm
(nghe) lóm	(lỗi) lóm	lòm khóm	móm (đá)
móm	móm	(chết) ngóm	nhóm nhèm (5)
(già) sòm	xóm (giềng)	tóm	tóm
(lọt) thóm			

ÔM

ố	cố	cợ	chòm chỏm (6)
trộm	rộ (7)	(chó) đố	(đồ) gổ
(chòm) hòm	lỏm đố	(hình) nộ	lòm ngòm
ngòm ngoàm (8)	nhòm	(ngồi) xòm	

UÔM

cuỗm (lấy trộm)	duỗm (nhuộm)	luỗm thuỗm	muỗm (xoài)
(đầu) nhuỗm (bạc) nhuộm			

UM

úm	cúm	cụm	chũm (cau)
chụm	trúm (9)	(hát) đúm	khúm núm
lụm khụm	(má) lúm	núm	(chết) ngúm
ngụm	sụm (xuống)	xúm (xít)	túm (tìm)
túm	tụm	(thum) thúm	

-
- (2) chỗm chạc : cách ngồi bệ vệ
 (3) tróm trém : nhai trầu thông thả
 (4) tròm tròm : giữ khư khư
 (5) nhóm nhèm : nhóm nhèm
 (6) ngồi chòm chỏm : như chó tiền rười
 (7) rộ : rôi dều lên
 (8) ngòm ngoàm : ăn một cách thò tục
 (9) trúm : đồ đan bằng tre dè bắt lợn

Những thanh Trắc trong Mục 16 thuộc vần :

ON ÔN UÔN UN

ON

ôn (ên)	bôn (xên)	bón	bọn
côn (con)	con cón (1)	chôn hôn (2)	(cá) chõn
(lựa) chọn	tròn trõn (3)	trộn (vẹn)	dộn (nhà)
giôn (giễn)	đõn (vật dẫu)	gõn	(hon) hôn
lón mỏn	lõn (tóc)	món (ăn)	(con) mợn
lõn nhõn	nõn (4)	ngoản ngoễn (5)	ngón
ngõn	nhõn (rhoễn)	nhón (gót)	nhọn
són	(xon) xón	võn (vẹn)	

ÔN

ôn	õn (ên) (6)	bõn	bõn
bẽn	cõn (bảo)	cõn	cõn
chõn (ở)	chõn rõn	trõn (tránh)	trộn (lăn)
dõn (dịp)	(lõ) rõn	rõn (ràng)	đõn (củi)
(bấm) đõn	hõn (hèn)	hõn (láo)	khõn phạm (7)
khõn (khò)	lõn nhõn	lõn nhõn	lõn (nhào)
(hi) nõn	ngõn (ngang)	ngõn	(ngõn) ngộn
nhõn (nhịp)	xõn xõn	xõn (xạo)	xõn (xác)
tõn (hại)	tõn (kém)	thõn (thức)	thõn (thẹn)
thõn	thõn	võn	

(1) con cón : gợn gàng nhank nhẹn — Tiút lung con cón chạy ra ngoài đòng.

(2) chôn hôn : ngồi thu mình lại.

(3) tròn trõn : trơ trọi.

(4) rợn : một vốc (một nọn gạo).

(5) ngón ngoễn : cười toét miệng.

(6) ội-ên : nặng nề chậm chạp.

(7) khõn phạm : khuôn mẫu của đàn bà có đức.

UỒN

uốn	cuốn	cuộn	muốn
muộn	thuốn (1)		

UN

ùn	bùn (xin)	bún	cũn (còn)
(chó) cún	lùn cùn	chùn (chìn)	chùn ngủn
đún (dây)	rún (rốn)	bùn lùn	đún (đón)
đụn (rơm)	(đất) lún	lụn (bại)	lùn mún
(ngăn) ngủn	(chín) nhùn	nhũn (nhận)	nhùn (nhường)
lún phún	(răng) sún	(xương) sụn	tún mún
vùn vòn (ve vầy)	vụn		

*
* * *

Những thanh Trắc trong Mục 17 thuộc vần :

ONG ÔNG UNG OONG OANG

ONG

(bụng) ồng	ống (ọ)	óng (ả)	bồng
bóng	bọng	cống	(rét) cóng
lồng chổng	(chong) chóng	trống (2)	tróng (3)
trọng	(cao) đồng	đống (dạc)	dọng (dao)
giống	giọng (hát)	đồng (đánh)	đóng
đọng	gọng	hông	hóng (mát)
lồng	(lạc) lổng	lọng	mổng
móng	mọng	nọng (bò)	nóng
lồng ngồng	lóng ngóng	ngống (cối)	ngọng
nhổng (nhánh)	nhóng nhóng	phổng	phóng

(1) thuốn : đồ dùng để thọc vào bao gạo.

(2) trống : miếng gỗ ở giữa cái trính, chống cái kèo

(3) tróng : hình cụ để cùm chân

sống (4)	(nói) xông	buông thòng	võng (nước)
võng (lọng)	(cao) vóng		

ÔNG

(ông) ông	ống	bồng	bổng
bộng	(gác) cồng	cống	cộng
chồng gọng	chống (gậy)	trống (đổi)	động (đầu)
nòi (giống)	rỗng (tuếch)	(cọp) rống	rộng (rãi)
đồng (lý)	đống	động	hồng hênh (trống trả)
không (giáo)	khống (cáo)	(lồng) lộng	mông, (5)
(mầm) mống	mộng	nống (lòng)	ngổng
nhộng	(lớn) phồng	(ông) phổng	(tù) sồng
sống	xông (xênh)	tồng	tổng
câu (thông)	(thè) thống	vồng	

UNG

(úng) hộ	úng (thủy)	búng	búng
bụng	cúng (cổ)	cũng	cúng
chúng (tộc)	chúng (bạn)	(chỗ) trũng	trúng (củ)
đũng (chăm)	dúng (chàm)	dụng (võ)	rũng (rình)
(hoa) rụng	đũng (đỉnh)	đũng (quần)	đụng (chạm)
khủng (khiếp)	lũng (đoạn)	lũng búng	lúng búng
mủng (thuyền)	nũng (nụ)	núng (nính)	phúng
súng (đạn)	phụng	sũng (nước)	sủng (ái)
xúng (xính)	lúng túng	lụng tụng	vũng (nước)
vụng (dại)			

(4) sống : xương nhỏ đan bằng tre

(5) mông : người bắt thầy bói lừa

Gieo Vần Thơ Việt

THI LIỆU VẦN TRẮC



THI LIỆU VĂN TRẮC

(CỔ VĂN)

Miếng cao lương phong lưu nhưng LỢM	ơ
Mài hoặc lê thanh ĐẠM mà ngon.	a
CUNG-OÁN	
Nước trong chảy lòng phiền chẳng RỬA	ưa
Cỏ xanh thơm dạ NHỚ khó quên.	ơ
CHINH PHỤ NGÂM	
Thương một kẻ phòng không luống GIỮ	ư
Thời tiết lành lành LỖ đòi nau.	ơ
CHINH PHỤ NGÂM	
Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa NỞ	ơ
Tiểu quang âm lẫn LỬA gieo qua.	ưa
CHINH PHỤ NGÂM	
Xin vì chàng xếp bào cời GIÁP	a
Xin vì chàng dũ LỚP phong sương	ơ
Bỗng phút đâu mưa sa ngói LỖ	ơ
Khôn đem mình làm ĐÚA xất phu.	ưa
CHIỀU HỒN CA	
Hoặc là nương thần từ phật TỰ	ư
Hoặc là nhờ dầu CHỢ cuối sông.	ơ
CHIỀU HỒN CA	
Mã Long-Tuấn gặp chàng Bá NHẠC	a
Ngọc Kinh sơn gặp ĐUỢC Biện Hòa.	ươ
BÀN NỮ THẦN	
Duyên đã may cơ sao lại RỦI	ui
Nghĩ nguồn cơn dở DỐI sao đang	oi
CUNG OÁN	

Buồn mọi nỗi lòng đã khắc KHOẢI	oai
Ngán trăm chiều bước LẠI ngán ngơ.	ai
CUNG OÁN	
Nào lối dạo vườn hoa năm NGOẢI	oai
Đóa hồng đào hái BUỒI còn xanh.	uôi
CUNG OÁN	
Bóng câu thoáng bên màn mây NỖI	ôi
Những hương sâu phấn TỬ sao xong.	ui
CUNG OÁN	
Thủa trời đất nôi cơn gió BỤI	ui
Khách má hồng nhiều NỖI truân chiêm.	ôi
CHINH PHỤ NGÂM	
Sương đầu núi buổi chiều như GỘI	ội
Nước lòng khe nẻo SUỐI còn sâu.	uối
CHINN-PHỤ-NGÂM	
Thư thường tới người chưa thấy TỚI	ới
Bức rèm thưa lần DẢI bóng dương.	ai
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Biếng trang diềm lòng người sầu TỬ	ui
Xót nỗi chàng ngoài CỐI trùng quân.	ôi
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Bóng dương đề hoa vàng chẳng ĐOẢI	oai
Hoa đề vàng bởi TẠİ bóng dương.	ai
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Kìa những kẻ chìm sông lạc SUỐI	uôi
Cũng có người xây CỐI sa cây	ôi
CHIÊU-HỒN-CA	
Người thì mắc sơn tinh thủy QUẢI	ai
Người thì sa nanh SỐI ngà voi	oi
CHIÊU-HỒN-CA	

Hoặc là ăn ngang bờ dọc BỤI	ui
Hoặc là nương ngọn SUỐI chân mây	uôi
CHIỀU-HỒN-CA	
Nhờ đức Phật thần thông quảng ĐẠI	ai
Chuyên pháp luân tam GIỚI thập phương	oi
CHIỀU-HỒN-CA	
Bất luận xe rào xe CÚI	ui
Nhấn đến loài phân BỒI tranh che	ôi
LỤC-SÚC TRANH-CÔNG	
Bằng biếng lặt biếng tìm thì ĐỐI	oi
Gà gấm lại thân gà thêm TỬ	ui
LỤC-SÚC TRANH-CÔNG	
Ngẫm duyên phận ai ngờ nên NỖI	ôi
Ngẫm nguồn cơn dở DỐI thêm càng	oi
BÀN-NỮ-THÁN	
Buồn muốn nói nghĩ không nên NÓI	oi
Buồn muốn trông lệ LẠI chứa chan	ai
BÀN-NỮ-THÁN	
Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm	âm
Nguyệt lồng hoa, hoa THẮM từng bông	âm
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Chim đáy nước cá lơ đờ LẶN	ăn
Lững da trời nhạt NGẦN ngơ sa	ăn
CUNG-OÁN	
Nghĩ mình cũng dư phần con PHẤN	ân
Cũng dư phần ngọc TRẮNG gương trong.	an (g)
BÀN-NỮ-THÁN	
Hay là kém da gà mắt PHƯỢNG	ươn (g)
Hứa cho nên bướm CHÂN ông chề.	an
BÀN-NỮ-THÁN	

Hề hầy còn mày ngài mắt PHƯỢNG ươn (q)

Hề hầy còn má PHẤN môi son. ân

BÀN NỮ THẦN

Dọc hàng quán phải tuần mưa NẮNG ăng

Vợ con nào nuôi NẮNG khen kiêng. ăng

CHIÊU HỒN CA

Cũng có kẻ mắc v o khóa LÍNH inh

Bỏ cửa nhà gồng GÁNH việc quan. anh

CHIÊU HỒN CA

Nhờ phép Phật uy linh dưng MÃNH anh

Trống giắc-mê khua TỈNH chiêm bao. inh

CHIÊU HỒN CA

Xui kẻ nhớ vợ hiền thêm CHẠNH anh

Thức vua Thỉnh làm lành giắc TỈNH. inh

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Trời thăm thăm xa vời khôn THẤU âu

Nỗi nhớ chàng đau ĐẤU nào xong. au

CHINH PHỤ NGÂM

Thôi cười nọ lại nhẩn mày LIỄU iêu

Gheo hoa kia lại NHÍNH gót sen. in

CUNG OÁN

Quân trước đã gần ngoài Doanh LIỄU iêu

Kỵ sau còn khuất NỂO tràng dương. eo

CHINH PHỤ NGÂM

Thửa lâm hành oanh chưa bén LIỄU iêu

Hỏi ngày về ước NỂO quyền ca. eo

CHINH PHỤ NGÂM

Sương như búa bổ mòn gốc LIỄU iêu

Tuyết đường cưa xẻ HỂO cảnh khô. eo

CHINH PHỤ NGÂM

Lúc ngảnh lại ngắm màu dương LIÊU iêu
Thà khuyên chàng đừng CHỊU tức phong iu
CHINH PHU NGÂM

Đuốc vương giả chí công là THẾ ề
 Chẳng soi cho đến KHỔE âm nhai. oe
 CUNG-QUÁN

Trên chín bề có hay chăng NHÈ
Khách quần thoa mà ĐỀ lạnh lòng.

CUNG-OÁN

Trống trảng thành lung lay bóng NGUYỆT uyê
Khói cam tuyến mờ MỊT thức mây. i
CHINH PHU-NGÂM

Lòng chàng ví cũng bằng như THỀ ê
Lòng thiếp đâu dám NGHĨ gần xa. i

CHINH PHỤ-NGÂM

Nếu huân tướng đại cân rặng VÊ c
 Chữ đồng hưu bia ĐỂ nghìn đông. ê
 CHINH-PHÚ NGÂM

Trời xâm xâm mưa gào gió THẾT
Khí âm huyền mờ MỊT trước sau.

CHIÊU-HỒN-CA

Sống đã chịu mọi bề thảm THIẾT
Ruột héo khô dạ RẾT cặn cặn.

Cũng hết sức gia trung xem XÉT
Trách sao khéo thời lòng tìm VẾT
LỤC SỨC TRANH CÔNG

Nghe đêm thu về sầu ri RỈ
Nghe đêm đông đọng DẼ ả non

i
ê

BÀN-NỮ-THÁN

Gan chẳng đã khôn đường há CHUYỀN	uyên
Mặt phàm kia dễ ĐẾN thiên thai.	ê
CUNG.OÁN	
Gió tây nổi không đường hồng TIỆN	ê
Xót côi ngoài tuyết QUYẾN mưa sa.	uyê
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Cầu Thệ-thủy ngồi trơ cò ĐỘ	ô
Quán thu phong đứng RŨ tà huy.	u
CUNG.OÁN	
Song đã cạy má đào chon CHÓT	o
Hắn duyên phận TỐT hơn người	ô
CUNG.OÁN	
Nào lúc tựa lâu tằm hôm NỌ	o
Cành liễu mảnh bẻ THỬA đương tơ.	ua
CUNG.OÁN	
Khi bóng thò chênh vênh trước NÓC	o
Nghe vang lừng tiếng GIỤC bên tai.	u
CUNG.OÁN	
Chàng thì đi côi xa mưa GIÓ	o
Thiếp thì về buồng CŨ gói chẵn.	u
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Dầu bình lửa nước non như CŨ	u
Kẻ hành nhân qua ĐÓ chạnh thương.	o
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Tình gia thất nào ai chẳng CỐ	o
Kìa lão thân khuê PHỤ nhớ thương.	u
CHINH-PHỤ-NGÂM	
Tìm chàng thừa Đương đài lối CŨ	u
Gặp chàng nơi tương PHỐ bến xưa.	ô
CHINH-PHỤ-NGÂM	

Bóng phần tử xa chừng hương KHỦC	u
Bãi tha ma kẻ ĐỌC người ngang	o
CHIÊU-HỒN-CA	
Phật hữu tình từ bi phồ ĐỘ	ô
Chớ ngại ngừng rằng có CỐ không không.	o
CHIÊU-HỒN-CA	
Niềm tâm sự thấp cao mọi NỖI	ô
Tình cảnh này biết NÓI cùng ai	o
BÀN-NỮ-THÁN	
Vẻ quyền quý phong lưu cũng THUỘC	uô
Nết đoan trang trinh THỰC cũng ư.	u
BÀN-NỮ-THÁN	
Kìa trai già có khi nở NGỌC	o
Nọ trúc đông có LÚC này măng.	u
BÀN-NỮ-THÁN	
Kim Kiều nọ ước nguyên mấy ĐỘ	ô
Phan Trần kia gấn BỐ bao lâu.	o
BÀN-NỮ-THÁN	
Ánh đào kiêu đâm bông nào CHÚNG	ung
Khoé thu ba dọn SỐNG khuynh thành.	ong
CUNG OÁN	
Buồn vì nỗi nguyệt tà ai TRỌNG	ong
Buồn vì nhìn hoa RỤNG ai nhìn.	ung
CUNG OÁN	
Gà eo óc gáy sương năm TRỐNG	ông
Hồe phát phơ rủ BÓNG bốn bên.	ong
CHÍNH PHỤ NGÂM	
Đêm thanh những âm thầm với BÓNG	ong
Mặt âm thầm mà BỤNG ủ ê.	ung
BÀN NỮ THÁN	

Gieo Vần Thơ Việt

NHẬN XÉT CHUNG VỀ THƠ



NHẬN XÉT CHUNG VỀ THƠ

SỐ CÂU, SỐ CHỮ TRONG CÂU THƠ

Thơ thường có từ 4 câu trở lên.
Mỗi câu thơ có từ 2 chữ trở lên.
Đặc biệt thơ của Thao-Thao vồn-vẹn chỉ có một câu.
Thí dụ 3 bài thơ dưới đây :

*Một tiếng quấy im-lìm bờ bụi tối.
Bề mặt-mùng cát vàng nhạt trắng soi.
Trời nước lặng mơ hồ cá đớp trắng.*

Phải chăng thơ Thao-Thao đã chịu ảnh-hưởng của thơ Nhật HAIKAI (sẽ nói đến ở một tiêu mục sau).

Kể đến có lẽ bài thơ NGHĨ LẠI của Tố-Nữ là ngắn nhất :

*Nhưng nghĩ lại
Tại không chùng
Vì yêu đương
Vương tại họa.*

Bài thơ trên tuy 4 câu nhưng toàn bài chỉ có 12 chữ, đối với bài thơ một câu 8 chữ của Thao-Thao chỉ hơn kém có 4 chữ.

Cò thi có lối thơ Yết-Hậu là một thể thơ ngắn (phần nhiều trào phúng) câu cuối chỉ có 1 hay 2 chữ :

ĐÁNH TỐ TÔM

*Tô tôm tên chữ gọi là sào,
Đánh thì không thấp cũng không cao.
Được thì vơ cả, thua thì chạy,
Nào !*

NGUYỄN CÔNG-TRÚ

TÌNH TIỀN

*Đa tiền mới đa tình,
Í: tiền son phấn khinh.
Đi qua phố hàng giấy (1)
Trông nhiều cô cũng xinh,
— Mân thính !*

TÀN-ĐÀ

(1) — Phố hàng giấy đời Pháp thuộc dịch là Rue des Papiers ở gần chợ Đồng-Xuân Hà-Nội.

Dưới đây là 3 bài thơ Phá-thê ngắn, ý nghĩa sắc bén :

VINH NHỤC

*Tuyệt thực tràng sinh,
Càng uống càng khát,
Càng nhục càng vinh.*

TỐ-NỮ

THƠ

*Sau cơn bão,
Còn một con chim hót,
Bài Thánh ca,
Của thời-đại mới.*

TRẦN-TUẤN-KIỆT

TÂM ẢNH

*Vì sao người đi tu,
Bỏ vầng trăng biển-biệt,
Chết dưới đáy sông thu.*

HỒ-NGỌC-NGŨ

Dưới đây là một bài cò-thi chữ Hán, 4 câu 7 chữ, nhưng đặc-sắc là câu đầu chỉ khác câu thứ nhì có một chữ. Ngoài ra nhiều chữ được nhắc đi nhắc lại đến ba bốn lần, còn ý-nghĩa thời rất rộng :

*Nhất phiến bạch vân thanh sơn nội,
 Nhất phiến bạch vân thanh sơn ngoại.
 Thanh sơn nội ngoại giai bạch vân,
 Bạch vân tán tận thanh sơn tại.*

*Một đám mây trắng trong núi xanh,
 Một đám mây trắng ngoài núi xanh.
 Trong ngoài núi xanh đều mây trắng,
 Mây trắng tan xong còn núi xanh.*

一	一	青	白
片	片	山	雲
白	白	內	散
雲	雲	外	盡
青	青	皆	青
山	山	白	山
內	外	雲	在

Và đây là một bài Thơ Mới của Tố-Nữ có rất nhiều chữ láy đi láy lại. Đại đề như chữ AI đã được nhắc lại đến 8 lần mà toàn bài chỉ có 28 chữ :

AI

*Ai có biết,
 Yêu Ai tha-thiết.
 Biết chẳng Ai,
 Ai biết Ai yêu.
 Biết yêu Ai biết Ai yêu,
 Ai yêu Ai biết
 Những chiều nhớ Ai.*

Khảo về thơ mỗi câu chỉ có hai chữ, phải nói đến bài
thơ Sương Rơi của Nguyễn-Vĩ.

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu.
Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh lùng
Hiu hắt,
Thấm vào
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương

Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng
Tả tơi
Em ơi.
Từng giọt
Thánh thót,
Từng giọt
Điêu tàn,
Trên nắm
Mồ hoang !

Rơi sương
Cành dương.
Liều ngã
Gió mưa
Tơi tả,
Từng giọt

Thánh thót,
Từng giọt
Trôi bờ
Mưa rơi
Gió rơi
Lá rơi
Em ơi !

NGUYỄN-VỸ

HAIKAI

Phần trên đã nói đến Thao Thao sáng tác thơ một câu (vòn-vẹn có 8 chữ) phải chăng đã chịu ảnh hưởng của thơ Nhật thể Haikai.

Thơ Haikhi người Nhật thường tự hào là thể thơ ngắn nhất thế giới, toàn bài thường chỉ có 15 âm-tiết. Tiếng Nhật lại đa âm (polysyllabique) nên một chữ thường nhiều âm-tiết, nên bài thơ loại Haikai thật ít chữ.

Theo tự điển Larousse thế kỷ XX, Haikai là một bài thơ ngắn của người Nhật gồm 3 câu 5, 7 và 5 âm-tiết.

Dưới đây là một bài thơ Haikai của Kyorai :

應々と舎へど叩く雪の戸

ô to iedo tataku ya yuki no mon.

Học giả R.H.Blyth đã dịch ra tiếng Anh như sau :

*Yes ! yes ! I cried
But someone still knocked
On the snow-mantled gate.
Tôi đã la : « có đây ! có đây ! »
Nhưng có người vẫn gõ
Ngoài cửa ngõ
Đầy tuyết phủ.*

Điểm chính của bài thơ ngắn này là không biết người gõ cửa là ai ? « Đàn ông hay đàn bà ? » nhưng chắc chắn là người gõ cửa tâm thần đang bị giao động hoảng hốt vì một lý do nào đó nên người ở trong nhà nghe tiếng gõ cửa đã la to lên đề trả lời và ra mở cửa nhưng người đứng ngoài vẫn không nghe thấy tiếng trả lời nên vẫn cứ gõ cửa hoài. Trong bài thơ tuy không nói đến thời gian, nhưng người đọc thơ vẫn tưởng đến một đêm khuya gió lạnh tuyết đang rơi. Còn lý do người gõ cửa tại sao hoảng hốt sợ hãi thời thật là cả một con số lớn về nghi vấn nếu người đọc giàu tưởng tượng.

Dưới đây là một bài thơ Haikai đã dịch ra tiếng Anh :

*The usually hateful crow
He, too this morning
On the snow !
(Quạ thường đáng ghét,
Sáng nay lại đậu trên tuyết).*

Bài thơ Haikai nói về con quạ, theo người Nhật thời :

Loại thơ Haikai ít chữ nhưng rất rộng nghĩa, nên mỗi người có thể hiểu qua nghĩa bóng một cách khác biệt.

Như bài « Con quạ » thường thường thời ai cũng ghét quạ, nhưng sáng nay nó lại đậu ngay trên tuyết, làm cho người ta không những không ghét nó mà còn chú ý đến nó, chú ý đến bộ lông đen mượt của nó, vì chiếc áo của nó đã nổi bật hẳn lên trên một nơi phủ đầy tuyết trắng. Con quạ đã đậu đúng chỗ để người ta chuyển từ ghét sang thương !

Dưới đây là một bài thơ Haikai bằng tiếng Pháp của nữ thi-sĩ SIMONE KUHNEN DE LA COEUILLERIE :

*La foudre a frappé
Le chêne a cassé...
À combien d'orages avait-il résisté ?*

Vũ-hoàng-Chương đã dịch rất tài tình :

Sét vừa đánh

Cây gãy rồi.

Nó đã đương đầu biết mấy phong lôi.

Tìm hiểu cái đẹp tế-nhị của bài thơ trên, có lẽ trước tiên ta phải tập trung tư-tưởng vào chữ chène (cây sồi) vì cây sồi đối với người tây phương, tượng-trưng cho sức mạnh và bền chí.

Tục-ngữ Pháp có câu :

On n'abat pas un chène du premier coup.

(Đại ý : Người ta không hạ được cây sồi bằng một nhát búa).

Trong văn-chương Pháp cây sồi cũng đã được ví với một người đàn ông dũng-cảm :

N'aimez pas, et vous serez un chène

Aimez et vous serez un roseau.

(Đại-ý : Nếu anh không yêu, anh sẽ là một cây sồi.

Nếu anh yêu, anh sẽ là một cây sậy.)

Ý nghĩa đẹp của bài thơ Haikai về cây sồi là đã nói lên được sự chống đối bền bỉ của cây sồi, nhưng tự trung cũng ngã gục dưới nhát búa của thiên-lôi. Đây là nghĩa đen. Còn biết bao nhiêu nghĩa bóng, nếu cho rằng nói đến cây sồi đề ám chỉ một người, một nhân vật nào đó...

CÁCH GIEO VẦN

Trước khi có thơ đã có ca dao, tục ngữ. Văn chương nước nào cũng vậy, thơ phát xuất từ ca dao, tục ngữ.

Ở nước ta, cách gieo vần ở những câu ca dao, tục ngữ rất phong phú.

- 1.— Chữ cuối câu trên vần với chữ thứ nhất câu dưới :

*Khô chân gân MẶT,
ĐẤT tiền cũng mua.*

- 2.— Chữ cuối câu trên vần với chữ thứ hai câu dưới :

*Đẩy với ĐÂY,
Không DÂY mà buộc.*

- 3.— Chữ cuối câu trên vần với chữ thứ ba câu dưới :

*Đa nhân DUYÊN,
Nhiều đường PHIỀN nã.*

- 4.— Chữ cuối câu trên vần với chữ thứ tư câu dưới :

*Đời ông cho chí đời CHA,
Mây phủ Sơn-TRÀ không gió thì mưa.*

- 5.— Chữ cuối câu trên vần với chữ thứ năm câu dưới :

*Gái không chồng như nhà không NÓC,
Trai không vợ như CỘC long chân.*

- 6.— Chữ cuối câu trên vần với chữ thứ sáu câu dưới :

*Phượng hoàng đậu chốn cheo-LEO,
Đến khi thất thế phải THEO đàn gà.*

Cách gieo vần ở chữ thứ 5 và chữ thứ 6 của ca dao sau này đã biến thành cách gieo vần của thơ Song thất lục bát.

Thơ Đường luật như Thất-ngôn (bảy chữ) Bát cú (tám câu) thì có 5 vần ở cuối câu. Thất ngôn (bảy chữ) Tứ-tuyệt (bốn câu) thì có 2 hoặc 3 vần ở cuối câu.

Thơ Đường-luật Ngũ-ngôn (năm chữ) cũng vậy chỉ có vần ở cuối câu (cước vận) chứ không có vần ở trong câu (yêu vận).

Thơ mới thơ Tự do đều có vần ở cuối câu và trong câu, nhưng vị trí của vần thay đổi luôn nên tiết-điệu của câu thơ cũng thay đổi không chừng.

Dưới đây là một bài thơ của Cung-trầm-Tướng dùng toàn câu ngắn từ 3 chữ đến 6 chữ, nhưng lại khéo dùng nhiều vần (vừa cước vận vừa yêu vận) nên nhạc-điệu rất du dương.

MÙA THU PARIS

Mùa thu PARIS,
Hẹn em quán NHỎ,
Rừng-rung rượu ĐỎ tràn LY.

Mùa thu đêm MƯA
Phố cũ hè XUA
Công-trường lá ĐỎ
Ngóng em kiên KHỜ phút GIỜ.

Mùa thu âm-THẦM
Bên vườn Lục-XÂM
Ngồi quen ghế ĐÁ
Không em buốt GIÁ từ LÂU.

Mùa thu nơi ĐÁU
Người em mắt NÂU
Tóc vàng sợi NHỎ
Không em chín ĐỒ trái SẦU

Mùa thu PARIS
Trần dâng đôi MI
Người em gác TRỌ
Sang anh gói NHỎ thăm-THÌ.

Mùa thu không LỜİ
Son nhạt đôi MÔI
Em buồn trở LẠI
Hồn quên hồi CÁI cuộc ĐỜİ.

Mùa thu mùa THU
Mây trời âm-U
Yêu em độ LƯỢNG
Trong em tâm TƯỞNG giam TỪ
Mùa thu... trời ơi tình THU.

CUNG-TRẦM-TƯỜNG

Bài thơ trên chia ra 7 thi đoạn. Thi đoạn đầu chỉ có 3 câu, trái lại thi đoạn bảy (tức thi đoạn cuối) có 5 câu, còn năm thi đoạn ở giữa mỗi thi đoạn 4 câu.

Thi đoạn đầu chữ PARIS cuối câu đầu vần với LY cuối câu thứ ba. Chữ NHỎ cuối câu hai vần với chữ ĐỎ ở trong câu thứ ba.

Thi đoạn 2, 4, 5, 6, đều theo cách gieo vần :

Câu 1, 2, 4, đều có vần cuối thề bằng và vần với nhau. Câu 3 vần cuối thề trắc vần với tiếng trắc ở lưng câu 4.

Thi đoạn 3 cách gieo vần thay đổi chữ cuối câu 4 không vần với chữ cuối câu 1 mà lại vần xuống chữ cuối câu 1 của thi đoạn 4.

Thi đoạn 7 có năm câu, câu 1, 2, 4, 5, vần với nhau ở cuối câu. Câu 3 có chữ cuối thề trắc (lượng) vần với chữ (tường)

thề thắp ở lưng câu 4. Chữ tường này rất độc đáo vì nó khiến người đọc mừng-tượng đến tên tác-giả : Cung trầm-Tường.

*
* *

Học-giả Nguyễn-văn-Vĩnh dịch bài « Con Ve và cái Kiến » trong thơ ngụ-ngôn của La Fontaine theo cách gieo vần cứ hai tiếng thề bằng lại đến hai tiếng thề thắp :

CON VE VÀ CÁI KIẾN

*Ve sầu kêu ve ve,
Suốt mùa hè.
Đến kỳ gió bắc thổi,
Nguồn cơn thực bởi rồi,
Một miếng cũng chẳng còn,
Ruồi bọ không một con,
Vác miệng chịu khúm-núm,
Sang chị kiến hàng xóm,
Xin cùng chị cho vay.
Dăm ba hạt qua ngày.
« Từ nay qua tháng hạ,
Em lại xin đem trả.
Trước thu, thề Đất Trời!
Xin đủ cả vốn lời».
Tinh kiến ghét vay cậy,
Trăm thói, thói này vì:
« Nặng ráo chú làm gì ? »
Kiến hỏi ve như vậy.
Ve rằng : « Luôn đêm ngày,
Tôi hát, thiệt gì bác ».
Kiến rằng : « Xưa chú hát ?
Nay thử múa coi đây ».*

NGUYỄN-VĂN-VĨNH

Nguyễn-nhuộc-Pháp gieo vần trong bài thơ Sơn-Tinh
Thủy-Tinh theo bốn câu một :

Chữ cuối câu 1 thanh trắc vần với chữ cuối câu 3 thanh trắc.

Chữ cuối câu 2 thanh bằng vần với chữ cuối câu 4
thanh bằng.

SƠN-TINH THỦY-TINH

*Ngày xưa, khi rừng mây u-ám,
Sông núi còn vang um tiếng thăn,
Con Vua Hùng-Vương thứ mười tám,
Mỵ-Nương xinh như tiên trên trần.*

*Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
Miệng nàng bé thắm như san hô.
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ,
Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.*

.

*Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đôi năm mười hòm ngọc trai.
Khập-khiễng bò lê trên đất lạ,
Trước thành tấp-tênh đi hàng hai.*

.

*Sóng cả gầm reo lẫn như chớp,
Thủy-Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng.
Cá voi quác mồm to muốn đớp,
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng.*

NGUYỄN-NHUỘC-PHÁP

Dưới đây là một bài thơ gieo vần trắc, đọc lên thanh-âm
rất lạ tai. Xin lưu ý đến những chữ : CỤP vần với NÚP. LẠ,
QUẠ, SẠ vần với nhau.

CON THÚ LỚN

*Trong yên lặng con thú lớn đuôi CỤP,
Giống lên những tiếng lạnh ón quai LẠ.
Đàn diều hâu và đàn QUA,
Hải-hùng bay loạn SẠ tìm chỗ NÚP.*

TÓ NỮ

Xin đề ý đến những chữ TÀN, TAN, KHÔ, HỒ, CẠN,
ĐÀN trong bài thơ dưới đây :

BẢN LAI ĐIỆN MỤC

*Ôi trắng TÀN trắng TAN,
Mất KHÔ HỒ lệ CẠN.
Gió hiu-hắt đường cây,
Một mình trông ngóng BẠN.*

HỒ-NGỌC-NGŨ

Xin lưu ý đến những chữ Ủ, RŨ, RỪ, BAY, ĐẦY
trong bài thơ dưới đây :

TRỜI MÂY

*Trời có buồn không ? Sao trời Ủ-RŨ,
Mây có buồn không ? Sao mây RỪ nhau BAY.
Lá có buồn không ? Sao lá rụng rơi ĐẦY.*

NHẬT-LỆ TRƯỞNG-CHINH

Xin lưu ý đến câu thứ tư của bài thơ' dưới đây (tám
chữ có đến 6 thanh trắc tận cùng bằng 'a') :

*Ngày tôi đến đưa anh vào nghĩa địa,
Mưa giông buồn gọi ướt chiếc xe tang.
Cây bên lề, hàng cây vẫn hiên ngang,
LÁ LẢ-TẢ, LÁ vàng rơi LẢ TẢ.*

NGUYỄN-NGỌC-HOÀNG

Đôi khi thi-sĩ sáng-tác thơ tuồng như ghi vôi vàng những cảm nghĩ vụt đến, người đọc nếu cũng đọc vôi vàng, có khi cho là không văn. Nhưng đọc kỹ sẽ thấy nhiều văn ở trong câu :

ĐẠN ĐẠO

Sự thực là đôi mắt em đẹp vô CÙNG,
Tôi ném, KHÔNG phải là nhìn, ném vào mắt EM,
Sự ngưỡng-MỘ, sự THÈM khát, sự ước ao đã THÚ,
Nghĩa là sự đam mê to và sâu như bạn ĐÊM.
Như đứa trẻ ném những hòn đá xuống đáy giếng,
Ném nụ CUỖI vào cuộc ĐỜI, bước chân trên đường phở.
Sự ước ao, tôi ném theo viên đạn từ TRÁI tìm trở LẠI
nòng súng.
Tôi ném tôi trở LẠI những ngày tình Ái đầu TIÊN, những
giờ ĐIÊN cuồng thử nhất.

. (.

NGUYỄN-SA

Xin lưu ý CÙNG văn với KHÔNG, EM, THÈM văn với ĐÊM, MỘ văn với THÚ, CUỖI văn với ĐỜI, TRÁI, LẠI văn với ÁI, TIÊN văn với ĐIÊN.

THI - SĨ

BÀN tay dài RA và THÂN hình cở DẠI,
Ngôn-ngữ của THƠ LÀ đá ném vào đời.
Những phiến đá khác hình hài tìm PHỒI.

.

KHAI-TUYỀN

Xin lưu ý : DẠI văn với PHỒI (văn thông thê trắc)
BÀN văn với THÂN, THƠ văn với RA VÀ LÀ.

VẦN TIẾP — VẦN CHÉO — VẦN ÔM

VẦN TIẾP (hay vần liền) là thanh cuối của câu thơ trên vần ngay với thanh cuối của câu dưới :

*Đêm nay canh thâu,
Đêm mai vương sầu.*

Theo văn-chương Pháp vần tiếp gọi là RIMES SUIVIES (hay rimes plates).

VẦN CHÉO (theo một thi đoạn 4 câu) là thanh cuối của câu thơ thứ 1 vần với thanh cuối của câu thơ thứ 3, thanh cuối của câu thơ thứ 2 vần với thanh cuối của câu thơ thứ 4 :

*Bao la trời NƯỚC
Một lá thuyền CÔI
Kiếp nào sau TRƯỚC
Còn mây trên ĐÔI.*

(Theo văn chương Pháp vần chéo gọi là RIMES CROISÉES).

VẦN ÔM là thanh cuối của câu thơ thứ 1 vần với thanh cuối của câu thơ thứ 4, thanh cuối của câu thơ thứ 2 vần với thanh cuối của câu thơ thứ 3.

*Một mình một MÌNH
Quên linh hồn NHỎ
Năm yên rêu CỎ
Quên ngày tàn SINH.*

NGUYỄN-ĐỨC-SINH

*Ai đã nhìn thấy GIÓ ?
Chẳng tôi cũng chẳng ANH
Nhưng khi lá rung RINH
Gió đã thổi qua ĐÓ.*

TÓ-NỮ

Phỏng theo :

THE WILD

*Who has seen the wind ?
Neither I nor you
But when the leaves hang trembling
The wind is passing through.*

CHRISTINA ROSSETTI

Theo văn chương Pháp văn ôm gọi là RIMES EMBRASSÉES.

NGẮT HƠI — CHOÀNG — THÔNG

Chỗ ngắt hơi trong câu thơ xưa gọi là Đậu và thường ngắt ở những khoảng đều nhau :

*Lối xưa / xe ngựa / hồn thu thảo
Nền cũ / lâu đài / bóng tịch dương.*

THANH QUAN

Trong thơ Mới chỗ ngắt hơi thường không đều nhau :
*Nao đâu / những đêm vàng / bên bờ suối
Ta say mồi / đứng uống / ánh trăng tan.*

THẾ-LỮ

Trong thơ Tự-do chỗ ngắt hơi không những khác hẳn mà nhiều khi không dừng ở chữ cuối câu mà còn tiếp xuống câu dưới. Lối này gọi là CHOÀNG.

Trong văn chương Pháp gọi là ENJAMBEMENT.

Ngoài ra có khi chấm câu ở ngay giữa câu. Lối này gọi là THÔNG. Trong văn chương Pháp gọi là REJET.

Thi sĩ Thái-Tuấn đã dùng cả CHOÀNG lẫn THÔNG trong bài Sáng-tạo :

TÔI VẼ MỘT BỨC TRANH

Cũng không khác chi anh... (CHOÀNG)

Vòng tay ôm người đẹp

Ý nồng-lung chưa thành

Ý niệm của yêu thương

Hình thành là chiếc gương... (THÔNG)

Anh soi mình. Trong đó

Đời muôn vạn mảnh đường.

.

NHỮNG THANH BẰNG VÀ TRẮC CHỈ KHÁC NHAU VÌ DẤU

Xưa thi-nhân làm thơ Đường-luật thường cố tránh đặt chữ trắc ở cuối câu chỉ khác với chữ Bằng (văn) ở câu dưới vì dấu.

Những vận ngữ dưới đây được coi như không tính-thuần :

Cha kiếp đời tu sao lắt-LÉO

Cảnh buồn thêm ngán nợ tình ĐEO.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Lặng tai nghe gió sầu khôn CHẶN

Tựa gối nhìn hoa thắm gió NGẮN.

VÂN-ĐÀI

Ngược lại trong thơ Mới, thơ Tự-do lối đặt như thế được nhiều thi-sĩ ưa dùng :

Trời nóng bấm bốn ĐỘ

Đèn sao khắp để ĐỒ.

NAM-TRẦN

Đáy lối xưa trắng mờ run trong LÁ

Em còn ngồi ngâm những bản tình CA.

TRẦN-MẠNH-DƯƠNG

*Ngồi trên hoang - ĐÁO,
Sóng biển thì THẢO.*

TRẦN TUẤN-KIỆT

*Ngón tay cài khuy Áo
Em còn ngón NÀO
Đề giữ lấy anh.*

NGUYỄN.SA

Táo bạo hơn hết, Tố-Nữ đã viết :

*Gánh vác non SÔNG
Nghĩa vụ đời SỐNG
Hợp đoàn hùng ANH
Chúng ta phải MẠNH
Quyết tâm thực HIỆN
Theo gương Thánh HIỀN
Quyết thắng trận ĐỜI
Xây thế - hệ MỚI.*

NHỮNG CHỮ TRONG THƠ VIỆT KHÓ DỊCH RA NGOẠI NGỮ

Những chữ ĐỒNG ÂM DỊ NGHĨA không thể dịch ra ngoại ngữ trừ phi phải giải nghĩa dài dòng.

Câu THẠCH NHŨ TRẦN BÌ SAO ĐỀ LẠI (1) của Hồ-xuân-Hương không thể dịch ra ngoại ngữ được vì THẠCH

(1) Dưới đây là toàn bài thơ của Hồ-xuân-Hương :

*Vắng vắng tai nghe tiếng khóc gi,
Thương chồng nên nỗi khóc tí ti !
Ngọt bui thiếp nhớ mùi cam thảo,
Thạch nhũ trần bì sao đề lại ?
Quý thân, liên nhục, tâm mang đi.
Dao cầu thiếp biết trao ai nhĩ ?
Sinh ký chàng ôi, từ tác qui.*

Những tên vị thuốc trong bài thơ trên gọi biết bao nhiêu nghĩa bóng.

NHŨ và TRẦN BÌ là hai vị thuốc bắc nhưng THẠCH NHŨ còn có nghĩa là nhũ hoa rắn như đá và TRẦN BÌ còn có nghĩa là da đề trần! Ngoài ra chữ SAO cũng có hai nghĩa tại sao và rang cho khô

Thi sĩ Vũ-hoàng-Chương đã dùng những chữ đồng âm dị nghĩa trong bài thi dưới đây :

*Mưa rào đồ trận kéo dây đưa
Hay nguyệt lồng gương rọi nhứt thừa
Con én bị giam nhìn chỉ thấy
Chung quanh LỒNG nguyệt với RÀO mưa.*

Rào : Mưa rào, hàng rào.

Lồng : Lồng nguyệt (ẩn vào) và lồng còn có nghĩa lồng nhốt chim (én).

Tổ-nữ đã dùng những chữ đồng âm dị nghĩa trong câu thơ :

Một mảnh SẦU RIÊNG QUẢ chín muồi.

SẦU RIÊNG có nghĩa nỗi buồn riêng tư và SẦU RIÊNG cũng là tên một trái cây. Chữ QUẢ có hai nghĩa QUẢ THẬT và HOA QUẢ.

LUẬT THƠ

THƠ ĐƯỜNG

Thơ Đường-Luật là thơ có luật từ đời Đường đặt ra. Thơ Đường-Luật thường có 4 câu hoặc 8 câu. Mỗi câu có 5 chữ (Ngũ ngôn) hoặc 7 chữ (Thất ngôn).

Luật thơ Đường có luật Bằng và luật Trắc. Làm thơ Đường, chữ thứ nhì câu đầu là Bằng thì phải theo luật Bằng. Chữ thứ nhì câu đầu là Trắc thì phải theo luật Trắc. Luật thơ Đường trong mỗi câu thơ, chữ nào Bằng chữ nào Trắc, đã có lệ nhất định không được thay đổi. Thay đổi sẽ phạm lỗi thất

luật. Tuy nhiên thường không kể bằng trắc chữ thứ nhất và chữ thứ ba trong thơ Ngũ-ngôn, và không kể bằng trắc chữ thứ nhất, thứ ba và thứ năm trong thơ Thất-ngôn. Thi-gia gọi là NHẤT TAM BẤT LUẬN và NHẤT TAM NGŨ BẤT LUẬN.

Theo kinh nghiệm của thi-gia kỳ cựu, làm thơ Đường luật theo luật bằng trắc có thể theo khuôn khổ dưới đây sẽ tránh khỏi thi-bệnh KHỒ-ĐỘC (khó đọc, nghe không êm tai).

NGŨ NGÔN (Luật Bằng)

Song phong	B	B	T	T	B
	T	T	T	B	B
Thực	T	T	B	B	T
(có đối)	B	B	T	T	B
Luận	B	B	B	T	T
(có đối)	T	T	T	B	B
Kết	T	T	B	B	T
	B	B	T	T	B

NGŨ NGÔN (Luật Trắc)

	T	T	T	B	B
	B	B	T	T	B
Thực	B	B	B	T	T
(có đối)	T	T	T	B	B
Luận	T	T	B	B	T
(có đối)	B	B	T	T	B
	B	B	B	T	T
	T	T	T	B	B

Chỉ dẫn : B phải là Bằng B là Bằng có thể đổi ra Trắc.

T phải là Trắc T là Trắc có thể đổi ra Bằng Thơ ngũ ngôn :
2 câu đầu gọi là Song phong.

2 câu thứ 2 thứ 4 gọi là Thực (có đối).
 2 câu thứ 5 thứ 6 gọi là Luận (có đối).
 2 câu thứ 7 thứ 8 gọi là Kết.
 Dưới đây là một bài thơ Ngũ-ngôn (Luật trắc) :

MẶT TRĂNG

*Văng-vặc bóng thuyền quỳên
 Mây quang gió bốn bên
 Nề cho trời đất trắng
 Quét sạch núi sông đen
 Có khuyết nhưng tròn mãi
 Tuy già vẫn trẻ lên
 Mảnh gương chung thế giới
 Soi rõ mặt hay hèn.*

KHUYẾT-DANH

THẤT NGÔN (Luật Bằng)

B	B	T	T	T	B	B
T	T	B	B	T	T	B
T	T	B	B	B	T	T
B	B		T	T	B	B
B	B	T	T	B	B	T
T	T	B	B	T	T	B
T	T	B	B	B	T	T
B	B	T	T	T	B	B

THẤT NGÔN (Luật Trắc)

Phá	T	T	B	B	T	T	B
Thừa	B	B	T	T	T	B	B
Thực	B	B	T	T	B	B	T (đối)
	T	T	B	B	T	T	B
Luận	T	T	B	B	B	T	T (đối)
	B	B	T	T	T	B	B
Kết	B	B	T	T	B	B	T
	T	T	B	B	T	T	B

Chỉ dẫn : B phải là Bằng B Bằng có thể đổi ra Trắc.
T phải là Trắc T Trắc có thể đổi ra Bằng.

THƠ THẤT NGÔN TẮM CHỮ (Bát cú)

Câu đầu gọi là Phá.

Câu thứ nhì gọi là Thừa.

Câu thứ ba và câu thứ tư gọi là Thực (có đối).

Câu thứ năm và câu thứ sáu gọi là Luận (có đối).

Câu thứ bảy và câu thứ tám gọi là Kết.

Lưu ý: Theo luật Bằng Trắc, chữ thứ nhì câu 1 niêm với chữ thứ nhì câu 8.

Chữ thứ nhì câu 2 niêm với chữ thứ nhì câu 3

Chữ thứ nhì câu 4 niêm với chữ thứ nhì câu 5

Chữ thứ nhì câu 6 niêm với chữ thứ nhì câu 7

Bằng niêm với Bằng, Trắc niêm với Trắc.

Nên có câu lập thành : « Nhất bát, nhị tam tứ ngũ, lục thất ».

Dưới đây là một bài thơ Bát cú (Thất ngôn luật Trắc).

CHIỀU THU TỨC CẢNH

Phá	Thấp thoáng non tiên lác đác mưa
Thừa	Bút thần khôn vẽ thú tiêu sơ
Thực	Xanh om cỏ thụ tròn giương tán
(đối)	Trắng xóa tràng giang phẳng-lặng tờ
Luận	Bầu dốc quan sơn say chập rợp
(đối)	Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ
Kết	Biết bao tao khách tình đi lại
	Thấy cảnh này ai chẳng thần-thờ

THANH-QUAN

Dưới đây là một bài thơ Bát cú (Thất ngôn luật Bằng).

TẠP HỨNG

*Canh khuấy vắng vắng trống canh đồn
Trơ cái hồng nhan với nước non
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con*

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

THƠ NGŨ-NGÔN KHÔNG THEO ĐƯỜNG LUẬT

Dưới đây là thi đoạn đầu của bài thơ :

THÂN PHẬN MẸ CỦA SONG-TÂM

*Ngày em lọt lòng mẹ
Cất tiếng khóc chào đời
Người ôm em nức-nở
Ngoài trời mưa rơi rơi.*

Thi đoạn trên, Song-Tâm sáng tác không theo Đường luật. Thanh âm rất điệu, nhẹ nhàng nhất là câu thứ tư : Ngoài trời mưa rơi rơi.

Câu này dùng toàn chữ Bằng, vừa Đoản bình thanh (không dấu) vừa Trường bình thanh (có dấu huyền).

Thơ Ngũ-ngôn theo đường luật thời không có câu nào toàn tiếng Bằng.

Nay thử đặt lại thi đoạn trên theo Đường luật ta thấy mất ngay tự nhiên vì phải gò bó theo luật :

*Ngày em lòng mẹ lọt
Cất tiếng khóc chào đời
Nức-nở ôm em khóc
Mưa ngoài nặng hạt rơi.*

Tiếp đây xin ghi thêm về Đảo ngữ.

Làm thơ có thể đặt ngược các chữ. Thí dụ thay vì đặt xuôi câu : « Rút tên ra sỏ đoạn trường » Nguyễn-Du trong truyện Kiều đã hạ bút :

Đoạn trường sỏ rút tên ra.

Thuật dụng ngữ này, thi nhân gọi là « Đảo ngữ » vì vậy thay vì : « Ngày em lọt lòng mẹ » có thể viết « Ngày em lòng mẹ lọt ».

Thơ TỨ TUYỆT

Làm thơ 4 câu (tứ tuyệt) có thể theo luật Bằng Trắc 4 câu đầu hoặc 4 câu cuối hoặc 4 câu 3, 4, 5 và 6.

Dưới đây là một bài thơ tứ-tuyệt của Quách-Tấn đã tặng chúng tôi :

HOA ĐÀO

*Tắc dạ Lưu-lang hồng suốt nguyệt
Nụ cười Vương-mẫu thắm trời xuân
Ân-cần nhờ lượng chim thanh tước
Gởi chút tình thơm tạ cổ nhân.*

LỤC NGÔN THỂ

Lục ngôn thể là một bài thơ 8 câu, câu thứ 3 và câu thứ 4 chỉ có 6 chữ. Tỷ dụ như bài thơ dưới đây của Trạng-Trình Nguyễn-bình-Khiêm) :

NHÂN TÌNH THỂ THÁI

*Khó thì mặc khó có nài bao
Càng khó bao, càng chí anh hào
Đại địa đắp, Nam Nhạc khỏe
Cửu tiên thắm, Bắc thuần cao*

Lấy khi đầm ấm bù khi lạnh
 Nhớ thừa khô khan có thừa dào
 Kia nếu Tô-Tàn nghèo thừa trước
 Chưa đeo tướng ấn có ai chào.

Thơ LỤC BÁT

Thơ Lục-bát hay Thợng lục hạ bát tức là thơ trên sáu chữ dưới tám chữ.

Luật thơ Lục bát có thể theo khuôn khổ sau đây :

Câu lục : ○ B ○ T ○ B (vần)

Câu bát : ○ B ○ T ○ B T B (vần)

Chỉ dẫn : ○ Bằng hay Trắc cũng được.

B phải là Bằng.

T phải là Trắc.

B phải là Bằng và khác dấu với B nghĩa là nếu B là chữ có dấu huyền (tràng bình thanh) thì B phải là chữ không dấu (đoản bình thanh) trong câu bát.

B có thể là Trắc nếu có tiểu đối (trong câu lục.)

Thí dụ : *Lạ gì bỉ sắc tư phong*

Trời XANH quen thói má HỒNG đánh GHEN.

(không dấu)

(dấu huyền)

(không dấu)

Lơ thơ tơ liễu buông màn

Còn OANH học nói trên CÀNH mĩa-MAI.

(không dấu)

(dấu huyền)

(không dấu)

Lò cừ nung nấu sự đời

Bức TRANH vãn cầu vẽ NGƯỜI tang THƯƠNG.

Trải qua một cuộc bề giâu

Những ĐIỀU trông thấy mà ĐAU đớn LÒNG.

Vi lô san-sát hơi mau

Một TRỜI thu đề riêng AI một NGƯỜI (Kiều)
(dấu huyền) (không dấu) (dấu huyền)

Cởi xiêm lót áo chán-chường

Trước THẦN sẽ nguyện mảnh HƯƠNG làm RẪM.
(dấu huyền) (không dấu) (dấu huyền)

Tuy nhiên trong câu bát phần nhiều thi-nhân chỉ dùng chữ thứ 6 khác với chữ thứ 8.

Sự dân sóng gió bất kỳ

Hiếu TÌNH có lẽ hai BỀ ven HAI.

Sen tàn, Cúc lại nở hoa

Sầu DÀI, ngày ngắn, đông ĐÀ sang XUÂN. (Kiều)

Có âm-dương có vợ chồng

Dẫu TỪ thiên địa cũng VÒNG phu THÊ.

CUNG OÁN

Thơ Lục-bát cũng có khi dùng những chữ đối gọi là:
HIỆU-ĐỐI.

Trong câu lục, 3 chữ đối với 3 chữ :

Khi gió mát, lúc trăng thanh

Sương in mặt, tuyết pha thân.

Trong câu bát, 4 chữ đối với 4 chữ :

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

Bàn vây diêm nước, đường tơ họa vắn.

Bọt trong bề khỗ, bèo đầu bến mê.

Tham Kiềm : Những câu ca-dao lục bát đôi khi hạ vần Trắc :

Tò vò mà nuôi con nhện

Về sau nó lớn nó quyến nhau đi.

Thơ SONG-THẤT LỤC-BÁT

Thơ Song-thất Lục-bát hay Lục-bát gián thất là lối thơ bốn câu một : Hai câu bảy chữ ở trên rồi đến một câu sáu chữ và tám chữ.

Tuy là hai câu bảy chữ nhưng không theo luật Đường. Còn hai câu lục bát thì theo thể thơ lục bát đã nói ở trên

Luật thơ Song thất lục bát có thể theo khuôn khổ sau đây :

Câu thất trên :	○	○	T	○	B	○	T (v)
Câu thất dưới :	○	○	B	○	T (v)	○	B (văn)
Câu lục :		○	B	○	T	○	B (văn)
Câu bát :	○	B	○	T	○	B (v)	T B (v)
Câu thất :	○	○	T	○	B (v)	○	T

Chỉ dẫn : ○ Bằng hay Trắc cũng được.

B phải là Bằng.

T phải là Trắc.

B phải là Bằng và vần với nhau.

T Phải là Trắc và vần với nhau.

T thường là Trắc nhưng đôi khi đổi ra Bằng.

B Bằng và vần với chữ thứ 5 của câu thất (đặt dưới câu bát).

*Trải vách quế gió vàng hiu-HẮT,
Mạnh vũ-y lạnh NGẮT như ĐỒNG
Oán chỉ những khách tiêu PHÒNG.
Mà xui phận bạc nằm TRONG má ĐÀO.
Duyên đã may có SAO lại RỬI,
Nghĩ nguồn cơn dở-DỐI sao ĐANG.
Vì đâu nên nổi dở-DANG,*

*Nghĩ mình, mình lại thêm THƯƠNG nỗi MÌNH.
Trộm nhớ thua gây HÌNH tạo hóa,*

. CUNG-OÁN

Trong cách gieo vần của thơ Song-thất lục-bát có cả vần bằng và vần Trắc ở giữa câu (vần lưng hay yêu vận) và vần bằng ở cuối câu (vần đuôi hay cước vận).

Hai câu thất có thể đối nhau.

*Ánh đào kiếm đầm bông nảo chúng,
Khỏe thu ba dợn sóng khuynh thành.
Chìm đáy nước, cá lơ-dờ lặn,
Lửng da trời, nhạn ngằn-ngor sa.*

NHỮNG LỐI THƠ CẦU KỲ

Thơ luật có những lối cầu kỳ như : Thuận-ngịch-độc, Vĩ-tam-thanh và Song-điệp.

THUẬN-NGỊCH-ĐỘC là lối thơ đọc xuôi, đọc ngược toàn bài đều có nghĩa, nhưng phần nhiều âm điệu không lưu-luát

VỊNH CÚC

đọc xuôi

*Thanh-thu cảnh chiếm thú điền-viên,
Cúc nảo người thay vẻ lệ nhìn.
Mành lọt gió đưa hương nức cửa,
Trạo kè giếng dải ngọc lồng hiên.
Cành pho gấm dệt hoa cao thấp,
Đóa dải vàng thừa nụ dưới trên.
Tinh khách nức xôn đào với mện,
Xinh-xinh sắc cúc đậm đà duyên.*

đọc ngược

*Duyên đà-đậm cúc sắc xinh-xinh,
Mận vớỉ đào xôn nức khách tình.
Trên dưới nụ thừa vàng dải đoá,
Thấp cao hoa dẹt gấm phở cành.
Hiên lồng ngọc dải giăng kờ trạo,
Cửa nức hương đưa gió lọt màn.
Nhìn lạ vẻ thay người nảo cúc,
Viên-diên thú chiêm cảnh thu thanh.*

KHUYẾT-DANH

VĨ-TAM-THANH là lối thơ cuối mỗi câu đều có 3 tiếng viết giống nhau và thường khác dấu

TỰ GIÁC

*Tai nghe gà gáy tẻ-tẻ-te,
Bóng ác vừa lên hẻ-hẻ-hẻ.
Non một chồng cao von-vót-vót,
Hoa năm sắc nở loẻ-loẻ-loẻ.
Chim tình bầu-bạn kia-kìa-kìa,
Ong nghĩa vua tôi nhẻ-nhẻ-nhẻ.
Danh-lợi mặc người tí-tí-tí,
Ngủ trưa chưa dậy khoẻ-khoẻ-khoe.*

THU-ĐIÊN

SONG-ĐIỆP là lối thơ mỗi câu đều có 2 cặp tiếng đôi.

NGHĨA ĐỜI

*Vất-vất vợ-vợ cũng nực cười !
Cắm-cắm cúi-cúi có hơn ai ?
Nay còn chị-chị anh-anh đó,
Mai đã ông-ông mẹ-mẹ rồi.*

Có-có không-không lo hết kiếp,
Khôn-khôn đại-dại chết xong đời.
Chi bằng lão-lão lơ-lơ vậy,
Ngủ-ngủ ăn-ăn nói chuyện chơi.

KHUYẾT-DANH

Thơ MÀU SẮC

Dưới đây là một bài thơ Mới 4 câu của Thùy-Ao-Độ mỗi câu đều có một chữ về màu sắc :

Trả lại cho em màu HỒNG thơm mộng
Khung trời XANH có mây TRẮNG giăng đưa
Chiều lưa thưa lá VÀNG rụng dư thừa
Năm bất động dưới giàn hoa giấy TÍM.

Dưới đây là một bài tứ-tuyệt của Tố-Nữ mỗi câu đều có một chữ về màu sắc :

Rút sợi tơ VÀNG thêu chữ nhớ
Khăn HỒNG kỷ niệm lúc ra đi
Mây chiều áng TÍM tan rồi hiệp
Mắt ĐỎ hoen buồn cảm biệt ly.

Thơ NGŨ QUAN

Lữ khách ở đàng xa đi lại nghe tiếng (thính-giác) ai hát chầm-chầm. Tới nơi mới thấy (thị-giác) một người đang giã gạo ở ngoài sân. Lữ khách bước vào trong nhà thấy mấy đứa trẻ hớn-hở vui-tươi xúm quanh một nồi khoai mật vừa chín, khóỉ lên nghi-ngút, chúng vừa bóc vỏ vừa suýt-soa, vì tay chúng đang cầm củ khoai nóng (xúc-giác).

Trong nhà còn có một cụ già đang ngồi uống rượu với lạc rang vừa bùi (vị-giác) vừa thơm (khứu-giác).

Bức tranh màu quê trên được diễn tả bằng một bài từ-
tuyệt dưới đây của Tố-Nữ :

Cất tiếng chăm-chăm ai già gạo
Nồi khoai mật nóng, trẻ vui quanh
Mùi thơm rượu lạc, già tươi tỉnh
Bức họa màu quê cảnh đậm tình.

Thơ TƯỢNG HÌNH

Thi-sĩ Nguyễn-Vỹ trình bày một đàn cò đang bay trong bài :

HOÀNG HÔN

Một đàn
Cò con
Trắng non
Trắng non,
Bay về
Sườn non.

Gió giục,
Mây dồn,
Tiếng gọi
Hoàng hôn
Buồn bã
Ni non
Từ già
Cô thôn ...
Còn con
Cò con
Trắng non
Nào kia,
Lạc bầy,
Lại bay
Vào mây
Ô kia !

Chơ MỘT VẦN

Dưới đây là bốn câu thơ gieo cùng một vần :

*Xuân đến mừng cho Hoa,
Xuân đi tiếc cho Hoa,
Thương bao cánh hoa nở
Không gặp khách thương Hoa.*

BÚT-TRÀ

*
* *

THỦ-VĨ-NGÂM, LIÊN-HOÀN

Trong loại thơ cổ-diễn còn có hai loại thơ :

I.— THỦ-VĨ-NGÂM (câu đầu và câu cuối bài thơ giống nhau).

KHÓC ÔNG PHỦ VĨNH-TƯỜNG

TRĂM NĂM ÔNG PHỦ VĨNH-TƯỜNG ÔI !

Cái nợ ba-sinh đã trả rồi,

Chôn chặt vắn-chương ba thước đất,

Tung hê hồ thi bốn phương trời.

Cán cân tạo-hóa rơi đầu mất,

Miệng túi càn-khôn thắt lại rồi.

Hăm bảy tháng trời là mấy chốc,

TRĂM NĂM ÔNG PHỦ VĨNH-TƯỜNG ÔI !

HỒ-XUÂN-PHƯƠNG

II.— LIÊN-HOÀN (câu cuối thi đoạn trên giống câu đầu thi đoạn dưới).

Ngán nỗi nhà nho bọn hủ tã,

Hủ sao hủ gớm hủ ghê mà !

Phen này cái hủ xưa đi hết,

CỪ ĐỀ CƯỜI NHAU HỦ MÃI A ?

CỨ ĐỀ CƯỜI NHAU HỦ MÃI A ?

Cười ta ta cũng biết rằng ta,

Nay đương buổi học ganh đua mới,

Còn giữ lễ xưa mãi thế a ?

TRẦN-ĐỨC-VĂN

LỐI THƠ BUÔNG CHÔI

(mặc thuyết)

Lối thơ buồn chôi hay Mặc-Thuyết là lối thơ Đường.
câu nào cũng nói không hết ý (chăm chăm ở cuối).

BỐN THIẾU NỮ

Thấy gái hồng-nhan bỗng chốc mà ...

Hỏi thăm cô ấy chữa hay dữ ...

Hình dung yếu điệu in như thề ...

Diện mạo phương phi ngó thật là ...

Ăn mặc ra tuồng người ở chốn ...

Nói năng phải lẽ giống con nhà ...

Ước gì ta được mà ta đề ...

Ta đề đem về đề nữa ta ...

KHUYẾT-DANH

Thơ THẤT NHẤT

Nho-Sinh sáng tác một bài thơ 7 câu :

Câu đầu 7 chữ, câu thứ nhì 6 chữ, câu thứ ba 5 chữ,
và tiếp đến những câu sau cứ bớt lần mỗi câu một chữ và cuối
cùng chỉ còn một chữ :

Thi đoạn hai là bốn câu bảy chữ :

TÌNH ĐAU KHỔ

*Còn kẻ làm chi chuyện đã rồi
Tình, đau khổ lắm em ơi !
Thuyền về bến, nước xuôi
Đề mặc bèo trôi
Nén lòng người
Bạc với
Thời*

*Thời, kẻ làm chi chuyện đã rồi
Nhắc, lòng đau khổ lắm em ơi !
Thuyền về bến cũ, chim về tổ
Đề mặc mây ngàn, mặc nước trôi.*

NHO-SINH

Thơ MỚI

Thơ TỰ DO

Thơ XUÔI

THƠ MỚI, THƠ TỰ DO, THƠ XUÔI

Về mọi lãnh vực người ta thường nhận thấy : Tiến bộ phải đa diện chứ không thể phiến diện.

Có lẽ vì thế mà thơ Mới xuất hiện năm 1932 (đánh dấu bằng bài thơ TÌNH GIÀ (1) của Phan-Khôi) đã tiến từ bỏ nhiều phiến phức :

Không theo luật Bằng Trắc của thơ Đường.

Không theo số chữ trong mỗi câu của thơ Đường.

Không theo cách gieo vần của thơ Đường.

Hơn hai mươi năm sau, một số thi nhân nhận thấy thơ mới tuy không gò bó trong niêm luật của thơ Đường nhưng lại tạo ra một « luật mới ».

Năm 1955 nhà văn Minh-Huy đã cho ra đời cuốn « Luật thơ mới ». Luật thơ mới (8 chữ mỗi câu) có thể được tóm tắt như sau :

1	2	3	4	5	6	7	8
O	O	T	O	B	B	O	T

hoặc

O	O	B	O	T	T	O	B
---	---	---	---	---	---	---	---

O tức là bắt luận Trắc hay Bằng cũng được.

T bắt buộc phải Trắc.

B bắt buộc phải Bằng.

Thí dụ :

Rồi cả MỘT (T) thời XƯA (B) TAN (B) tác ĐỒ (T)
CHÉ-LAN-VIÊN

(1) Cõi bài thơ Tình-già ở cuối mục này.

Gậm một khối (T) cãm HỒN (B) TRONG (B) cũi SẮT (T)
THẾ-LỮ

Là thi - SĨ (T) nghĩa LÀ (B) RU (B) với GIÓ (T)
XUÂN DIỆU

Dầu oai LINH (B) hùng VĨ (T) THẤY (T) gì ĐAU (B)
CHẾ-LAN-VIÊN

Nhớ cảnh SƠN (B) lâm BÓNG (T) CẢ (T) cây GIÀ (B)
THẾ-LỮ

Đề linh HỒN (B) ràng BUỘC (T) BỜ (T) muôn DÂY (B)
XUÂN-XUÂN

Vào khoản năm 1956 các thi-sĩ Thanh-Tâm-Tuyền, Nguyên-Sa, Xuân-Phong v.v.. có lẽ cho rằng bỏ luật thơ Đường lại tạo ra luật thơ mới thì chung quy vẫn chưa thoát khỏi khuôn khổ gò bó trong câu thơ, nên chủ trương :

Thơ hôm nay (thơ Tự-do) là cả một vòm trời mới đầy xáo động khác hẳn thơ hôm qua (thơ Mới).

Thời đại đòi hỏi những khám phá mới. Thơ Tự do phải thoát ly mọi công thức nhưng không lập dị.

Đọc thơ Tự do nhận thấy :

Khi có vần, khi không vần, lúc nói toạc ra một cách táo bạo hay TRẦN TRUÔNG (quá rõ ràng), lúc lại quá KHÉP NẾP (tối tăm) khiến người đọc gặng suy luận mà vẫn thấy bí hiểm, tuy nhiên phải công nhận là thơ Tự do có cái nhìn đặc biệt cho nên thẩm-mỹ-quan có nhiều khía cạnh Đẹp trong cái Lạ. Có lẽ thi-sĩ Tự do đã biết khai thác những giọng tư tưởng ngả về khuynh hướng (lãng mạn, tượng trưng, tả thực, hiện sinh...).
Đề dẫn chứng, xin đọc 3 bài thơ Tự do dưới đây :

ĐẠ KHÚC

A-h sợ những cột đèn đỏ xuống
Rời giây điện cuốn lấy chúng ta
Bóp chết mọi hy vọng
Nên anh dìu em xa
Đi đi chúng ta đến công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau
Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Đề anh được làm thi-sĩ
Hay nửa đêm Hà nội
Anh là thằng điên khùng
Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới
Chiếc kèn hát mãi than van
Điệu nhạc gầy náu nhau tuyệt vọng
Sao tuổi trẻ quá buồn
Như con mắt giận dữ
Sao tuổi trẻ quá buồn
Như bàn ghế không bầy
Thôi em hãy đứng dậy
Người bán hàng đã ngủ sau quầy
Anh đưa em đi trốn
Những dầy vò ngày mai.

THANH-TÂM-TUYÊN

NGƯỜI YÊU

«Người yêu của tôi ơi
Tóc em là một cung điện
Mà hoàng đế là bóng tối

Trán em là một mớ hoa bay
Đầu em là một rừng cây sống
Đầy chim chóc ngủ mơ
Vú em là những ô ong trắng
Trên nhánh của người em
Thân thể em đối với tôi là tháng tư
Trong nách là sự đến gần của mùa xuân
Đùi em là những con bạch mã cột vào chiếc
Ngựa xa của những vì vua chúa . . . »

NGUYỄN-SA

LUÂN HỒI

Đêm nay
Một vì sao mắt mở to
Không đủ làm giàu
Lối mòn nghèo nàn xác lá

Mảnh đêm không lồ
Trùm lên nghĩa địa
Có linh hồn nào
Vươn khỏi mộ phần nhìn tinh cầu
Đôi mái rạ bờ phò
Bên hàng cây thất thểu

Không trèo lên nổi trời cao
Không chui xuống tận cùng trái đất
Quanh quần địa ngục lòng mình
Làm sao thoát làm sao

Tiếng gà lên
Đường về âm cảnh
Chập chờn bóng ma
Ồi chừng nào ra khơi.

XUÂN-PHONG

Thi-sĩ Thanh-tâm-Tuyền quan niệm rằng : Thơ hôm nay không dừng lại ở thơ phá thể, thơ hôm nay là thơ Tự-do mà cực điểm của thơ Tự-do là thơ Xuôi.

Năm 1929 thi-sĩ Mai-Trung-Tĩnh cho ra đời cuốn NHỮNG BÀI THƠ XUÔI gồm 22 bài, dưới đây xin trích một bài :

KHI NHÌN VỀ CHÂN TRỜI

*Tôi, con quốc mùa hạ đứng kêu gào tiếng khản,
lưỡi cũng giộp khô cong và mắt đỏ trông tím,
Bấy nhiêu lần tôi thâm thiết than van tưởng kiếm
được giang san tôi đã mất, nhưng hạ lại sắp tàn.
Ôi nhanh chóng ! cho thu đông lừa gió rét ở trong
không. Tôi rời rã ngày đêm tưởng tiếc cảnh nước
xưa huy hoàng tráng lệ. Đôi cánh tôi đã nhiễm mỗi
gió thời gian, vầng trán phẳng phiu giờ khắc nhẵn
vết già nua đe dọa. Trời xanh mây trắng vẫn trời
xanh. Chấn nản bao vây, tôi hờ hững ngó quanh nghe
rền vang tiếng bọn ve sầu la thỏa thích. Tôi chợt
buồn nghĩ rồi ra có giữ mãi được hè chẳng.
Chiều đốt lửa ở chân trời như khởi sự cuộc hỏa
thiêu thành quách. Đứng im nhìn thêm nặng mỗi
phiên đau tử hận, tôi điềm nhiên nâng mình bay
nốt quãng đời tôi.*

*
* *

Về thơ Mới đã có rất nhiều sách khảo luận.

Về thơ Tự-do cũng đã có sách phê bình (Những nhà thơ hôm nay của Nguyễn-đình-Tuyển 1964.)

Thơ Việt hiện-đại của Uyên-Thao (1969) v.. v..

Về thơ xuôi, chúng tôi chỉ xin trích một câu của BAUDE LAIRE và một câu của LAUTRÉAMONT làm cân cân suy nặng nhẹ:

Quel est celui de nous qui n'a pas, dans ses jours d'ambitions, rêvé le miracle d'une PROSE POÉTIQUE, musicale sans rythme et sans rime, assez souple et assez heurtée pour s'adapter aux mouvements lyriques de l'âme, aux ondulations de la rêverie, aux soubresauts de la conscience ?

BAUDELAIRE

Người nào trong chúng ta, trong những ngày đầy cao vọng, mà chẳng mơ tưởng đến nhiệm màu của một thể thơ Văn Xuôi có nhạc tính, không nhịp, không vần, đủ mềm dẻo và khá động hạp với những uyển chuyển của tâm tình, những thăng trầm của mệnh mị, những xúc động đột ngột của ý thức.

Il n'existe pas deux genres de poésies.

Il n'y en a qu'une.

LAUTRÉAMONT

Không có hai loại thơ Thơ văn vần và Thơ văn xuôi chỉ có một mà thôi.

Theo bình luận gia Lautréamont có thể cho rằng :

Đã là Trăng thì không thể là Sao, dù rằng Trăng và Sao đều là Thiên-Thê. Đã là thơ (Vận văn) thì không thể là Văn Xuôi (Tản văn) dù rằng cả hai đều là Văn-Chương.

TÌNH GIÀ

*Trên mười bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh kề
nhau than thở,*

— « Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau
hắn đã không nặng,

Đề đến nỗi tình trước phụ sau, chỉ cho bằng sớm liệu mà
buông đi ! »

— « Hay nói mới bạc làm sao chứ ! Buông nhau làm sao
chờ nữa ?

Thương được chừng nào hay chừng ấy, chẳng qua Ông
Trời bắt đôi ta phải vậy !

Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy
chung ! »

.

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau, Đôi
cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung, dễ có nhìn ra được ?

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt
còn có đuôi.

PHAN-KHÔI

Gieo Vần Thơ Việt

ĐỒ BIỂU CÁC THANH TRONG BÀI THƠ



ĐỒ BIỂU CÁC THANH TRONG BÀI THƠ

Tiếng Việt thuộc loại đơn âm (monosyllabique) tức là một âm một tiếng.

Theo học-giả Ưu-Thiên Bùi-Kỷ thời mỗi tiếng chia ra 6 thanh :

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| 1. — Đoản bình thanh | tiếng không dấu |
| 2. — Trạng bình thanh | tiếng có dấu huyền |
| 3. — Thượng thanh | tiếng có dấu sắc |
| 4. — Khứ thanh | tiếng có dấu ngã |
| 5. — Nhập thanh | tiếng có dấu hỏi |
| 6. — Hạ thanh | tiếng có dấu nặng. |

Theo học-giả Hư-Chu, tiếng Việt có 8 thanh độ chia làm 2 loại:

— Loại bình : Thượng bình (chữ không dấu : tan).
Hạ bình (chữ có dấu huyền : tàn).

— Loại trắc : Thượng thượng (chữ có dấu sắc nhưng không có hậu phụ âm t, p, c, ch.)

Hạ thượng (chữ có dấu ngã : tãn).

Thượng khứ (chữ có dấu hỏi : tẩn).

Hạ khứ (chữ có dấu nặng nhưng không có hậu phụ âm t, p, c, ch : tạn).

Thượng nhập (chữ có dấu sắc và có hậu phụ âm t, p, c, ch : tác).

Hạ nhập (chữ có dấu nặng và có hậu phụ âm t, p, c, ch : tạc).

Theo học-giả Xuân-Quang một tiếng chia ra 4 thanh và mỗi thanh lại chia ra bốn độ nên có 8 thanh :

- | | | |
|--------------|---------------------------------|-------|
| Bậc 1 Bình | (bằng) những tiếng không dấu | |
| Bậc 2 Bình | (trầm) những tiếng có dấu huyền | (ˉ) |
| Bậc 3 Thượng | (bằng) những tiếng có dấu hỏi | (ː) |
| Bậc 4 Thượng | (trầm) những tiếng có dấu ngã | (ˊ) |

Bậc 5 Khư (bờng) những tiếng có dấu sắc (/)
 Bậc 6 Khư (trăm) những tiếng có dấu nặng (.)
 Bậc 7 Nhập (bờng) những tiếng có dấu sắc (/)
 và tận cùng bằng c, p, t.
 Bậc 8 Nhập (trăm) những tiếng có dấu nặng (.)
 và tận cùng bằng c, p, t.

Theo trên có thể xếp gọn lại như sau :

8	Những tiếng tận cùng bằng c, t, p, và có dấu nặng (.)	T	NHẬP
7	Những tiếng tận cùng bằng c, t, p, và có dấu sắc (/)	B	
6	Nặng (.)	T	KHƯ
5	Sắc (/)	B	
4	Ngã (~)	T	THƯỢNG
3	Hỏi (?)	B	
2	Huyền (\)	T	BÌNH
1	Không dấu	B	

Nếu chia 8 cung bậc như trên, chúng ta có thể vẽ một đồ biểu các thanh trong một câu thơ hoặc cả một bài thơ bằng cách.

Chữ nào không dấu (như ta) đặt ở cung bậc 1
 Chữ nào có dấu huyền (như tà) đặt ở cung bậc 2
 Chữ nào có dấu hỏi (như tả) đặt ở cung bậc 3
 Chữ nào có dấu ngã (như tã) đặt ở cung bậc 4
 Chữ nào có dấu sắc (như tá) đặt ở cung bậc 5
 Chữ nào có dấu nặng (như tạ) đặt ở cung bậc 6

Chữ nào có dấu sắc và tận cùng bằng c, t, p, như tác, tát, tấp đặt ở cung 7

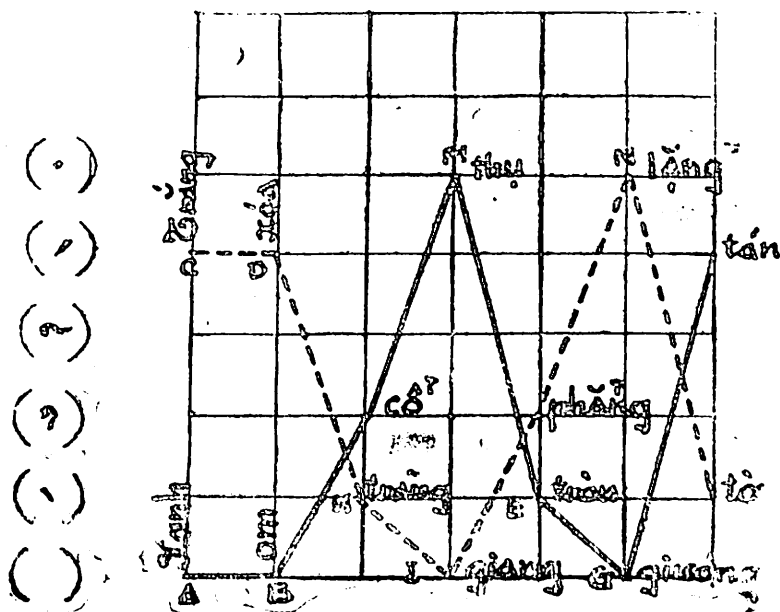
Chữ nào có dấu nặng và tận cùng bằng c, t, p, như tạc, tạt, tấp đặt ở cung 8

Nhiều thi gia cho rằng thơ không có âm điệu không phải là thơ. Muốn có âm điệu tất nhiên phải lựa chữ. Chữ tức là tiếng và mỗi tiếng tùy theo nặng nhẹ hay trầm bổng có đến 8 thanh. Vì vậy lựa chữ là cả một vấn đề quan trọng.

Lập đồ biểu câu thơ chính là để dễ thấy trầm bổng của mỗi chữ trong câu thơ.

ĐỒ-BIỂU 2 CÂU THƠ CỦA BÀ HUYỆN THANH-QUAN

*Xanh om cỏ-thụ tròn giương tán
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.*



- Cùng 8 Tiếng có dấu nặng (◌) tận cùng bằng p, t, c, ch.
- 7 Tiếng có dấu sắc (◌) tận cùng bằng p, t, c, ch.
 - 6 Tiếng có dấu nặng (◌) thụ, lạng
 - 5 Tiếng có dấu sắc (◌) tán, trắng, xóa
 - 4 Tiếng có dấu ngã (◌)
 - 3 Tiếng có dấu hỏi (◌) cồ, phẳng
 - 2 Tiếng có dấu huyền (◌) tròn, tràng, tờ
 - 1 Tiếng không dấu (◌) xanh, om, giương, giang

Nhờ lập đồ-biểu mới dễ thấy đặc điểm của hai câu thơ là :

Hai tiếng đầu câu trên XANH OM đều không dấu.

Hai tiếng đầu câu dưới TRẮNG XÓA đều có dấu sắc, bởi vậy đã tạo nên sự cân xứng của hai đường thẳng A B và C D (bằng nhau và song song).

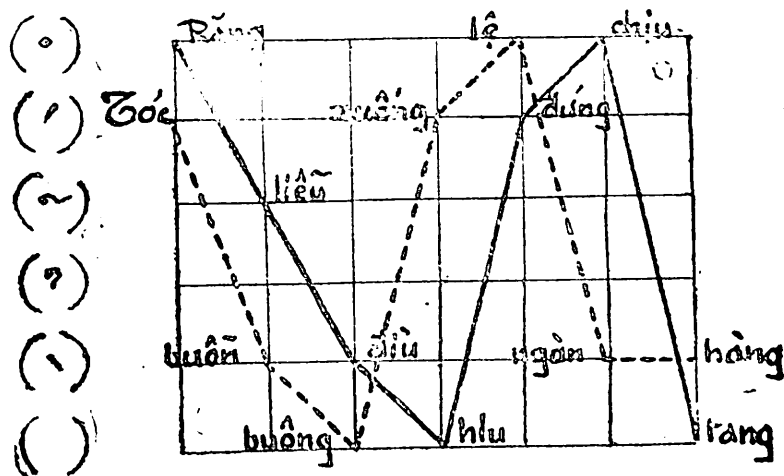
Hai tiếng TRÒN GIƯỜNG (một chữ có dấu huyền, một chữ không dấu) trong câu trên và hai tiếng TRÀNG GIANG (một chữ có dấu huyền, một chữ không dấu) trong câu dưới đã tạo nên sự cân xứng của hai ĐƯỜNG XIÊN GÓC E G và H I (bằng nhau và song song).

Ngoài ra chữ có thanh cao nhất trong câu trên là chữ có dấu nặng (THỤ) và chữ có thanh cao nhất trong câu dưới cũng là chữ có dấu nặng (LẶNG), thành thử đỉnh góc M và N đều cao bằng nhau.

Nhất chảng vì vậy mà đã có phê-bình gia cho rằng trong các bài thơ của Bà Huyện Thanh-Quan, hai câu thơ trên được coi như là du-dương nhất về âm-điệu.

ĐỒ BIỂU HAI CÂU THƠ CỦA XUÂN-DIỆU :

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng.

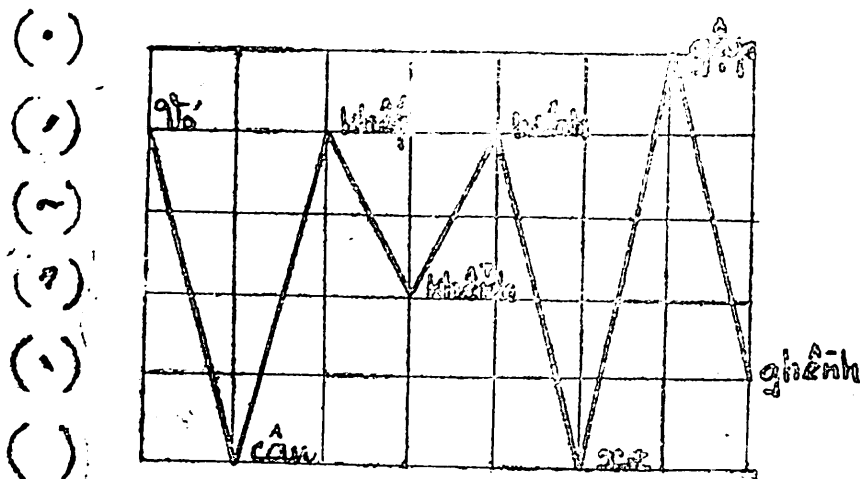


Nhờ lập đồ-biểu mới dễ thấy câu trên và câu dưới đều có bốn chữ cùng dấu đi liền nhau, vì vậy mà thanh âm hai câu thơ của Xuân-Diệu rất nhẹ và êm.

Huyền	Không dấu	Sắc	Nặng
đìu	hiu	đứng	chịu
buồn	buông	xuống	lệ

ĐỒ BIỂU CÂU THƠ CỦA THI HÀO NGUYỄN-DU

Vó câu khắp khềnh bánh xe gặp ghềnh.



Đồ biểu câu thơ ghi thanh âm lên xuống tiêu-biểu rõ ràng sự nhịp khềnh trên con đường thiên lý gồ ghề.

TỔ NỮ
XUÂN NGHỊ
x

CHỈ NGŨ SẮC

Thời Gian Không Gian

TIỀN CHIẾN

CHỈ NGŨ SẮC

Một mớ chỉ đủ màu :

Xanh, đỏ, trắng, vàng... hay là một tập văn không đầu đề, chỉ lấy số sợi để đánh dấu bài.

*Có lẽ Xanh thuộc Khuynh hướng Lãng-Mạn,
Đỏ : Hiện-sinh, Trắng : Tả-thực, Vàng : Tượng-trưng...*

Bạn không ưa màu Xanh, Tất ưa màu Đỏ.

*Bạn không ưa màu Đỏ, tất ưa màu Vàng...
Và nếu tất cả các màu : Xanh, Đỏ, Trắng, Vàng... Bạn
đều không ưa, thòì... có lẽ Bạn... khó tính.*

Bình bút của : NGUYỄN-ÁI-VĂN

Chí Ngũ Sắc

SỢI TRẮNG SỐ 1

*Bơ-Vơ' ngơ-ngác thẩn-thờ,
Buồn trông nhà trống vườn trơ cây tàn.
Ngõ bùn dậu ngà đường trơn,
Ruộng hoang đình đồ kiều oằn quán xiêu.*

SỢI XANH SỐ 2

Tim này đã rạn anh ơi.
Xin khoan rung-dông mảnh rời em van.
Chùng tơ lạc phím sương hàn,
Gợi chi sâu úa cung đàn năm xưa.

SỢI XANH SỐ 3

Biệt ly chết nửa cõi lòng,
Anh đi em ở hai dòng lệ theo.
Anh đi giữa lúc nắng chiều,
Nhuộm vàng cảnh lá tiêu-diêu lòng em.

SỢI VÀNG SỐ 4

Nàng Tiên rắc phàm vàng xanh đỏ,
Rắc xuống trần gian nhuộm Tết xuân.
Pháo đỏ chưng xanh vàng cúc thọ,
Nêu cao cử nhạc khánh rung ngân.

SỢI VÀNG SỐ 5

Ôm cầm đối-diện cùng vui gượng,
Khúc oán tình lời nảo-nuột hờn.
Thồn-thức tỳ bà dây dớm máu,
Hoi đàn lỗi nhịp nửa vời than.

SỢI TRẮNG SỐ 6

Muốn ép mùa đông thâu ngắn lại
Cho xuân tới sớm thúc hoa khai.
Ngày nay muốn ép ngày mai giống,
Giống cả những ngày sắc chưa phai.

SỢI TRẮNG SỐ 7

Người buồn cảnh có vui đâu nhỉ!
Một mảnh sầu riêng quả chín muộn.
Mất lệ ưu phiền hoa nhị héo,
Tơ duyên điều cốt liễu đôi mươi.

SỢI ĐỎ SỐ 8

Nghiêng nghiêng, ngả ngả tàu say sóng
Thủy thủ trơ trơ, vượt Đại dương.
Gió gió, mưa mưa, đầu quân ngại,
Sóng lòng cuộn cuộn nhớ quê hương.

SỢI VÀNG SỐ 9

Quá khứ trôi lăn sang hiện tại,
Thờ ơ hiện tại đón tương-lai.
Xưa nay chuyển tiếp bao vang bóng,
Sống gửi trần-gian khóc lẫn cười.

SỢI VÀNG SỐ 10

Hoa đã dậy thì trong gió lạnh,
Hoa chờ nhiệt độ nắng vàng tươi.
Nhựa xuân kích-thích hoa mau nở,
Hàm tiêu duyên duyên hoa mỉm cười.

SỢI TRẮNG SỐ 11

Sân ngoài đập lúa mồ hôi tắm,
Giúp sức trâu cày nắng nhuộm da.
Tối xuống màn trời xây mộng đẹp,
Hoa cau ướp gió thú quê nhà

SỢI VÀNG SỐ 12

Ngọn cỏ bông lau nghiêng đón gió,
Dây diều căng thẳng sáo vi-vu,
Bềnh-bồng lướt sóng con thuyền nhẹ,
Áo lụa tà xanh lộng gió thu.

SỢI ĐỎ SỐ 13

Cô hàng lọc tách cà phê đắng,
Khách lỡ đường qua suối ẩm lòng.
Hỏi truyện gần xa tàn điệu thuốc,
Chia tay ướp hỏi nhắn gì không?

SỢI VÀNG SỐ 14

Mây thưa én chiếc buồn bay liệng,
Nắng héo tơ sầu bướm lẻ đôi.
Ngõ cũ thăm dò người khách lạ,
Tình xưa đợi nở cánh hoa môi.

SỢI ĐỎ SỐ 15

Em nghe pháo Tết năm vừa cuối,
Rạo-rực nhìn hoa đón gió đông.
Pháo Tết em nghe mười tám bận,
Một lần pháo cưới lẽ tơ hồng.

SỢI ĐỎ SỐ 16

Pháo cưới mừng em xao-xuyến quá,
Hương nồng sắc thắm rực đầy sân.
Uyên-trong hạnh-phúc tơ hồng kết,
Pháo cưới mừng em chỉ một lần.

SỢI VÀNG SỐ 17

Biên thư mực cạn hòa thêm nước,
Chữ lạt tình nồng chị thứ cho.
Chị ở xa-xăm em nghĩ cạnh,
Yêu nhau lấy thước khó mà đo.

SỢI VÀNG SỐ 18

Đồng xanh diềm trắng cò bay liệng,
Gợn sóng mênh-mông ruộng lúa vàng.
Nước biếc chân trời hồng vãn lục,
Tháp Chàm tím ngắt cảnh huy-hoàng.

SỢI ĐỎ SỐ 19

Bãi chiến trường đất xông mùi thuốc đạn,
Quện hơi tanh muôn vạn xác quân phơi.
Đáy cánh tay vươn cạnh chiếc đầu rơi
Bao oán hận ngập trời bên lửa đỏ.

oOo

Tiếng kèn thúc « Tiến lên! » rộn-rã,
Tôi say sưa, say thuốc đạn quên mình.
Nuốt cảm hờn, hời muôn vạn anh linh,
Hãy phò trợ tôi xin thề báo hận.

oOo

Bom nổ, đạn bay, trời vang, đất động,
Vác súng đi, ai dám hẹn ngày về?
Tôi đã về... Tay chống nạng, chân lê,
Nhưng quyết mạnh, đề ngày mai quyết thắng.

TỔ NỮ
XUÂN NGHỊ
★

CHI NGŨ SẮC

Thời Gian Không Gian

HIỆN ĐẠI

SỢI VÀNG SỐ 20

Vũ trụ âm thanh,
Kho tàng màu sắc,
Làm giàu nhạc điệu thi nhân.
Vũ-trụ không dành riêng cho
Yêu thương khóc cười hờn ghét.
Vũ-trụ là tất cả,
Vàng, cám, gạo, bạc,
Tàu chuối ướt, đọt môn khô,
Tiếng chim, tiếng sáo, tiếng suối,
Pha thêm tiếng lá chèn nhau suối nắng,
Đậm thêm tiếng nước mắt dập tắt lửa lòng.
Xao-xuyến vì sắc quặng màu tro.
Vũ-trụ là đá xanh vô tri,
Cỏ khô vàng úa lẫn cỏ măng non.
Vũ-trụ là của chung thiên hạ,
Từ con Kỳ-Đà-long (1) tiền sử,
Đến con dế mèn đương kim.
Vũ-trụ ần trong con người thi nhân. (2)

SỢI TRẮNG SỐ 21

Sương sa đêm gần đông,
Trời dăng mây sao mờ.
Không gian im như tờ,
Tuy còn thu trăng không,
Đêm nay canh thâu,
Đêm mai vương sầu.

(1) Kỳ-Đà-long : *Brontosauire*

(2) *Un poète est un monde enfermé dans un homme.* (Victor Hugo).

SỢI ĐỎ SỐ 22

Chân bước
Nhịp theo
Mổ guốc
Không giờ
Phổ buồn
Vắng teo.

Rạp tuồng
Hát vãn
Phổ đầy
Tiếng guốc
Tiếng dép
Tiếng giày.

Lốp người
Ba hạng
Chân guốc
Chân dép
Chân giày.

Cùng xem
Hát bội
Tam quốc
Đấu tranh
Đàn anh
Đàn em
Và đàn
Chim non.

SỢI VÀNG SỐ 23

Khúc oán đồn kìm,
Nhạc loi buông chìm,
Chăm chăm rồi lặng.
Tim đứng. Em ngờ
Không gian ngắt thờ.
Gió cánh chim trời thấu chẳng?

SỢI TRẮNG SỐ 24

Trời nóng mùa hạ,
Bên cồn Vỹ-Dạ,
Cây cối thức trong ánh nắng sáng chói.
Đầm sen hoa tươi thơm nồng trên màu lục đậm,
Góc vườn đỏ chen xanh hoa Phượng-Vỹ.
Cồng ngõ đu đưa tàu dừa hầu quạt,
Chó vá nằm lười bên gốc chuối mật mốc.
Ba bốn năm lá khô trên cao rớt,
Quay quay quay như chong chóng.
Chập chờn, chập chờn như bướm khiêu vũ,
Cùng sà xuống đất đua trượt dài một hai quãng.
Hết hơi im-lìm bất động bên rào thưa,
Dưới hiên mát đêm dài,
Đẹp như thiên-thần con mẹ còn ngồi,
Chưa chịu ngủ cười.
Mẹ hiền hai tay cầm bốn tao nôi,
Nặng con điệu hát ru:
À... ời... ời...
Tao thẳng,
Tao dúi,
Tao nhớ,
Tao thương.

SỢI VÀNG SỐ 25

Thả hồn bên mẹ,
Mây tan nhẹ-nhẹ ?
Lá sen hứng lệ,
Rượu cúc lười tê.
Em ơi có hay,
Không gió cò đâu bay,
Không rượu thơ đâu hay.

SỢI ĐỎ SỐ 26

T.
N.
M.
Bu
Vợ
—
Bạn
— I
Nợ ?
— Gắng trả
Tình ?
— Đừng vay
Hai đứa
Quá say.

SỢI TRẮNG SỐ 27

Đồng xanh
Con cò trắng
Lúa vàng
Lưng rám nắng.

Mồ hôi đỏ
Mồ cơm đỏ.
Thành-thời
Ngồi ăn cơm tám
Khóc cười
Tiền người vẫn hám.

SỢI VÀNG SỐ 28

Hoa nở khắp nơi,
Hoa nở trên đồi.
Hoa nở cuống mắt,
Hoa nở cánh môi.
Kết hoa ngọn cờ,
Vòng hoa chiến thắng.
Đất nước đang chờ,
Hoa nở khắp nơi,
Hoa tay Thọ Trời.

SỢI ĐỎ SỐ 29

Hẹn em sáng mai tám giờ,
Tới vườn bách thảo anh chờ.
Em cười không từ chối,
Bên người yêu,
Còn gì hơn,
Đời đẹp như gấm thêu,
Ngày mai mặt trời sẽ dậy sớm.
Đỏ tươi hơn ngày thường,
Đất sẽ quay chậm lại.
Thời gian bên em được thêm dài,
Sau một đêm thao-thức.
Bây giờ rước anh tới chỗ hẹn,
Bóc bao thuốc SALEM

Anh châm một điều,
Thả làn khói thơm.
Trông chờ em,
Lưng tựa ghế đá,
Miệng hút thuốc lá.
Thuốc cháy đều đều,
Bảo bọc trang đầu.
Qua trang ruột,
Lật trang cuối.
Miệng hút thuốc,
Thuốc cháy khói,
Khói nhẹ bay.
Điều thuốc chót tàn,
Mặt trời vừa đứng bóng.
Em không đến,
Ước hẹn những gì ?
Nay còn chi.
Chỉ còn nhựa vàng nhuộm đầu ngón tay,
Kỷ niệm đắng một bao thuốc thơm.
Một ý đen thoảng qua,
Hay... Hay em không đến,
Vi... Vi ĐOLA.

SỢI XANH SỐ 30

Hoa lan em gửi tặng anh,
Anh treo trước gió.
Gió đưa hương,
Hương bay dịu ngát.
Ngát thơ mộng,
Mộng thấy,
Tiên nga dệt chữ tình.

SỢI VÀNG SỐ 31

Thơ viết nơi trần tục
Gửi Chị Nguyệt Cung Tiên
Do Phi-Thuyền (1) đưa tới :
Mặt Đất nứt nẻ
Lòng Đất lửa nung
Mặt Người lạnh lùng
Lòng Người quái gờ
Lắm tiền đòi mua Tiên
Em, ít tiền
Ước vọng : thành Tiên
Tránh nơi trần-tục
Xin Chị Nguyệt đôi cánh !

SỢI VÀNG SỐ 32

Áo tím cài hoa tím
Mắt buồn vọng phương xa
Lệ sa thấm áo tím
Xuyên qua da
Ngắm thấu tim
Tim tím tím.

SỢI XANH SỐ 33

Đều đều,
Mưa rơi,
Đầy vui.
Tình yêu,

(1) Phi-thuyền APOLLO II.

Ngẫu hứng giữa lúc hai phi hành gia Mỹ đặt chân đầu tiên trên
Nguyệt-cầu (21-7-1969).

Mây thưa trôi về đâu.
Tìm ruong ai âu sầu,
Trăng mơ trên không trung,
Sao buồn rơi vào lòng.

SỢI XANH SỐ 34

Người mới làm thơ mới,
Mở rộng chân trời lạ.
Không niêm đối,
Không gieo tréo,
Chẳng gieo ôm.
Không vần đầu
Không vần cuối
Chẳng vần lưng
Nhưng vần ần, vần hiện,
Vần buông trôi,
Vần hững hờ,
Vần lững lơ.
Khăng khít đề
Tình thơ vẫn vương,
Kết bạn bốn phương.
Gởi tâm sự cho
Suzanne PARIS.
Gợi cảm thương cùng
Suzy NEW-YORK.
Gọt thơ Luật,
Dũa thơ Mới,
Trạm thơ Tự-do,
Trò thơ Xuôi.
Thi nhân năm châu,
Ái sủng từ lâu,
Say đắm mộng mơ,
Ca khúc giao duyên
Trân tặng NÀNG THƠ.

TỔ NỮ
XUÂN NGHỆ
☆

CHỈ NGŨ SẮC

THỂ XUÔI

Sợi vàng Sắt 35

Tôi là một đứa người rất kỳ-khôi, vì không những muốn nuôi thân-thể cho sống, bằng cách ăn uống, lại ham nuôi cả mắt cả tai.

Mắt tôi, tôi nuôi bằng ánh sáng, bằng các màu sắc, bằng sự cao cả trong công tác cứu-thể của một đảng Thiêng-Liêng...

Tôi nuôi tai tôi bằng những âm-thanh trong vũ-trụ của nước suối reo, của sóng biển vỗ... và những tiếng đàn, tiếng sáo ngân trong gió...

Những mùi lúa cốm tháng tám, những mùi nhị-sen tháng năm cũng như mùi thủy-tiên tháng Tết, cũng là món ăn cho linh hồn tôi mà luôn luôn tôi cầu nguyện để tranh đấu với ma quỷ và tránh sự nô-lệ của đồng tiền.

Sợi trắng Sắt 36

Chiếc màn đen nhạt không-lờ giăng trên khung trời tang, nước sông bên dưới bị ảnh-hưởng thành đục.

Đò chợ bữa ấy đã đông, bác lái đò vừa dẫm chân xuống nước để đẩy đò ra xa vì gần bến nước cạn, thò trên đê cao, một ả trong xóm khuôn mặt tròn-trĩnh, da bánh mật, má bánh đúc, quần vải thâm, áo xồi nâu, tay cầm cái rồ, nhi-nhảnh như

chim khuyên, nhầy bở xuống bến, vừa cười vừa hát và dơ tay vẫy :

*Khoan khoan chú lái dò oí,
Cho tôi xuống với, kéo trờì gần mưa.*

Bác lái dò một trai trắng, vạm-vỡ tươi-tĩnh, cặp mắt lanh-lợi, cùng tuổi với ả và chẳng khác một chim khuyên thứ hai cất tiếng đáp lại :

*Trời mưa mà chợ đã trưa,
Mau mau chị xuống, tôi đưa sang bờ.*

Tôi cũng đi trong chuyến dò ấy, nghe xong lời thơ của đôi bạn trai gái, tôi nghĩ đến một bức tranh :

« *Trai gái quê sống trong thời bình* »

Sợi vàng Số 37

Tôi yêu nước, tôi tha thiết yêu nước.

Tôi yêu nước với một tấm lòng thành thật vô biên.

Tôi yêu nước nên đã ao-ước hóa loài thủy-tộc để ngày đêm được vẫy-vùng trong sông rộng và biển cả.

Nhưng theo luật thiên-nhiên, cá sông chỉ được phép yêu nước ngọt để nhường cá biển tha hồ yêu nước mặn.

Thật lòng yêu nước, Trời cũng không cho loài động vật được tự do !

Sợi trắng Sđ 38

Một cây đa nhiều tuổi thả từ trên cành xuống, những sợi râu dài. Có sợi gần sát đất, có sợi dài quá, dài quá vì nó đã ăn sâu hẳn xuống một thế giới khác đề trà-trộn với đám rễ lớn, bé đang kiếm ăn.

Người ta lại thấy những sợi lơ-lửng trên đất như muốn đánh ghen với đám liễu của vườn Nguyễn-Du lơ-thơ buông-mành...

Trên bờ, cây đa thời thế, còn dưới sông.

Chiếc đò cắm sào ở bến, sóng đập vào mạn đò làm nổi bật những âm thanh giữa yên-lặng và thiêng-liêng. . Những âm-thanh hay tiếng kêu chun-chút của trăm nghìn cái hên đặt trên má đò hung-hung ửng đỏ bởi ánh mặt trời.

Cây đa nhiều tuổi sừng-sững đứng trên bờ một cách hiên-ngang. Chiếc đò mới đóng, hai má còn sạch bóng, khép-nép dưới bến đợi khách.

Khách, một thi-nhân miền Trung, một linh-hồn dễ cảm-xúc, một ký-ức đầy kỷ-niệm không thể quên câu :

Trăm năm dù lỗi hẹn hò,

Cây ả bến cũ con đò khác đưa.

Sợi vàng Sđ 39

Cá sông vẫy-vùng trong nước ngọt.

Cá biển hiên ngang trong nước mặn.

Còn một loài cá nữa chỉ cầm tù trong chậu thủy tinh, hoặc trong bể cạn, cơ thể yếu ớt nếu không có bàn tay Người săn-sóc thì không sống được, ấy là những con cá mặc áo Vàng hoặc khoác áo Bạc.

Cười trắng Sổ 40

Chú tiều Tý được Sư Thầy nhận cho nhập môn đã gần nửa năm. Chú Tý thông-minh, ít nói, chăm-chỉ. Tất cả những việc cón-con, Sư Bác, Sư Thầy sai bảo chú đều làm đến nơi, đến chốn.

Sư Thầy nhận thấy chú Tý thông-minh, vì nhiều lần sai chú, mới nói nửa chừng chú đã đoán được toàn ý của Sư Thầy.

Chú Tý ít nói vì hình như chú có tính mơ-mộng.

Đi tu sao lại mơ-mộng ?

Luật nhà chùa tưởng cũng không hẹp vì cửa từ-bi luôn luôn mở rộng.

Sư Thầy đã nhận thấy chú Tý thông-minh trong lúc thuyết pháp, dạy chú học kinh và sai bảo chú.

Còn nhận thấy chú mơ-mộng vì có một tối trăng thu sáng. Sư Thầy đã bắt gặp chú Tý rasân ngồi dưới gốc đa, đang ngắm những chiếc lá vàng rụng đầy sân. Có lẽ lúc bấy giờ chú Tý đang tự bảo thầm: « Một ngày đã quét hai lần, mà tối vẫn thấy lá và lá ».

Rồi chợt, chú nhìn lên trời, thấy muôn nghìn ngôi sao nhấp-nháy. Những ngôi sao ấy, chú Tý tưởng-tượng là những con mắt đẹp, ranh-mãnh đang nhìn chú, hay hơn thế nữa, là đang « nháy » chú.

Mô Phật ! Sự tưởng-tượng ấy đâu có phải tục ! Trong sạch chứ !

Trong sạch vì chú Tý chưa thoát khỏi vòng trần tục !

Chợt một ngôi sao lạ có đuôi hiện ở phương Đông. Chú trở mắt ra nhìn với tất cả sự ngạc-nhiên, « Đúng là ngôi Sao Chổi rồi ! »

Chú vừa nghĩ như thế thì một luồng gió thổi mạnh, tung bụi ở sân chùa lên, làm chú phải dụi mắt. Dụi mắt xong, chú nhìn thấy sân chùa đầy lá, trong ký-ức chú lại hiện ra câu : « Một ngày quét hai lần, mà tối vẫn thấy lá và lá ».

Bực mình, chú cất tiếng gọi sao Chổi :

*Chổi ơi ! Lá rụng đương mùa,
Có thương xuống quét sân chùa dùm tôi.*

Sư Thầy nghe rõ từng tiếng một. Nhưng Sư Thầy cũng mỉm cười tha-thứ vì Sư Thầy quảng-đại đã nhận thấy chú Tý chưa thoát khỏi vòng trần-tục.

ĐÍNH CHỈNH

TRANG	DÒNG	IN SAI LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
13	18	Agreemeat	Agreement
25	3	ging	giống
37	8	(e)	bỏ vì in dư
37	17	gieo và sa hần	gieo vắn sai hần
46	7	quý viết chừng nào	quý biết chừng nào
51	10	gieo vắn với u	gieo vắn a với u
65	27	dâm (cây)	giâm (cây)
69	10	(đề) dàng	(đẽ) dàng
97	3	phượng hoang	phượng hoàng
97	10	sang trắng	sáng trắng
99	12	chiến tranh	chiến tranh
99	16	tan tanh	tan tành
106	12	tò vo	tò vò
129	1	hiu hi	hiu hiu
130	11	thoa máy	thoa này
148	13	sảy (chợt)	sảy nhớ (chợt nhớ)
152	15	uẩn	uẩn (nộ)
154	3	quảng (mỹ)	quảng mỗ
158	7	trắng phiếu	trắng phếu
167	24	nhôm nhêm	nhại thông thả
187	13	Haikhi	Haikai
194	16	chia đôi	chia đội
240	17	trôi lăn	trôi lẩn

BỊ CHỮ : Trang 100 Tiếng Đồi thuộc vắn INH in sót :
 Công minh, phát minh, thanh minh, vắn minh.

MỤC LỤC I

Bình bút của Thi-sĩ THÁI-CAN	Trang 3
Khảo luận về văn	— 13
NGUYÊN-TẮC GIEO VĂN THƠ VIỆT :	
Văn Chính	— 17
Văn Thông	— 25
Qui tắc căn bản gieo Văn	— 37
Cách tìm Văn	— 54
Bảng tìm Văn	— 55
17 Mục tìm Văn	— 53
Phần tìm Văn Bằng (xin coi chi-tiết Mục Lục II)	— 59
Tiếng Đôi thuộc Văn Bằng (nt)	— 89
Thi-Liệu (Văn Bằng) (nt)	— 113
Phần tìm Văn Trắc (nt)	— 143
Thi-Liệu (Văn Trắc)	— 173
Nhận xét chung về Thơ	— 183
HAIKAI	— 187
Cách Gieo Văn	— 190
Văn Tiếp, Văn Chéo, Văn Ôm	— 197
Ngắt hơi, Choàng, Thông	— 198
Những Thanh Bằng và Trắc chỉ khác nhau vì dấu	— 199
Những chữ trong Thơ Việt khó dịch ra Nọại ngữ	— 200
Luật Thơ Đường	— 201
Thơ Tứ Tuyệt, Lục Thê Ngôn	— 206
Thơ Lục Bát, Song Thất Lục Bát	— 207
NHỮNG LỐI THƠ CẦU KỶ :	
Thuận nghịch độc, Vĩ tam thanh, Song điệp, Mặc thuyết	— 210
Thơ Thất nhất, Thơ Màu sắc, Thơ Tượng hình	— 215
Thơ Mới, Thơ Tự Do, Thơ Xuôi	— 219
Đồ Biều các Thanh trong bài Thơ	— 229
CHỈ NGŨ SẮC :	
Thời gian Không gian — Tiên Chiến	— 235
Thời gian Không gian — Hiện Đại	— 243
Thơ Xuôi	— 253

MỤC LỤC II

17 Mục Văn Bảng

MỤC I thuộc văn :			A OA Ơ U		Trang
— 2 —	—	AI OAI OI OI UOI OI UOI UI			59
— 3 —	—	AY OAY AY UAY			60
— 4 —	—	AM OAM ẨM OẨM ẨM ƠM ƠM			63
— 5 —	—	AN OAN ẪN OẪN ẪN UẪN ƠN ƠN UN			64
— 6 —	—	ANG OANG ẪNG ẪNG UẪNG ƠNG ƠNG ỪNG ỪNG			66
— 7 —	—	ANH OANH ẸNH ỈNH UYNH			68
— 8 —	—	AO OAO AU ẬU			71
— 9 —	—	EO OEO ỆU IU ƯU ƯƠU ỆU YÊU			72
— 10 —	—	E OE Ê UÊ I Y IA UY UYA			74
— 11 —	—	EN OEN ỈN ẸN ỈẸN UẸN YẸN			75
— 12 —	—	ENG IENG			78
— 13 —	—	EM ỀM ỈM ỈỀM YỀM			80
— 14 —	—	O Ô U ỤA			80
— 15 —	—	OM ỒM UỒM UM			81
— 16 —	—	ON ỒN UỒN UN			83
— 17 —	—	ONG ỒNG ỪNG ỜNG OANG			84
					85

Tiếng Dối Văn Bảng

MỤC	I thuộc văn :	A OA Ơ U	
— 2 —	—	AI OAI OI OI UOI OI UOI UI	89
— 3 —	—	AY OAY AY UAY	90
— 4 —	—	AM OAM ẨM OẨM ẨM ƠM ƠM	92
— 5 —	—	AN OAN ẪN OẪN ẪN UẪN ƠN ƠN UN	93
— 6 —	—	ANG OANG ẪNG ẪNG UẪNG ƠNG ỜNG ỪNG ỪNG	94
— 7 —	—	ANH OANH ẸNH ỈNH UYNH	96
— 8 —	—	AO OAO AU ẬU	98
— 9 —	—	EO OEO ỆU IU ƯU ƯƠU ỆU YÊU	100
— 10 —	—	E OE Ê UÊ I Y IA UY UYA UYÊ	102
— 11 —	—	EN OEN ỈN ẸN ỈẸN UẸN YẸN	102
— 12 —	—	ENG IENG	104
— 13 —	—	EM ỀM ỈM ỈỀM YỀM	105
— 14 —	—	O Ô U ỤA UỒ	105
— 15 —	—	OM ỒM UỒM UM	106
— 16 —	—	ON ỒN UỒN UN	107
— 17 —	—	ONG ỒNG ỪNG ỜNG OANG	107
			108

Thi Liệu Văn Bảng

			Trang
MỤC	I thuộc văn :	A OA Ơ Ớ Ỡ	113
— 2	—	AI OAI OI OI UOI OI ƯOI UI	116
— 3	—	AY OAY ẤY UÂY	118
— 4	—	AM OAM ẨM OẨM ẨM ƠM ƯƠM	120
— 5	—	AN OAN ẪN OẪN ẪN UẪN ƠN ƯƠN ỠN	21
— 6	—	ANG OANG ẪNG ẪNG UẪNG ƯƠNG UÔNG ỠNG	122
— 7	—	ANH OANH ẼNH INH UYNH	123
— 8	—	AO OAO AU ẬU	126
— 9	—	EO OEO ỆU IU ỠU ƯƠU ẬU YÊU	127
— 10	—	E EO Ê ỆÊ I Y IA UY UYA UYỀ	129
— 11	—	EN OEN IN ẼN ỈẼN UYẼN YẼN	131
— 12	—	ENG IẼNG	134
— 13	—	EM ẼM IM ỈẼM YẼM	134
— 14	—	O Ô U UA UÔ	136
— 15	—	OM ƠM UƠM UM	137
— 16	—	ON ƠN UƠN UN	137
— 17	—	ONG ỜNG UNG OONG OANG	138

17 Mục Văn Trắc

MỤC	I thuộc văn :	A OA Ơ Ớ Ỡ	143
— 2	—	AI OAI OI OI UOI OI ƯOI UI	145
— 3	—	AY OAY ẤY UÂY	148
— 4	—	AM OAM ẨM OẨM ẨM ƠM ƯƠM	149
— 5	—	AN OAN ẪN OẪN ẪN UẪN ƠN ƯƠN ỠN	150
— 6	—	ANG OANG ẪNG ẪNG UẪNG ƯƠNG UÔNG ỠNG	153
— 7	—	ANH OANH ẼNH INH UYNH	154
— 8	—	AO OAO AU ẬU	156
— 9	—	EO OEO ỆU IU ỠU ƯƠU ẬU YÊU	175
— 10	—	E OE Ê ỆÊ I Y IA UY UYA UYỀ	159
— 11	—	EN OEN IN ẼN ỈẼN UYẼN YẼN	161
— 12	—	ENG IẼNG	163
— 13	—	EM ẼM IM ỈẼM YẼM	163
— 14	—	O Ô U UA UÔ	164
— 15	—	OM ƠM UƠM UM	166
— 16	—	ON ƠN UƠN UN	168
— 17	—	ONG ỜNG UNG OONG OANG	169

- ❶ Tìm Văn Thơ Chữ Hán dùng :
THI VÂN TẬP THÀNH ĐỜI ĐƯỜNG.
- ❷ Tìm Văn Thơ Tiếng Pháp dùng :
DICTIONNAIRE DES RIMES FRANÇAISES
của Ph. Martinon.
- ❸ Tìm Văn Thơ Việt dùng :
Tự Vựng **GIEO VẦN THƠ VIỆT**
của **NGUYỄN-XUÂN-NGHI.**

TÁC-GIA GIỮ BẢN-QUYỀN

Thư Giao-Dịch Gửi về :
Ô. NGUYỄN-XUÂN-NGHI
61 Đống-Đa Đà-Nẵng
Đ.T. 20031

Giấy phép số 234 UBKD/VICT ngày 06-12-72 Gia hạn 06-3-75
IN TẠI NHÀ IN TRUNG-HƯNG 24 ĐẠI LỘ THỐNG-NHẤT ĐÀ-NẴNG

Giá 500\$00

lời nói chót

Chúng tôi đã hoàn thành công tác :

Viết xong cuốn sách này, giữa những cảm xúc sáo trộn, giao động, khích thích, diễn tả vụng về, lặc lợng. Khi viết chúng tôi không lãng quên :

« NGƯỜI VIẾT KHÔNG CÓ QUYỀN LÀM LẦN »

Cả con người chúng tôi đã cố gắng để đạt tới đích đó, nhưng sức con người có hạn, sức chúng tôi lại yếu đuối. Vậy nếu có làm lẩn là ngoài ý muốn. Thú nhận làm lẩn bởi yếu đuối bất lực, chúng tôi mong dễ được chia sẻ. Độc-Giả tha thứ, vì tội thú đã được nửa phần tha tội.

Đầu mùa Phụng-Vũ Quý-Sưu

Tổ-Nữ

Huân-Ngbi

*VỚI Gieo Văn Thơ Việt chúng ta sẽ sáng-tác Thơ dễ
dàng hơn, và nhất là chúng ta không mất thì giờ tìm
vần, không sợ thiếu lỵt vần.*

Thi-Sr THÁI-CAN

Sách mới có lần đầu tiên tại Việt-Nam

GIEO VĂN THƠ VIỆT
của NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ

Đề rím tất cả Văn Thơ Việt BẰNG và TRẮC như tra tự-điền.

MOTNGHINCHINTRAMBAYMƯƠIBA

